

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



ĐỆ
TAM
PHÁP
CHỦ
TÒAN
TẬP



KINH BÁCH DỤ

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ dịch



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐỆ TAM PHÁP CHỦ TOÀN TẬP
KINH BÁCH DỤ

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ dịch

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Địa chỉ: 53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm- TP.Hà Nội

ĐT: (024). 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

ThS. Nguyễn Hữu Có

Chịu trách nhiệm nội dung

Q.Tổng Biên tập: Lê Hồng Sơn

Biên tập: Nguyễn Thị Hà

Sửa bản in: Vĩnh Nghiêm Tùng Thư

Trình bày: Vĩnh Nghiêm Tùng Thư

Thiết kế bìa: Trần Khánh Linh

Đơn vị liên kết xuất bản

Trung tâm Biên phiên dịch Tư liệu Phật giáo Quốc tế

Chùa Long Hưng, thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc, huyện
Đông Anh, thành phố Hà Nội

Website: www.phathoc.net | Sách điện tử: www.phapbao.org

Website sách giấy: www.vinhnghiembooks.com

Kênh sách nói Youtube: Sách nói Phật giáo - Pháp Âm Vĩnh
Nghiêm

In 5.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Công ty TNHH In và Thương mại Mê Linh, xóm Chợ, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

*Mã ISBN: 978-604-61-8778-3. Số ĐKXB: 2823-2022/
CXBIPH/08-110/TG*

QĐXB: 473/QĐ-NXBTG ngày 15 tháng 8 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2022.

Như kẻ ngoại đạo trộm lời hay của Phật làm của mình, đến lúc người ta bảo tu hành thì không chịu theo, trả lời: “Chỉ vì lợi dưỡng, nên đem lời Phật dạy bảo chúng sinh mà không có sự thật, còn nói gì tu hành. Cũng như kẻ ngu vì cần tiền của mà nhận là anh, khi đòi nợ thì không nhận là anh cũng như thế đấy”.

Lời nói đầu

Tín chúng học Phật ai cũng công nhận Đức Thế Tôn thuyết pháp khai thị thường dùng ẩn dụ, thí dụ cho chúng dễ hiểu. Như *Giới Kinh Tỷ Khiêu* có dụ “Ông kiểm hoa, người hủ chân”, *Kinh Pháp Hoa* có chín dụ, nhất là luận Nhân minh. Có dụ thì tông, nhân hợp kết mới rõ, bảo đảm lý sự được chắc chắn. *Kinh Bách Dụ* này cố nhiên không ngoài quy tắc ấy.

Tôn giả Tăng Già Tư Na biên soạn 100 truyện từ trong tạng kinh 12 bộ, Ngài Cầu Na Tỳ Địa dịch sang Trung văn, các Ngài đều là người Thiên Trúc.

Mùa an cư năm Quý Mùi 2003 (PL. 2547), Trường Trung cấp Phật học Hà Tây giảng kinh này.

Nhân cơ duyên phương tiện tôi cũng góp thêm vào cuốn kinh này chuyện *Lừa ba chân ở Khóa hư lục* của tác giả vua Trần Thái Tông dòng thiền Yên Tử Việt Nam.

Khóa hạ kết thúc, chúng yêu cầu in lưu hành nội bộ.

Việt dịch tuy đã cố gắng hết ý mình, nhưng chưa hẳn đã tránh khỏi sai lầm. Nếu ấn phẩm này hân hạnh đến được tay quý ngài, rất mong được các bậc cao minh phủ chính.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Tây, ngày 15 tháng 8 năm Quý Mùi

Việt dịch

Sa môn Thích Phổ Tuệ

Phân Duyên Khởi

Chính văn

聞如是：

一時佛在王舍城，在鵠封竹園，與諸大比丘菩薩摩訶薩及諸八部三萬六千人俱。是時會中有異學梵志五百人俱，從座而起白佛言：「吾聞佛道洪深，無能及者，故來歸

問，唯願說之。」

佛言：「甚善。」

問曰：「天下為有為無？」

答曰：「亦有亦無。」

梵志曰：「如今有者，云何言無？如今無者，云何言有？」

答曰：「生者言有，死者言無，故說或有或無。」

問曰：「人從何生？」

答曰：「人從穀而生。」

問曰：「五穀從何而生？」

答曰：「五穀從四大火風而生。」

問曰：「四大火風從何而生？」

答曰：「四大火風從空而生。」

問曰：「空從何生？」

答曰：「從無所有生。」

問曰：「無所有從何而生？」

答曰：「從自然生。」

問曰：「自然從何而生？」

答曰：「從泥洹而生。」

問曰：「泥洹從何而生？」

佛言：「汝今問事何以爾深？泥洹者是不生不死法。」

問曰：「佛泥洹未？」

答曰：「我未泥洹。」

「若未泥洹，云何得知泥洹常樂？」

佛言：「我今問汝，天下眾生為苦為樂？」

答曰：「眾生甚苦。」

佛言：「云何名苦？」

答曰：「我見眾生死時苦痛難忍，故知死苦。」

佛言：「汝今不死亦知死苦，我見十方諸佛不生不死故知泥洹常樂。」

五百梵志心開意解，求受五戒，悟須陀洹果，復坐如故。

佛言：「汝等善聽！今為汝廣說眾喻。」

Phiên âm

Văn như thị:

Nhất thời Phật tại Vương xá thành, tại Thuộc Phong Trúc viên, dữ chư đại tử khiêu Bồ tát ma ha tát cập chư bát bộ tam vạn lục thiên nhân câu. Thị thời hội trung hữu đệ học Phạm chí ngũ bách nhân câu, tông tòa nhi khởi bạch Phật ngôn: “Ngô văn Phật đạo hồng thâm, vô năng cập giả, cố lai quy vấn, duy nguyện thuyết chi”.

Phật ngôn: “Thậm thiện”.

Vấn viết: “Thiên hạ vi hữu vi vô?”

Đáp viết: “Diệc hữu diệc vô”.

Phạm chí viết: “Như kim hữu giả, vân hà ngôn vô? Như kim vô giả, vân hà ngôn hữu?”

Đáp viết: “Sinh giả ngôn hữu, tử giả ngôn vô, cố thuyết hoặc hữu hoặc vô”.

Vấn viết: “Nhân tông hà sinh?”

Đáp viết: “Nhân tông cốc nhi sinh”.

Vấn viết: “Ngũ cốc tông hà nhi sinh?”

Đáp viết: “Ngũ cốc tông tứ đại hỏa phong nhi sinh”.

Vấn viết: “Tứ đại hỏa phong tông hà nhi sinh?”

Đáp viết: “Tứ đại hỏa phong tông không nhi sinh”.

Vấn viết: “Không tông hà sinh?”

Đáp viết: “Tông vô sở hữu sinh”.

Vấn viết: “Vô sở hữu tông hà nhi sinh?”

Đáp viết: “Tông tự nhiên sinh”.

Vấn viết: “Tự nhiên tông hà nhi sinh?”

Đáp viết: “Tông Nê hoàn nhi sinh”.

Vấn viết: “Nê hoàn tông hà nhi sinh?”

Phật ngôn: “Nhữ kim vấn sự hà dĩ nhĩ thâm? Nê hoàn giả thị bất sinh bất tử pháp”.

Vấn viết: “Phật Nê hoàn vị?”

Đáp viết: “Ngã vị Nê hoàn”.

“Nhược vị Nê hoàn, vân hà đắc tri Nê hoàn thường lạc?”

Phật ngôn: “Ngã kim vấn nhữ, thiên hạ chúng sinh vi khổ vi lạc?”

Đáp viết: “Chúng sinh thậm khổ”.

Phật ngôn: “Vân hà danh khổ?”

Đáp viết: “Ngã kiến chúng sinh tử thời khổ thống nan nhẫn, cố tri tử khổ”.

Phật ngôn: “Nhữ kim bất tử diệt tri tử khổ, ngã kiến thập phương

chư Phật bất sinh bất tử cố tri Nê hoàn thường lạc”.

Ngũ bách Phạm chí tâm khai ý giải, cầu thụ ngũ giới, ngộ Tu đà hoàn quả, phục tọa như cố.

Phật ngôn: “Nhữ đẳng thiện thính! Kim vị nhữ quảng thuyết chúng dụ”.

Dịch nghĩa

Chính tôi được nghe, một thời Phật ở vườn Trúc Thuộc Phong thành Vương Xá với các bậc Đại Bồ tát, Tỷ kheo và tám bộ ba vạn sáu ngàn vị.

Thời ấy ở trong pháp hội có cả 500 người ngoại đạo Phạm chí từ tòa đứng lên bạch Phật rằng: “Tôi nghe đạo Phật rộng sâu lắm, không lường nổi được, nên tôi đến muốn hỏi xin Phật trả lời”.

Phật nói: “Hay lắm!”

Hỏi: “Thiên hạ là có hay không?”

Đáp: “Cũng có cũng không”.

Hỏi: “Hiện có đây sao bảo là không? Đã là không sao bảo là có?”

Đáp: “Sống thì là có, chết nên là không. Vì thế nên hoặc có hoặc không”.

Hỏi: “Loài người từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ thóc sinh ra”.

Hỏi: “Ngũ cốc từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ tứ đại hỏa phong sinh ra”.

Hỏi: “Tứ đại hỏa phong từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ không khí sinh ra”.

Hỏi: “Không khí từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ chỗ vô sở hữu sinh ra”.

Hỏi: “Vô sở hữu từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ tự nhiên sinh ra”.

Hỏi: “Tự nhiên từ đâu sinh ra?”

Đáp: “Từ Nê hoàn sinh ra”.

Hỏi: “Nê hoàn từ đâu sinh ra?”

Phật nói: “Ông hỏi sao mà sâu thế? Nê hoàn là pháp bất sinh, bất tử”.

Hỏi: “Thế Phật đã Nê hoàn chưa?”

Đáp: “Ta chưa Nê hoàn”.

Hỏi: “Nếu chưa Nê hoàn tại sao biết được Nê hoàn thường vui?”

Phật nói: “Giờ tôi hỏi ông, chúng sinh trong thiên hạ là khổ hay vui?”

Đáp: “Chúng sinh rất khổ”.

Phật hỏi: “Thế nào là khổ?”

Đáp: “Tôi thấy chúng sinh khi chết đau khổ khó nhằn, nên biết chết là khổ”.

Phật nói: “Ông nay chưa chết cũng biết chết khổ. Ta thấy mười phương chư Phật không sinh, không tử nên biết Nê hoàn thường vui”.

Năm trăm Phạm chí tâm ý cõi mở, cầu thụ ngũ giới chúng quả Tu đà hoàn, lại ngồi như trước.

Phật dạy: “Các ông phải nghe rõ, tôi nói cho mọi truyện ví dụ”.

1

Kẻ ngu ăn muối

Chính văn

愚人食鹽喻

昔有愚人至於他家，主人與食嫌淡無味，主人聞已更為益鹽。既得鹽美，便自念言：「所以美者緣有鹽故，少有尚爾況復多也？」

愚人無智便空食鹽，食已口爽返為其患。

譬彼外道聞節飲食可以得道，即便斷食或經七日或十五日，徒自困餓無益於道。如彼愚人，以鹽美故而空食之，致令口爽，此亦復爾。

Phiên âm

NGU NHÂN THỰC DIÊM DỤ

Tích hữu ngu nhân chí ư tha gia, chủ nhân dữ thực hiêm đạm vô vị, chủ nhân văn dĩ canh vi ích diêm. Ký đắc diêm mỹ, tiện tự niệm ngôn: “Sở dĩ mỹ giả duyên hữu diêm cố, thiểu hữu thượng nhĩ hưởng phục đa dã?”

Ngu nhân vô trí tiện không thực diêm, thực dĩ khẩu sảng phản vi kỳ hoạn.

Thí bỉ ngoại đạo văn tiết ẩm thực khả dĩ đắc đạo, tức tiện đoạn thực hoặc kinh thất nhật hoặc thập ngũ nhật, đồ tự khổn ngã vô ích ư đạo. Như bỉ ngu nhân, dĩ diêm mỹ cố nhi không thực chi, trí linh khẩu sảng, thủ diệc phục nhĩ.

Dịch nghĩa

Xưa có chàng ngu, đến một nhà kia, họ cho ăn nhạt chê không ngon, họ nghe thấy vậy lấy cho thêm muối. Anh chàng kia ăn thấy ngon, anh tự nghĩ rằng ngon là vì có muối, ít muối mà còn ngon

thế thì nhiều muối hẳn ngon hơn.

Thế rồi anh ăn muối không, ăn nghe sướng miệng, nhưng lại bị khốn vì mặn quá.

Ví như ngoại đạo nghe chuyện ăn dè sẻn có thể đắc đạo, liền bỏ hẳn ăn uống trong bảy ngày, hoặc mười lăm ngày, nhưng chỉ bị khốn thân chứ không ích cho đạo. Như kẻ ngu kia chỉ ăn rất muối đến nổi xoắn miệng.

2

Kẻ ngu góp sữa bò

Chính văn

愚人集牛乳喻

昔有愚人將會賓客，欲集牛乳以擬供設，而作是念：「我今若豫於日日中搆取牛乳，牛乳漸多卒無安處，或復酢敗。不如即就牛腹盛之，待臨會時當頓搆取。」

作是念已，便捉牝牛母子，各繫異處。却後一月，爾乃設會迎置賓客，方牽牛來欲取乳，而此牛乳即乾無有。時為眾賓或瞋或笑。

愚人亦爾，欲修布施，方言待我大有之時，然後頓施。未及聚頃，或為縣官水火盜賊之所侵奪，或卒命終不及時施，彼亦如是。

Phiên âm

NGU NHÂN TẬP NGƯU NHŨ DỤ

Tích hữu ngu nhân tương hội tân khách, dực tập ngưu nhũ dĩ nghĩ cung thiết, nhi tác thị niệm: “Ngã kim nhược dực ư nhật nhật trung cấu thủ ngưu nhũ, ngưu nhũ tiệm đa tốt vô an xử, hoặc phục tạc bại. Bất như tức tựu ngưu phúc thành chi, đãi lâm hội thời đương đồn cấu thủ”.

Tác thị niệm dĩ, tiện tróc tự ngưu mẫu tử, các hệ dị xứ. Khước hậu nhất nguyệt, nhĩ nãi thiết hội nghinh trí tân khách, phương khiên ngưu lai dực cấu thủ nhũ, nhi thủ ngưu nhũ tức can vô hữu. Thời vi chúng tân hoặc sân hoặc tiếu.

Ngư nhân diệc nhĩ, dực tu bố thí, phương ngôn đãi ngã đại hữu chi thời, nhiên hậu đồn thí. Vị cập tự khoảnh, hoặc vi huyện quan thủy hỏa đạo tặc chi sở xâm đoạt, hoặc tốt mệnh chung bất cập thời thí, bỉ diệc như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu muốn tích sữa bò để đãi khách, tự nghĩ: “Nếu ngày nào ta cũng vắt sữa thì thành ra nhiều quá không có chỗ để, hoặc nó hóa chua. Chẳng bằng cứ để ở bụng bò, khi nào thết khách hãy vắt ra”.

Nghĩ thế rồi liền đem bò mẹ, bò con buộc cách riêng ra khác nơi. Sau một tháng mới đặt tiệc mời khách, dắt bò ra vắt sữa thì sữa tiêu hết rồi, thế là kẻ bực, người chê.

Ví như kẻ ngu, muốn tu bá thí, nhưng đợi tới khi nào giàu to đã, nhưng có ngờ đâu hoặc bị quan tịch thu, nước, lửa, trộm, cướp hay chết trước không kịp bá thí.

3

Lấy gậy đập vỡ đầu

Chính văn

以梨打頭破喻

昔有愚人頭上無毛，時有一人以梨打頭，乃至二三悉皆傷破，時此愚人默然忍受不知避去。傍人見已而語之言：「何不避去，乃住受打致使頭破？」

愚人答言：「如彼人者憍慢恃力癡無智慧，見我頭上無有髮毛謂為是石，以梨打我頭破乃爾。」

傍人語言：「汝自愚癡，云何名彼以為癡也？汝若不癡，為他所打，乃至頭破不知逃避？」

比丘亦爾，不能具修信、戒、聞、慧，但整威儀以招利養，如彼愚人被他打頭不知避去，乃至傷破反謂他癡，此比丘者亦復如是。

Phiên âm

DĨ LÊ ĐẢ ĐẦU PHÁ DỤ

Tích hữu ngu nhân đầu thượng vô mao, thời hữu nhất nhân dĩ lê đả đầu, nãi chí nhị tam tất giai thương phá, thời thử ngu nhân mặc nhiên nhẫn thụ bất tri tỵ khứ. Bàng nhân kiến dĩ nhi ngữ chi ngôn: “Hà bất tỵ khứ, nãi trụ thụ đả trí sử đầu phá?”

Ngu nhân đáp ngôn: “Như bỉ nhân giả kiêu mạn thị lực si vô trí tuệ, kiến ngã đầu thượng vô hữu phát mao vị vi thị thạch, dĩ lê đả ngã đầu phá nãi nhĩ”.

Bàng nhân ngữ ngôn: “Nhữ tự ngu si, vân hà danh bỉ dĩ vi si dã? Nhữ nhược bất si, vi tha sở đả, nãi chí đầu phá bất tri đào tỵ?”

Tỷ khiêu diệc nhĩ, bất năng cụ tu tín, giới, văn, tuệ, dẫn chính uy

nghi dĩ chiêu lợi dưỡng, như bỉ ngu nhân bị tha đả đầu bất tri tỵ khứ, nãi chí thương phá phản vị tha si, thử Tỹ khiêu giả diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu đầu không tóc, bị người khác dùng gậy đập đầu đến vỡ, kẻ ngu cứ nhẫn chịu không tránh. Người ta thấy thế bảo: “Sao không tránh đi, cứ chịu vỡ đầu?”

Đáp: “Họ là kẻ ngu, kiêu mạn ngu si không trí tuệ, thấy ta không tóc cho là đá, đánh ta vỡ đầu”.

Người bên thấy thế nói: “Đúng anh là ngu, chứ không phải họ ngu, bị đánh vỡ đầu không biết tránh”.

Tỹ khiêu cũng thế, không chịu tu học giữ giới, chỉ ra vẻ uy nghi để kiếm lợi dưỡng. Như kẻ ngu bị đánh vỡ đầu không tránh, đến nỗi bị thương vỡ lại bảo kẻ khác là ngu si.

4

Vợ giả vờ chết

Chính văn

婦詐稱死喻

昔有愚人，其婦端正，情甚愛重；婦無直信，後於中間共他交往，邪姪心盛欲逐傍夫捨離己婦，於是密語一老母言：「我去之後，汝可齎一死婦女屍安著屋中，語我夫言，云我已死。」

老母於後伺其夫主不在之時，以一死屍置其家中。及其夫還，老母語言：「汝婦已死。」

夫即往視，信是己婦，哀哭懊惱，大□薪油燒取其骨，以囊盛之晝夜懷挾。婦於後時心厭傍夫便還歸家，語其夫言：「我是汝妻。」

夫答之言：「我婦久死，汝是阿誰妄言我婦？」乃至二三猶故不信。

如彼外道聞他邪說心生惑著，謂為真實永不可改，雖聞正教不信受持。

Phiên âm

PHỤ TRÁ XƯNG TỬ DỤ

Tích hữu ngu nhân, kỳ phụ đoan chính, tình thậm ái trọng; phụ vô trực tín, hậu ư trung gian cộng tha giao vãng, tà tâm thâm thịnh dục trục bàng phu xả ly kỷ tể, ư thị mật ngữ nhất lão mẫu ngôn: “Ngã khứ chi hậu, nhữ khả tề nhất tử phụ nữ thi an trước ốc trung, ngữ ngã phu ngôn, vân ngã dĩ tử”.

Lão mẫu ư hậu tứ kỳ phu chủ bất tại chi thời, dĩ nhất tử thi trí kỳ gia trung. Cập kỳ phu hoàn, lão mẫu ngữ ngôn: “Nhữ phụ dĩ tử”.

Phu tức vãng thị, tín thị kỷ phụ, ai khố áo não, đại tích tâm du thiêu thủ kỷ cốt, dĩ nang thành chi trú dạ hoài hiệp. Phụ ư hậu thời tâm yếm bàng phu tiện hoàn quy gia, ngữ kỷ phu ngôn: “Ngã

thị nhữ thể”.

Phu đáp chi ngôn: “Ngã phụ cứu tử, nhữ thị a thùy vọng ngôn ngã phụ?” Nãi chí nhĩ tam do cố bất tín.

Như bỉ ngoại đạo văn tha tà thuyết tâm sinh hoặc trước, vị vi chân thực vĩnh bất khả cải, tuy văn chính giáo bất tín thụ trì.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu rất yêu vợ đẹp nhưng vợ lăng lơ ngoại tình. Một lần vợ đi với trai, bảo một bà lão: “Lần này tôi đi vắng, bà giúp tôi đem một xác cô gái đặt vào giường tôi, bảo là tôi chết rồi”.

Đến khi chồng cô vắng, bà già kia làm theo kế đã bày.

Đến lúc chồng về nhìn thấy thây người, tin là vợ mình đã chết, kêu gào thảm thiết, đem thây chết đốt lấy tro đựng vào lọ, đeo suốt ngày đêm, đi đến đâu cũng không rời.

Đến khi vợ theo trai chán rồi về với chồng chính, lại nhận là vợ, nói mấy người chồng cũng không tin nữa.

Ví như kẻ ngoại đạo nói bậy, tâm mình bị mê nhận là đúng thực, không chịu sửa đổi, dù nghe chính pháp cũng không tin nhận.

5

Khát thấy nước

Chính văn

渴見水喻

過去有人，癡無智慧，極渴須水，見熱時炎謂為是水，即便逐走至辛頭河，既至河所對視不飲。傍人語言：「汝患渴逐水，今至水所何故不飲？」

愚人答言：「君可飲盡，我當飲之，此水極多俱不可盡，是故不飲。」爾時眾人聞其此語，皆大嗤笑。

譬如外道僻取其理，以己不能具持佛戒，遂便不受，致使將來無得道分、流轉生死，若彼愚人見水不飲為時所笑，亦復如是。

Phiên âm

KHÁT KIẾN THỦY DỤ

Quá khứ hữu nhân, si vô trí tuệ, cực khát tu thủy, kiến nhiệt thời viêm vị vi thị thủy, tức tiện trực tẩu chí tâm đầu hà, ký chí hà sở đối thị bất ẩm. Bàng nhân ngữ ngôn: “Nhữ hoạn khát trực thủy, kim chí thủy sở hà cố bất ẩm?”

Ngu nhân đáp ngôn: “Quân khả ẩm tận, ngã đương ẩm chi, thử thủy cực đa câu bất khả tận, thị cố bất ẩm”. Nhĩ thời chúng nhân văn kỳ thử ngữ, giai đại xuy tiếu.

Thí như ngoại đạo tích thủ kỳ lý, dĩ kỷ bất năng cụ trì Phật giới, toại tiện bất thụ, trí sử tương lai vô đắc đạo phận, lưu chuyển sinh tử, nhược bĩ ngu nhân kiến thủy bất ẩm vi thời sở tiếu, diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Thuở quá khứ có kẻ ngu si, thấy hơi nước bốc cho đấy là nước liền chạy tới sông. Đã đến rồi chỉ đứng nhìn, không uống. Người bên cạnh nói: “Anh bị khát đi tìm nước, nay đến chỗ nước sao không uống?”

Kẻ ngu đáp: “Anh cứ uống hết, rồi tôi sẽ uống, nước này rất nhiều, uống không hết được, thế nên không uống”. Lúc đó mọi người nghe hẳn nói thế đều chê cười.

Ví như ngoại đạo, cho là mình không giữ đủ được giới Phật thì không dám thụ, đến nỗi sau này không có phần đắc đạo, trôi vào sinh tử, như kẻ ngu kia thấy nước không uống, bị đời chê cười.

6

Con chết muốn để ở nhà

Chính văn

子死欲停置家中喻

昔有愚人養育七子，一子先死。時此愚人見子既死，便欲停置於其家中，自欲棄去。傍人見已而語之言：「生死道異，當速莊嚴致於遠處而殯葬之，云何得留自欲棄去？」

爾時愚人聞此語已即自思念：「若不得留要當葬者，須更殺一子停擔兩頭乃可勝致。」

於是便更殺其一子，而擔負之遠葬林野。時人見之，深生嗤笑怪未曾有。

譬如比丘私犯一戒，情憚改悔，默然覆藏自說清淨，或有知者即語之言：「出家之人守持禁戒如護明珠不使缺落，汝今云何違犯所受欲不懺悔？」

犯戒者言：「苟須懺者，更就犯之然後當出。」遂便破戒多作不善，爾乃頓出。

如彼愚人一子既死又殺一子，今此比丘亦復如是。

Phiên âm

TỬ TỬ DỤC ĐÌNH TRÍ GIA TRUNG DỤ

Tích hữu ngu nhân dưỡng dục thất tử, nhất tử tiên tử. Thời thử ngu nhân kiến tử ký tử, tiện dục đình trí ư kỳ gia trung, tự dục khí khứ. Bàng nhân kiến dĩ nhi ngữ chi ngôn: “Sinh tử đạo dị, đương tốc trang nghiêm trí ư viễn xứ nhi thần táng chi, vân hà đắc lưu tự dục khí khứ?”

Nhĩ thời ngu nhân văn thử ngữ dĩ tức tự tư niệm: “Nhược bất đắc

lưu yếu đương táng giả, tu cánh sát nhất tử đình đảm lương đầu nãi khả thắng trí”.

Ư thị tiện cánh sát kỳ nhất tử, nhi đảm phụ chi viễn táng lâm dã. Thời nhân kiến chi, thâm sinh xuy tiểu quái vị tăng hữu.

Thí như Tỷ khiêu tư phạm nhất giới, tình đan cải hối, mặc nhiên phú tàng tự thuyết thanh tịnh, hoặc hữu tri giả tức ngũ chi ngôn: “Xuất gia chi nhân thủ trì cấm giới như hộ minh châu bất sử khuyết lạc, nhữ kim vân hà vi phạm sở thụ dục bất sám hối?”

Phạm giới giả ngôn: “Cầu tu sám giả, cánh tự phạm chi nhiên hậu đương xuất”. Toại tiện phá giới đa tác bất thiện, nhĩ nãi đồn xuất. Như bỉ ngu nhân nhất tử ký tử hựu sát nhất tử, kim thủ Tỷ khiêu diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu, nuôi bảy người con, một đứa chết trước. Khi ấy kẻ ngu kia thấy con đã chết, hắn muốn để ở nhà không chôn, tự hắn bỏ đi. Người nhà bên thấy thế nói: “Sống chết khác lối, phải bố trí đem đi chôn cất, ai lại bỏ đấy rồi mình bỏ đi”.

Kẻ ngu nghe rồi tự nghĩ: “Nếu không để được mà phải đem chôn, thì phải giết đứa nữa để gánh cho cân”.

Thế rồi hắn giết đứa nữa gánh vào rừng chôn. Người đời thấy thế cho là quái gở chưa từng có.

Ví như Tỷ khiêu trót phạm một giới, ngại không cải hối, mặc nhiên che giấu nói mình thanh tịnh, có bậc trí giả nhắc nhở: “Người xuất gia phải giữ giới cấm như con người mắt chó để hồng mồi chữa, sao ông phạm giới không chịu sám hối?”

Người phạm giới nói: “Nếu phải sám hối thì phá thêm nhiều giới nữa rồi thú tội một thế”.

Như kẻ ngu kia, đã chết một con giết thêm con nữa. Tỷ khiêu nay cũng thế.

Nhận người làm anh

Chính văn

認人為兄喻

昔有一人形容端正智慧具足，復多錢財，舉世人聞無不稱歎。

時有愚人見其如此，便言我兄。所以爾者，彼有錢財須者則用之，是故為兄；見其還債，言非我兄。

傍人語言：「汝是愚人！云何須財名他為兄？及其債時復言非兄。」

愚人答言：「我以欲得彼之錢財認之為兄，實非是兄，若其債時則稱非兄。」人聞此語無不笑之。

猶彼外道，聞佛善語貪竊而用以為己有，乃至傍人教使修行不肯修行，而作是言：

「為利養故，取彼佛語化道眾生，而無實事，云何修行？」

猶向愚人為得財故言是我兄，及其債時復言非兄，此亦如是。

Phiên âm

NHẬN NHÂN VI HUYNH DỤ

Tích hữu nhất nhân hình dung đoan chính trí tuệ cụ túc, phục đa tiền tài, cử thế nhân văn vô bất xưng thán.

Thời hữu ngu nhân kiến kỳ như thử, tiện ngôn ngã huynh. Sở dĩ nhĩ giả, bỉ hữu tiền tài tu giả tắc dụng chi, thị cố vi huynh; kiến kỳ hoàn trái, ngôn phi ngã huynh.

Bàng nhân ngữ ngôn: “Nhữ thị ngu nhân! Vân hà tu tài danh tha vi huynh? Cập kỳ trái thời phục ngôn phi huynh”.

Ngũ nhân đáp ngôn: “Ngã dĩ dục đắc bỉ chi tiền tài nhận chi vi huynh, thực phi thị huynh, nhược kỳ trái thời tắc xưng phi huynh”. Nhân văn thử ngữ vô bất tiểu chi.

Do bỉ ngoại đạo, văn Phật thiện ngữ tham thiết nhi dụng dĩ vi kỷ hữu, nãi chí bàng nhân giáo sử tu hành bất khảng tu hành, nhi tác thị ngôn: “Vị lợi dưỡng cố, thủ bỉ Phật ngữ hóa đạo chúng sinh, nhi vô thực sự, vân hà tu hành?”

Do hướng ngũ nhân vi đắc tài cố ngôn thị ngã huynh, cập kỳ trái thời phục ngôn phi huynh, thử diệc như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người hình dung đoan chính, có đủ trí tuệ lại nhiều tiền của, cả thế gian ai cũng khen ngợi.

Có một kẻ ngu thấy họ thế liền nhận là anh mình. Người kia có tiền, lúc cần thì mượn dùng, đến lúc phải trả nợ thì không nhận là anh.

Người khác bảo: “Người là kẻ ngu, lúc cần tiền thì nhận là anh, khi phải trả nợ thì lại nói không phải anh”.

Kẻ ngu đáp: “Tôi vì muốn được tiền tiêu, nên mới nhận họ là anh, chứ thực ra không phải”. Nghe hẳn nói thế ai cũng chê cười.

Như kẻ ngoại đạo trộm lời hay của Phật làm của mình, đến lúc người ta bảo tu hành thì không chịu theo, lại trả lời rằng: “Chỉ vì lợi dưỡng, nên đem lời Phật để dạy bảo chúng sinh, mà không có sự thật, còn nói gì tu hành”.

Cũng như kẻ ngu vì cần tiền của mà nhận là anh, khi đòi nợ thì không nhận là anh, cũng như thế đấy.

Người rừng trộm áo quan

Chính văn

山羌偷官庫喻

過去之世有一山羌，偷王庫物而遠逃走。爾時國王遣人四出推尋捕得，將至王邊。王即責其所得衣處，山羌答言：「我衣乃是祖父之物。」

王遣著衣，實非山羌本所有故，不知著之，應在手者著於腳上，應在腰者返著頭上。

王見賊已，集諸臣等共詳此事，而語之言：「若是汝之祖父已來所有衣者，應當解著，云何顛倒用上為下？以不解故，定知汝衣必是偷得，非汝舊物。」

借以為譬，王者如佛，寶藏如法，愚癡羌者猶如外道，竊聽佛法著已法中以為自有，然不解故，布置佛法迷亂上下，不知法相。如彼山羌得王寶衣，不識次第顛倒而著，亦復如是。

Phiên âm

SƠN KHƯƠNG THÂU QUAN KHỔ DỤ

Quá khứ chi thế hữu nhất sơn hương, thân vương khổ vật nhi viễn đào tẩu. Nhĩ thời quốc vương khiển nhân tứ xuất thối tầm bồ đắc, tương chí vương biên. Vương tức trách kỳ sở đắc y xú, sơn hương đáp ngôn: “Ngã y nãi thị tổ phụ chi vật”.

Wương khiển trước y, thực phi sơn hương bản sở hữu cổ, bất tri trước chi, ưng tại thủ giả trước ư cước thượng, ưng tại yêu giả phản trước đầu thượng.

Wương kiến tặc dĩ, tập chư thần đẳng cộng tường thử sự, nhi ngũ chi ngôn: “Nhược thị nhữ chi tổ phụ dĩ lai sở hữu y giả, ưng đương giải trước, vân hà diên đảo dụng thượng vi hạ? Dĩ bất giải cổ, định

tri nhữ y tất thị thâm đắc, phi nhữ cụ vật”.

Tả dĩ vi thí, vương giả như Phật, bảo tạng như pháp, ngu si khương giả do như ngoại đạo, thiết thính Phật pháp trước kỷ pháp trung dĩ vi tự hữu, nhiên bất giải cố, bố trí Phật pháp mê loạn thượng hạ, bất tri pháp tướng. Như bử sơn khương đắc vương bảo y, bất thức thứ đệ điền đảo nhi trước, diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Thuở xưa có một người rừng, trộm của trong kho nhà vua rồi trốn đi xa, vua sai người đi truy nã khắp nơi mới bắt được. Vua tra hỏi được áo ở đâu? Tên người rừng đáp: “Áo này là của tổ tiên để lại”.

Vua bảo: “Mặc xem!”

Vì thực không phải của hắn nên không biết mặc thế nào, tay thì mặc xuống chân, ở lưng lại mặc lên đầu.

Vua thấy thế hợp các quan lại nói: “Nếu là áo của tổ tiên để lại thì phải biết mặc, tại sao giáo giở dưới trên, đúng là áo này ăn trộm được, không phải của gia truyền”.

Lấy đó làm dụ, vua như Phật, kho báu như pháp, tên người rừng này cũng như ngoại đạo trộm nghe Phật pháp rồi lấy làm pháp của mình. Nhưng vì không hiểu, cho nên sắp xếp Phật pháp rối loạn dưới trên, không hiểu pháp tướng như tên người rừng kia được áo báu nhà vua mà không biết lối mặc, đến nỗi điên đảo lộn ngược.

Khen cha đức hạnh

Chính văn

歎父德行喻

昔時有人於眾人中，歎己父德而作是言：「我父慈仁不害不盜，直作實語兼行布施。」

時有愚人聞其此語便作是念言：「我父德行復過汝父。」

諸人問言：「有何德行請道其事？」

愚人答曰：「我父小來斷絕婬欲初無染污。」

眾人語言：「若斷婬欲，云何生汝？」深為時人之所怪笑。

猶如世間無智之流，欲讚人德不識其實，反致毀訾，如彼愚者，意好歎父言成過失，此亦如是。

Phiên âm

THÁN PHỤ ĐỨC HẠNH DỤ

Tích thời hữu nhân ư chúng nhân trung, thán kỷ phụ đức nhi tác thị ngôn: “Ngã phụ từ nhân bất hại bất đạo, trực tác thực ngữ kiêm hành bố thí”.

Thời hữu ngu nhân văn kỳ thử ngữ tiện tác thị niệm ngôn: “Ngã phụ đức hạnh phục quá nhữ phụ”.

Chư nhân vấn ngôn: “Hữu hà đức hạnh thỉnh đạo kỳ sự?”

Ngu nhân đáp viết: “Ngã phụ tiểu lai đoạn tuyệt dâm dục sơ vô nhiễm ô”.

Chúng nhân ngữ ngôn: “Nhược đoạn thâm dục, vân hà sinh nhữ?”
Thâm vi thời nhân chỉ sở quái tiếu.

Do như thế gian vô trí chi lưu, dục tán nhân đức bất thức kỳ thực, phản trí hủy tư, như bỉ ngu giả, ý hảo thân phụ ngôn thành quá thất, thử diệc như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ở trong chỗ đông người khen đức hạnh cha mình. Họ nói: “Cha tôi nhân từ, không giết, không gian tham, nói làm thẳng, thực, lại hay bá thí”.

Kẻ ngu nghe thế cũng khen cha mình còn đức hạnh hơn. Mọi người hỏi: “Đức hạnh thế nào?”

Kẻ ngu đáp: “Cha tôi từ nhỏ đến nay chưa từng dâm dục, không hề nhiễm ô”.

Người khác hỏi lại: “Nếu đoạn thâm dục sao lại có anh?” Thành ra bị người đời chê cười.

Cũng như kẻ ngu dốt ở thế gian, khen đức người không đúng lại bị chê cười, như kẻ ngu kia khen cha.

10

Nhà ba tầng

Chính văn

三重樓喻

往昔之世，有富愚人癡無所知，到餘富家見三重樓，高廣嚴麗軒敞踈朗，心生渴仰即作是念：「我有財錢不減於彼，云何頃來而不造作如是之樓？」

即喚木匠而問言曰：「解作彼家端正舍不？」

木匠答言：「是我所作。」

即便語言：「今可為我造樓如彼。」

是時木匠即便經地壘塹作樓。愚人見其壘塹作舍，猶懷疑惑不能了知，而問之言：「欲作何等？」

木匠答言：「作三重屋。」

愚人復言：「我不欲下二重之屋，先可為我作最上屋。」

木匠答言：「無有是事，何有不作最下重屋而得造彼第二之屋？不造第二云何得造第三重屋？」

愚人固言：「我今不用下二重屋，必可為我作最上者。」

時人聞已便生怪笑，咸作此言：「何有不造下第一屋而得上者？」

譬如世尊四輩弟子，不能精勤修敬三寶，懶惰懈怠欲求道果，而作是言：「我今不用餘下三果，唯求得彼阿羅漢果。」亦為時人之所嗤笑，如彼愚者等無有異。

Phiên âm

TAM TRÙNG LÂU DỤ

Vãng tích chi thể, hữu phú ngu nhân si vô sở tri, đáo dư phú gia kiến tam trùng lâu, cao quảng nghiêm lệ hiên sống sơ lãng, tâm sinh khát ngưỡng tức tác thị niệm: “Ngã hữu tài tiền bất giảm ư bỉ, vân hà khoảnh lai nhi bất tạo tác như thị chi lâu?”

Tức hoán mộc tượng nhi vấn ngôn viết: “Giải tác bỉ gia đoan chính xá phủ?”

Mộc tượng đáp ngôn: “Thị ngã sở tác”.

Tức tiện ngữ ngôn: “Kim khả vi ngã tạo lâu như bỉ”.

Thị thời mộc tượng tức tiện kinh địa lũy kích tác lâu. Ngu nhân kiến kỳ lũy kích tác xá, do hoài nghi hoặc bất năng liễu tri, nhi vấn chi ngôn: “Dục tác hà đẳng?”

Mộc tượng đáp ngôn: “Tác tam trùng ốc”.

Ngu nhân phục ngôn: “Ngã bất dục hạ nhị trùng chi ốc, tiên khả vi ngã tác tối thượng ốc”.

Mộc tượng đáp ngôn: “Vô hữu thị sự, hà hữu bất tác tối hạ trùng ốc nhi đắc tạo bỉ đệ nhị chi ốc? Bất tạo đệ nhị vân hà đắc tạo đệ tam trùng ốc?”

Ngu nhân cố ngôn: “Ngã kim bất dụng hạ nhị trùng ốc, tất khả vi ngã tác tối thượng giả”.

Thời nhân văn dĩ tiện sinh quái tiểu, hàm tác thử ngôn: “Hà hữu bất tạo hạ đệ nhất ốc nhi đắc thượng giả?”

Thí như Thế Tôn tứ bối đệ tử, bất năng tinh cần tu kính Tam bảo, lẫn nọa giải đãi dục cầu đạo quả, nhi tác thị ngôn: “Ngã kim bất dụng dư hạ tam quả, duy cầu đắc bỉ A la hán quả”. Diệc vi thời nhân chi sở xuy tiểu, như bỉ ngu giả đẳng vô hữu dị.

Dịch nghĩa

Đời xưa có kẻ ngu thấy nhà người ta ba tầng cao rộng sáng đẹp, sinh lòng ham muốn, tự nghĩ rằng: “Ta có nhiều tiền hơn họ, ta phải làm nhà”.

Liền gọi thợ mộc hỏi: “Anh có làm được nhà không?”

Đáp: “Tôi làm được”.

Chủ nói: “Làm cho tôi ngôi nhà lầu thế kia”, miệng nói tay chỉ vào căn nhà lầu gần đấy.

Thế rồi thợ nhận đất đắp nền, kẻ ngu hỏi: “Anh làm nhà kiểu gì?”

Thợ đáp: “Làm nhà ba tầng”.

Kẻ ngu đáp: “Nhưng tôi không cần hai tầng dưới, chỉ làm cho tôi tầng ba cao nhất”.

Thợ đáp: “Không dựng tầng một sao dựng được tầng hai, không dựng tầng hai sao dựng được tầng ba?”

Chủ đáp: “Tôi không cần hai tầng dưới, chỉ dựng cho tôi tầng ba”.

Người đời ai cũng cười chê.

Ví như bốn hạng đệ tử Phật, không tinh cần tu kính ngôi Tam bảo, muốn cầu đạo quả A la hán ngay, cũng như kẻ ngu kia, bị người đời chê cười.

Bà la môn giết con

Chính văn

婆羅門殺子喻

昔有婆羅門自謂多知，於諸星術種種技藝無不明達，恃己如此，欲顯其德，遂至他國，抱兒而哭。有人問婆羅門言：「汝何故哭？」

婆羅門言：「今此小兒七日當死，愍其夭傷以是哭耳。」

時人語言：「人命難知，計算喜錯，設七日頭或能不死，何為豫哭？」

婆羅門言：「日月可闇星宿可落，我之所記終無違失。」

為名利故，至七日頭自殺其子以證己說。時諸世人却後七日聞其兒死，咸皆歎言：「真是智者，所言不錯。」心生信服悉來致敬。

猶如佛之四輩弟子為利養故自稱得道，有愚人法殺善男子詐現慈德，故使將來受苦無窮，如婆羅門為驗己言殺子惑世。

Phiên âm

BÀ LA MÔN SÁT TỬ DỤ

Tích hữu Bà la môn tự vị đa tri, ư chư tinh thuật chủng chủng kỹ nghệ vô bất minh đạt, thị kỷ như thử, dục hiển kỳ đức, toại chí tha quốc, bảo nhi nhi khóc. Hữu nhân vấn Bà la môn ngôn: “Nhữ hà cố khóc?”

Bà la môn ngôn: “Kim thử tiểu nhi thất nhật đương tử, mẫn kỳ yếu thương dĩ thị khóc nhĩ”.

Thời nhân ngữ ngôn: “Nhân mệnh nan tri, kế toán hỷ thác, thiết thất nhật đầu hoặc năng bất tử, hà vi dự khóc?”

Bà la môn ngôn: “Nhật nguyệt khả ám, tinh tú khả lạc, ngã chi sở ký chung vô vi thất”.

Vị danh lợi cố, chí thất nhật đầu, tự sát kỳ tử dĩ chứng kỷ thuyết. Thời chu thể nhân khước hậu thất nhật văn kỳ nhi tử, hàm giai thán ngôn: “Chân thị trí giả, sở ngôn bất thác”. Tâm sinh tín phục tất lai trí kính.

Do như Phật chi tứ bối đệ tử vị lợi dưỡng cố tự xưng đắc đạo, hữu ngu nhân pháp sát thiện nam tử trá hiện từ đức, cố sử tương lai thụ khổ vô cùng, như Bà la môn vi nghiệm kỷ ngôn sát tử hoặc thể.

Dịch nghĩa

Xưa có Bà la môn cho mình là có trí tuệ, cậy mình nhiều học thuật, muốn tỏ ra tài đức. Anh đi ra nước ngoài, vừa bế con vừa khóc. Người ta hỏi: “Tại sao anh lại khóc?”

Người Bà la môn đáp: “Đứa bé này bảy ngày nữa chết, tôi thương nó nên khóc”.

Người ta nói: “Mệnh người khó hiểu, bói toán hay lắm. Nhỡ hết bảy ngày vẫn không chết thì sao, việc gì đã vội khóc trước?”

Bà la môn đáp: “Mặt trời, mặt trăng có thể tối, ngôi sao có thể rơi, nhưng tôi đoán quyết không sai”.

Khốn nỗi vì danh lợi, đến ngày thứ bảy, tự anh giết con, để chứng minh mình đúng. Người đời nghe con anh chết rồi, ai cũng khen anh có trí tuệ, nói rất đúng nên đều đến tôn kính.

Cũng như bốn hạng đệ tử Phật vì lợi dưỡng tỏ vẻ đắc đạo. Cũng như kẻ ngu trá hiện nhân từ, giết con lừa đời, để sau chịu khổ.

Nấu nước đường đen

Chính văn

煮黑石蜜漿喻

昔有愚人煮黑石蜜，有一富人來至其家。時此愚人便作是念：「我今當取黑石蜜漿與此富人。」即著少水用置火中。即於火上以扇扇之望得使冷。

傍人語言：「下不止火，扇之不已云何得冷？」爾時人眾悉皆嗤笑。

其猶外道不滅煩惱熾然之火，少作苦行臥棘刺上，五熱炙身而望清涼寂靜之道，終無是處，徒為智者之所怪笑，受苦現在殃流來劫。

Phiên âm

CHỮ HẮC THẠCH MẬT TƯƠNG DỤ

Tích hữu ngu nhân chữ hắc thạch mật, hữu nhất phú nhân lai chí kỳ gia. Thời thử ngu nhân tiện tác thị niệm: “Ngã kim đương thủ hắc thạch mật tương dữ thử phú nhân”. Tức trước thiếu thủy dụng trí hỏa trung. Tức u hỏa thượng dĩ phiến phiến chi vọng đắc sử lãnh.

Bàng nhân ngữ ngôn: “Hạ bất chỉ hỏa, phiến chi bất dĩ vân hà đắc lãnh?” Nhĩ thời nhân chúng tất giai xuy tiếu.

Kỳ do ngoại đạo bất diệt phiền não sí nhiên chi hỏa, thiếu tác khổ hạnh ngoại cúc thủ thượng, ngũ nhiệt chích thân nhi vọng thanh lương tịch tĩnh chi đạo, chung vô thị xứ, đồ vi trí giả chi sở quái tiếu, thụ khổ hiện tại ương lưu lai kiếp.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu đun đường phèn đen, có một người giàu đến nhà, kẻ ngu này liền nghĩ: “Ta nên lấy nước đường phèn đen cho người giàu này”, liền dùng nước bắc lên lửa lấy quạt quạt mong nguội.

Người đứng bên bảo: “Dưới cú đốt lửa thì làm sao nguội được”, khiến cho mọi người cười cho.

Cũng như vậy, ngoại đạo không tắt lửa phiền não bốc mạnh mà làm hạnh khổ, nằm trên chông gai mong được yên ổn, mát mẻ thì làm sao được? Còn bị người ta chê cười, đời sau khổ nữa.

Người hay tức bực

Chính văn

說人喜瞋喻

過去有人，共多人眾坐於屋中，歎一外人德行極好，唯有二過：一者喜瞋，二者作事倉卒。

爾時此人過在門外，聞作是語便生瞋恚，即入其屋擒彼道已愚惡之人，以手打撲。傍人問言：「何故打也？」

其人答言：「我曾何時喜瞋、倉卒？而此人者道：『我順喜瞋恚，作事倉卒。』是故打之。」

傍人語言：「汝今喜瞋倉卒之相即時現驗，云何諱之？」

人說過惡而起怨責，深為眾人怪其愚惑。

譬如世間飲酒之夫，耽荒沈酒作諸放逸，見人呵責返生尤疾，苦引證作用自明白，若此愚人諱聞已過，見他道說返欲打撲之。

Phiên âm

THUYẾT NHÂN HỖ SÂN DỤ

Quá khứ hữu nhân, cộng đa nhân chúng tọa ư ốc trung, thán nhất ngoại nhân đức hạnh cực hảo, duy hữu nhị quá: Nhất giả hỷ sân, nhị giả tác sự thương tốt.

Nhĩ thời thử nhân quá tại môn ngoại, văn tác thị ngữ tiện sinh sân khuể, tức nhập kỳ ốc cầm bĩ đạo kỷ ngu ác chi nhân, dĩ thủ đả phác. Bàng nhân vấn ngôn: “Hà cố đả dã?”

Kỳ nhân đáp ngôn: “Ngã tăng hà thời hỷ sân, thương tốt? Nhi thử nhân giả đạo: ‘Ngã thuận hỷ sân khuể, tác sự thương tốt’ thị cố đả

chi”.

Bằng nhân ngữ ngôn: “Nhữ kim hỷ sân thương tốt chi tướng tức thời hiện nghiệm, vân hà hỷ chi?”

Nhân thuyết quá ác nhi khởi oán trách, thâm vi chúng nhân quái kỳ ngu hoặc.

Thí như thế gian ẩm tửu chi phu, đam hoang trầm tửu tác chư phóng dật, kiến nhân kha trách, phản sinh vưu tật, khổ dẫn chứng tác dụng tự minh bạch, nhược thử ngu nhân hỷ văn kỳ quá, kiến tha đạo thuyết phản dục đả phác chi.

Dịch nghĩa

Xưa có người ngồi nói với bạn ở trong nhà về một người khác đức hạnh rất tốt, chỉ có hai lỗi: Một là tức giận, hai là làm việc vội vã.

Anh này đi ở ngoài nghe nói thế, liền cáu lên, xông vào nắm lấy người kia đánh, cho là họ nói xấu mình. Người bên cạnh hỏi tại sao lại đánh họ?

Đáp: “Tôi chưa bao giờ cáu giận vội vã mà người này bảo tôi thế, nên tôi đánh”.

Người bên nói: “Anh đang hiện tướng vội vã, cáu giận đấy, tại sao còn giấu, lại còn đánh trách người?” Rất bị người đời cho là chê dở.

Ví như kẻ hay say rượu ở đời, thường hay bừa bãi thấy ai nói động đến thì sinh cáu giận. Như kẻ ngu kia không thích nghe lỗi mình, thấy ai nói động đến mình là đánh lại họ.

Giết chủ buôn tế thần

Chính văn

殺商主祀天喻

昔有賈客欲入大海，入大海之法要須導師然後可去，即共求覓得一導師。

既得之已相將發引至曠野中。有一天祠當須人祀然後得過，於是眾賈共思量言：「我等伴黨盡是親親如何可殺？唯此導師中用祀天。」即殺導師以用祭祀。

祀天已竟，迷失道路不知所趣，窮困死盡。

一切世人亦復如是，欲入法海取其珍寶，當修善法行以為導師。毀破善行，生死曠路永無出期，經歷三塗受苦長遠，如彼商賈，將入大海，殺其導者，迷失津濟，終致困死。

Phiên âm

SÁT THƯƠNG CHỦ TỰ THIÊN DỤ

Tích hữu cổ khách dục nhập đại hải, nhập đại hải chi pháp yếu tu đạo sư nhiên hậu khả khứ, tức cộng cầu mịch đắc nhất đạo sư.

Ký đắc chi dĩ tương tương phát dẫn chí khoáng dã trung. Hữu nhất thiên từ đương tu nhân tự nhiên hậu đắc quá, ư thị chúng cổ cộng tư lượng ngôn: “Ngã đẳng bạn đẳng tận thị thân thân, như hà khả sát? Duy thủ đạo sư trung dụng tự thiên”. Tức sát đạo sư dĩ dụng tế tự.

Tự thiên dĩ cánh, mê thất đạo lộ bất tri sở thú, cùng khốn tử tận.

Nhất thiết thể nhân diệc phục như thị, dục nhập pháp hải thủ kỳ

trân bảo, đương tu thiện pháp hạnh dĩ vi đạo sư. Hủy phá thiện hạnh, sinh tử khoáng lộ vĩnh vô xuất kỳ, kinh lịch tam đồ thụ khổ trường viễn, như bỉ thương cổ, tương nhập đại hải, sát kỳ đạo giả, mê thất tâm tể, chung trí khốn tử.

Dịch nghĩa

Xưa có lái buôn muốn vào biển, điều cần thiết là phải có thầy dẫn đường, bèn cùng nhau đi tìm được một thầy.

Khi khởi hành đến nơi đồng vắng, có một đền thờ, phải cúng rồi mới đi được, liền bàn với nhau: “Bọn ta là họ hàng cả không được giết nhau, giết ông thầy dẫn đường để cúng Thiên thần”.

Giết thầy xong không biết đường đi, họ bị cùng khốn chết hết.

Tất cả người đời cũng như thế, muốn vào biển kiếm của báu phải biết lấy việc tu thiện làm thầy, đi trên đường sinh tử mênh mông, không biết lối thoát, trải qua ba đường chịu khổ lâu xa, như bọn lái buôn vào biển, lại giết thầy dẫn đường, mất nơi nhờ cậy thì phải chết khốn.

Cho thuốc con gái vua chóng lớn

Chính văn

醫與王女藥令卒長大喻

昔有國王產生一女，喚醫語言：「為我與藥立使長大。」

醫師答言：「我與良藥能使即大，但今卒無，方須求索。比得藥頃，王要莫看，待與藥已然後示王。」

於是即便遠方取藥經十二年，得藥來還與女令服，將示於王，王見歡喜即自念言：「實是良醫，與我女藥能令卒長。」便勅左右賜以珍寶。

時諸人等笑王無智，不曉籌量生來年月，見其長大，謂是藥力。

世人亦爾，詣善知識而啟之言：「我欲求道願見教授，使我立得。」

善知識師以方便故，教令坐禪，觀十二緣起漸積眾德獲阿羅漢，倍踊躍歡喜而作是言：「快哉大師！速能令我證最妙法。」

Phiên âm

Y DỮ VƯƠNG NỮ DƯỢC LINH TỐT TRƯỞNG ĐẠI DỤ

Tích hữu quốc vương sản sinh nhất nữ, hoán y ngữ ngôn: “Vị ngã dữ dược lập sử trưởng đại”.

Y sư đáp ngôn: “Ngã dữ lương dược năng sử tức đại, dẫn kim tốt vô, phương tu cầu tố. Bĩ đắc dược khoảnh, vương yếu mặc khán, đãi dữ dược dĩ nhiên hậ thị vương”.

Ư thị tức tiện viễn phương thủ dược, kinh thập nhị niên, đắc dược lai hoàn dữ nữ linh phục, tương thị ư vương, vương kiến hoan hỷ tức tự niệm ngôn: “Thực thị lương y, dữ ngã nữ dược năng linh tốt trưởng”. Tiện sắc tả hữu tứ dĩ trân bảo.

Thời chư nhân đẳng tiểu vương vô trí, bất hiểu trừ lượng sinh lai niên nguyệt, kiến kỳ trưởng đại, vị thị được lực.

Thế nhân diệc nhĩ, nghệ thiện tri thức nhi khả chi ngôn: “Ngã dục cầu đạo nguyện kiến giáo thụ, sử ngã lập đắc”.

Thiện tri thức sư dĩ phương tiện cố, giáo linh tọa thiền quán thập nhị duyên khởi, tiệm tích chúng đức hoạch A la hán, bội dững được hoan hỷ nhi tác thị ngôn: “Khoái tai đại sư! Tốc năng linh ngã chúng tối diệp pháp”.

Dịch nghĩa

Xưa có ông vua sinh một con gái, gọi thầy thuốc đến bảo chữa cho chóng lớn.

Thầy thuốc nói: “Tôi cho thuốc rất chóng lớn, nhưng bây giờ thì không có phải đi tìm, trong khi chờ đợi vua chờ nhìn đến, đợi khi cho thuốc thì sẽ tâu vua”.

Thế là ông đi qua 12 năm đưa thuốc về cho công chúa uống rồi đem đến tâu vua. Vua thấy vui mừng, liền nghĩ thật là thuốc hay, uống xong con ta lớn bỗng lên ngay, liền sai đem cửa báu đến thưởng cho.

Ai nghe biết cũng cười vua ngu, không biết tính toán qua nhiều năm tháng thì phải lớn chứ đâu phải hiệu lực của thuốc.

Người đời cũng thế, đến xem bậc thiện tri thức giáo thụ, thấy dùng phương tiện dạy cho tu hành quán 12 duyên khởi, góp nhiều công đức được quả La hán. Vui sướng nói lên là thầy dạy cho thành đạo.

16

Tưới mía

Chính văn

灌甘蔗喻

昔有二人共種甘蔗，而作誓言：「種好者賞，其不好者當重罰之。」

時二人中，一者念言：「甘蔗極甜，若壓取汁還灌甘蔗樹，甘美必甚，得勝於彼。」

即壓甘蔗取汁用溉，冀望滋味返敗種子，所有甘蔗一切都失。

世人亦爾，欲求善福，恃己豪貴專形挾勢，迫脅下民陵奪財物，用作福本期善果，不知將來反獲其患殃，如壓甘蔗彼此都失。

Phiên âm

QUÁN CAM GIÁ DỤ

Tích hữu nhị nhân cộng chủng cam giá, nhi tác thệ ngôn: “Chủng hảo giả thưởng, kỳ bất hảo giả đương trọng phạt chi”.

Thời nhị nhân trung, nhất giả niệm ngôn: “Cam giá cực diễm, nhược áp thủ trấp hoàn quán cam giá thụ, cam mỹ tất thậm, đắc thắng ư bỉ”.

Túc áp cam giá thủ trấp dụng khái, ký vọng tư vị phản bại chủng tử, sở hữu cam giá nhất thiết đô thất.

Thế nhân diệc nhĩ, dục cầu thiện phúc, thị kỷ hào quý chuyên hình hiệp thế, bách hiếp hạ dân lãng đoạt tài vật, dụng tác phúc bản kỳ thiện quả, bất tri tương lai phản hoạch kỳ hoạn ương, như áp cam giá bỉ thủ đô thất.

Dịch nghĩa

Xưa có hai người cùng trồng mía, thề với nhau: “Ai trồng tốt được thưởng, ai trồng kém bị phạt nặng”.

Một người nghĩ nếu ép lấy nước tưới vào thêm thì hẳn ngọt hơn, liền làm theo mong được ngọt hơn, ngờ đâu mía lại rạc hết.

Người đời cũng thế, cậy mình thế lực hơn người bức hiếp người dưới, cướp đoạt của người dùng để làm phúc mong được quả tốt. Biết đâu sau này lại bị tai họa như kẻ ép mía tưới mía, đôi đũa cùng hỏng.

Nợ nửa tiền

Chính văn

債半錢喻

往有商人貸他半錢久不得償，即便往債。前有大河，雇他兩錢然後得渡，到彼往債竟不得見，來還渡河復雇兩錢。為半錢債而失四錢，兼有道路疲勞乏困，所債甚少所失極多，果被眾人之所怪笑。

世人亦爾，要少名利致毀大行，苟容己身不顧禮義，現受惡名後得苦報。

Phiên âm

TRÁI BÁN TIỀN DỤ

Vãng hữu thương nhân thái tha bán tiền cứu bất đắc thường, tức tiện vãng trái. Tiền hữu đại hà, cố tha lưỡng tiền nhiên hậu đắc độ, đáo bỉ vãng trái cánh bất đắc kiến, lai hoàn độ hà phục cố lưỡng tiền. Vị bán tiền trái nhi thất tứ tiền, kiêm hữu đạo lộ bì lao phạp khốn, sở trái thậm thiếu, sở thất cực đa, quả bị chúng nhân chi sở quái tiếu.

Thế nhân diệc nhĩ, yếu thiếu danh lợi trí hủy đại hành, cầu dụng kỷ thân bất cố lễ nghĩa, hiện thụ ác danh hậu đắc khổ báo.

Dịch nghĩa

Xưa có người buôn cho người ta mượn nửa tiền, lâu không thấy họ trả, liền đi đòi. Đường đi cách sông phải mượn hai tiền một chuyến, đến không đòi được nợ, mà mất bốn tiền đò, lại thêm mệt sức đi đường nữa, được ít, mất nhiều lại bị người ta chê cười.

Người đòi thường thế, cầu chút danh lợi, phá hủy đức lớn, quen sống cầu thả, không đoái lễ nghĩa, hiện chịu tiếng xấu, sau chịu quả báo.

Lên lầu mài dao

Chính văn

就樓磨刀喻

昔有一人，貧窮困苦為王作事，日月經久身體羸瘦。王見憐愍，賜一死駝。貧人得已即便剝皮，嫌刀鈍故求石欲磨，乃於樓上得一磨石，磨刀令利來下而剝。如是數數往來磨刀，後轉勞苦憚不能數上，懸駝上樓就石磨刀，深為眾人之所嗤笑。

猶如愚人毀破禁戒，多取錢財以用修福望得生天，如懸駝上樓磨刀，用功甚多所得甚少。

Phiên âm

TỰU LÂU MA ĐAO DỤ

Tích hữu nhất nhân, bần cùng khốn khổ vi vương tác sự, nhật nguyệt kinh cửu thân thể羸瘦. Vương kiến lân mẫn, tứ nhất tử đà. Bần nhân đắc dĩ tức tiện bóc bì, hiềm đao钝 cố cầu thạch dục ma, nãi ư lầu thượng đắc nhất ma thạch, ma đao linh lợi lai hạ nhi bóc. Như thị sắc sắc vãng lai ma đao, hậu chuyển lao khổ đản bất năng sắc thượng, huyền đà thượng lầu tự thạch ma đao, thâm vi chúng nhân chi sở xuy tiếu.

Do như ngu nhân hủy phá cấm giới, đa thủ tiền tài dĩ dụng tu phúc vọng đắc sinh thiên, như huyền đà thượng lầu ma đao, dụng công thậm đa sở đắc thậm thiểu.

Dịch nghĩa

Xưa có một người nghèo khổ, giúp việc nhà vua, đã lâu ngày thân thể gầy yếu, vua thưởng cho một con lạc đà chết, anh ta định lột da, vì dao cùn đi tìm đá mài, tìm được hòn đá trên lầu lên mài,

luôn luôn phải lên xuống. Vất vả nhọc mệt, anh đành treo con lạc đà lên lầu để tiện mài dao. Bị người đời chê cười.

Cũng như kẻ ngu, phá hủy giới cấm, kiếm nhiều tiền của để làm phúc mong được sinh lên trời. Treo lạc đà lên lầu mài dao, mất nhiều công sức, mà phúc chẳng được bao nhiêu.

19

Đi thuyền mất nhẫn bạc

Chính văn

乘船失釵喻

昔有人乘船渡海，失一銀釵墮於水中，即便思念：「我今畫水作記，捨之而去後當取之。」

行，經二月到師子諸國，見一河水，便入其中覓本失釵。諸人問言：「欲何所作？」

答言：「我先失釵今欲覓取。」

問言：「於何處失？」

答言：「初入海失。」

又復問言：「失經幾時？」

言：「失來二月。」

問言：「失來二月，云何此覓？」

答言：「我失釵時畫水作記，本所畫水與此無異，是故覓之。」

又復問言：「水雖不別，汝昔失時乃在於彼，今在此覓何由可得？」爾時眾人無不大笑。

亦如外道不修正行，相似善中橫計苦困，以求解脫，猶如愚人失釵於彼而於此覓。

Phiên âm

THỪA THUYỀN THẤT VU DỤ

Tích hữu nhân thừa thuyền độ hải, thất nhất ngân vu đọa ư thủy trung, tức tiện tư niệm: “Ngã kim hoạch thủy tác ký, xả chi nhi khứ hậu đương thủ chi”.

Hành, kinh nhị nguyệt đảo Sư Tử chư quốc, kiến nhất hà thủy, tiện nhập kỳ trung mịch bản thất vu. Chư nhân vấn ngôn: “Dục hà sở tác?”

Đáp ngôn: “Ngã tiên thất vu kim dục mịch thủ”.

Vấn ngôn: “Ư hà xứ thất?”

Đáp ngôn: “Sơ nhập hải thất”.

Hựu phục vấn ngôn: “Thất kinh kỷ thời?”

Ngôn: “Thất lai nhị nguyệt”.

Vấn ngôn: “Thất lai nhị nguyệt, vân hà thủ mịch?”

Đáp ngôn: “Ngã thất vu thời hoạch thủy tác ký, bản sở hoạch thủy dữ thủ vô dị, thị cố mịch chi”.

Hựu phục vấn ngôn: “Thủy tuy bất biệt, nhữ tích thất thời nãi tại ư bỉ, kim tại thủ mịch hà do khả đắc?” Nhĩ thời chúng nhân vô bất đại tiếu.

Diệc như ngoại đạo bất tu chính hành tương tự thiện trung hoành kế khổ khốn, dĩ cầu giải thoát, do như ngu nhân thất vu ư bỉ nhi ư thủ mịch.

Dịch nghĩa

Xưa có người đi thuyền vượt biển mất chiếc nhẫn bạc rơi xuống nước. Anh liền vạch nước, đánh dấu để sau sẽ lấy. Đi đã hai tháng, khi qua một khúc sông, anh liền xuống mò. Người ta hỏi anh làm gì thế?

Đáp: “Hai tháng trước tôi đánh rơi xuống nước một cái nhẫn bạc, nay tôi tìm”.

“Anh mất ở đâu?”

“Từ khi mới vào biển”.

“Nay đã hai tháng sao lại mò ở đây?”

“Khi đánh rơi, tôi đã vạch xuống nước đánh dấu, chỗ nước kia như nước ở đây, nên tôi tìm”.

“Nước tuy như nhau nhưng trước anh mất nhẫn ở nơi khác, nay tìm ở đây thì thấy sao được?” Thế là anh bị mọi người chê cười.

Cũng như ngoại đạo, không tu phép chính, làm việc tương tự, tạo nguyên nhân khổ để cầu giải thoát. Cũng như kẻ ngu, mất nhẫn một nơi, tìm ở một nơi.

Kẻ chê vua bạo ngược

Chính văn

人說王縱暴喻

昔有一人說王過罪，而作是言：「王甚暴虐治政無理。」

王聞是語即大瞋恚，竟不究悉誰作此語，信傍佞人捉一賢臣，仰使剝脊取百兩肉。有人證明此無是語，王心便悔，索千兩肉用為補脊，夜中呻喚甚大苦惱。王聞其聲，問言：「何以苦惱？取汝百兩，十倍與汝，意不足耶？何故苦惱？」

傍人答言：「大王！如截子頭，雖得千頭不免子死，雖十倍得肉，不免苦痛。」

愚人亦爾，不畏後世貪渴現樂，苦切眾生，調發百姓多得財物，望得滅罪而得福報。譬如彼王割人之脊取人之肉，以餘肉補望使不痛，無有是處。

Phiên âm

NHÂN THUYẾT VƯƠNG TÚNG BẠO DỤ

Tích hữu nhất nhân thuyết vương quá tội, nhi tác thị ngôn:
“Vương thậm bạo ngược trị chính vô lý”.

Vương văn thị ngữ tức đại sân khuê, cánh bất cứu tất thùý tác thử ngữ, tín bàng nịnh nhân tróc nhất hiển thần, ngưỡng sử bác tích thủ bách lạng nhục. Hữu nhân chứng minh thử vô thị ngữ, vương tâm tiện hối, sách thiên lạng nhục dụng vi bổ tích, dạ trung thân hoán thậm đại khổ não. Vương văn kỳ thanh, vấn ngôn: “Hà dĩ khổ não? Thủ nhữ bách lạng, thập bội dữ nhữ, ý bất túc da? Hà cố khổ não?”

Bàng nhân đáp ngôn: “Đại vương! Như tiết tử đầu, tuy đắc thiên

đầu bất miễn tử tử, tuy thập bội đắc nhục, bất miễn khổ thống”.

Ngu nhân diệc nhĩ, bất úy hậu thế tham khát hiện lạc, khổ thiết chúng sinh, điều phát bách tính đa đắc tài vật, vọng đắc diệt tội nhi đắc phúc báo. Thí như bỉ vương cát nhân chi tích thủ nhân chi nhục, dĩ dư nhục bổ vọng sử bất thống, vô hữu thị xứ.

Dịch nghĩa

Xưa có một người nói tội lỗi vua rằng: “Vua rất tàn ác, trị dân vô lý”.

Vua nghe đồn thế, bực quá, không biết từ đâu sinh chuyện đó. Tin kể nịnh, bắt ông quan hiền lành róc thịt xương của ông ta 10 lạng. Có người làm chứng, không phải ông này nói, nhà vua hối hận, tìm trăm lạng thịt khác đền đền, ông này vẫn kêu đau khổ quá. Nhà vua nghe tiếng, hỏi ông: “Ta lấy của ngươi 10 lạng thịt, đã đền ngươi 100 lạng mà vẫn chưa đủ ư?”

“Tâu đại vương, chặt một đầu con, đền trăm đầu, con cũng vẫn chết. Tuy được thịt gấp 10 lần vẫn không khỏi đau khổ”.

Kẻ ngu cũng thế, không sợ đời sau khổ, tham vui hiện tại, bóc lột trăm họ lấy nhiều tiền của mong khỏi tội, được phúc báo. Cũng như vua kia róc thịt người này lấy thịt người khác trả mong họ khỏi đau, có lý nào thế!

21

Đàn bà muốn cầu con nữa

Chính văn

婦女欲更求子喻

往昔世時有婦女人，始有一子更欲求子，問餘婦女：「誰有能使我重有子？」

有一老母語此婦言：「我能使爾求子可得，當須祀天。」

問老母言：「祀須何物？」

老母語言：「殺汝之子取血祀天，必得多子。」

時此婦女便隨彼語欲殺其子。傍有智人嗤笑罵詈：「愚癡無智乃至如此。未生子者竟可得乎？而殺現子。」

愚人亦爾，為未生樂自投火坑，種種害身為得生天。

Phiên âm

PHỤ NỮ DỤC CÁNH CẦU TỬ DỤ

Vãng tích thế thời hữu phụ nữ nhân, thủy hữu nhất tử cánh dục cầu tử, vấn dư phụ nữ: “Thùy hữu năng sử ngã trùng hữu tử?”

Hữu nhất lão mẫu ngữ thử phụ ngôn: “Ngã năng sử nhĩ cầu tử khả đắc, đương tu tự thiên”.

Vấn lão mẫu ngôn: “Tự tu hà vật?”

Lão mẫu ngữ ngôn: “Sát nhữ chi tử thủ huyết tự thiên, tất đắc đa tử”.

Thời thử phụ nữ tiện tùy bỉ ngữ dục sát kỳ tử. Bàng hữu trí nhân

xuý tiếu mặ lý: “Ngu si vô trí nãi chí như thử. Vị sinh tử giả cánh khả đắc phủ? Nhi sát hiện tử”.

Ngu nhân diệc nhĩ, vi vị sinh lạc tự đầu hỏa khanh, chủng chủng hại thân vi đắc sinh thiên.

Dịch nghĩa

Thuở xưa có người đàn bà, mới sinh được một con, muốn cầu con nữa, hỏi ai giúp tôi có được đứa con nữa?

Có bà già bảo: “Ta giúp được, nhưng phải có lễ cúng thần”.

Hỏi: “Lễ bằng gì?”

Đáp: “Giết đứa con trước, lấy máu cúng thần sẽ được nhiều con khác”.

Người này nghe và làm theo. Người có trí chê mắng là đồ ngu, chắc gì lại sinh con, mà đã giết con hiện tại.

Kẻ ngu cũng thế, vì muốn được vui, đâm đầu vào hố lửa hại thân, để mong được sinh lên trời.

Vào biển lấy gỗ trầm hương

Chính văn

入海取沈水喻

昔有長者子，入海取沈水積有年載，方得一車持來歸家。詣市賣之，以其貴故卒無買者，經歷多日不能得售，心生疲厭以為苦惱，見人賣炭時得速售，便生念言：「不如燒之作炭，可得速售。」即燒為炭。詣市賣之，不得半車炭之價值。

世間愚人亦復如是，無量方便勤行精進仰求佛果，以其難得便生退心，不如發心求聲聞果，速斷生死作阿羅漢。

Phiên âm

NHẬP HẢI THỦ TRẦM THỦY DỤ

Tích hữu trưởng giả tử, nhập hải thủ trầm thủy tích hữu niên tải, phương đắc nhất xa trì lai quy gia. Nghệ thị mại chi, dĩ kỳ quý cố tốt vô mại giả, kinh lịch đa nhật bất năng đắc thụ, tâm sinh bì yếm dĩ vi khổ não, kiến nhân mại thán thời đắc tốc thụ, tiện sinh niệm ngôn: “Bất như thiêu chi tác thán, khả đắc tốc thụ”. Tức thiêu vi thán. Nghệ thị mại chi, bất đắc bán xa thán chi giá trị.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, vô lượng phương tiện cần hành tinh tiến ngưỡng cầu Phật quả, dĩ kỳ nan đắc tiện sinh thoái tâm, bất như phát tâm cầu Thanh văn quả, tốc đoạn sinh tử tác A la hán.

Dịch nghĩa

Thuở xưa có con ông trưởng giả vào biển lấy gỗ trầm hương. Hàng mấy năm được một xe, đem về chợ quê bán, vì đắt nên không ai mua bị ế, đã nhiều ngày sinh chán nản khổ não, thấy người bán

than, bán được chóng hết. Liên nghĩ rằng đốt gỗ trầm ra than cho dễ bán, đốt rồi đem than ra bán, giá trị không bằng nửa xe than.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, rất nhiều phương tiện siêng năng tinh tiến mong cầu quả Phật, vì khó được nên sinh thoái tâm. Chẳng bằng phát tâm cầu quả Thanh văn, A la hán chóng đoạn sinh tử.

Kẻ trộm giấu bọc giẻ rách

Chính văn

賊偷錦繡用裹氈褐喻

昔有賊人入富家舍偷得錦繡，即持用裹故弊氈褐種種財物，為智人所笑。

世間愚人亦復如是，既有信心入佛法中，修行善法及諸功德，以貪利故破於清淨戒及諸功德，為世所笑亦復如是。

Phiên âm

TẶC THÂU CẨM TÚ DỤNG KHỎA LÂU HẠT DỰ

Tích hữu tặc nhân nhập phú gia xá thâu đắc cẩm tú, tức trì dụng khóa cố tệt lâu hạt chủng chủng tài vật, vi trí nhân sở tiếu.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, ký hữu tín tâm nhập Phật pháp trung, tu hành thiện pháp cập chư công đức, dĩ tham lợi cố phá ư thanh tịnh giới cập chư công đức, vi thế sở tiếu diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ trộm vào nhà giàu trộm được tấm giấu dùng bọc những thứ của cải và quần áo rách, bị người trí thức chê cười.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, đã có lòng tin vào trong Phật pháp, tu hành thiện pháp và các công đức, vì tham lợi mà phá tịnh giới và phá các công đức, bị đời cười chê cũng thế.

Gieo vùng rang chín

Chính văn

種熬胡麻子喻

昔有愚人，生食胡麻子以為不美，熬而食之為美，便生念言：「不如熬而種之，後得美者。」便熬而種，永無生理。

世人亦爾，以菩薩曠劫修行，因難行苦行為不樂，便作念言：「不如作阿羅漢，速斷生死，其功甚易。」後欲求佛果終不可得，如彼熬種無復生理，世間愚人亦復如是。

Phiên âm

CHỦNG NGAO HỒ MA TỬ DỤ

Tích hữu ngu nhân, sinh thực hồ ma tử dĩ vi bất mỹ, ngao nhi thực chi vi mỹ, tiện sinh niệm ngôn:

“Bất như ngao nhi chủng chi, hậu đắc mỹ giả”. Tiện ngao nhi chủng, vĩnh vô sinh lý.

Thế nhân diệc nhĩ, dĩ Bồ tát khoáng kiếp tu hành, nhân nan hành khổ hành dĩ vi bất lạc, tiện tác niệm ngôn: “Bất như tác A la hán, tốc đoạn sinh tử, kỳ công thậm dị”. Hậu dục cầu Phật quả chung bất khả đắc, như bỉ tiêu chủng vô phục sinh lý, thế gian ngu nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Thuở xưa có kẻ ăn vùng sống cảm thấy không ngon, rang chín ăn thấy ngon liền nghĩ: “Rang rồi trồng, sau chỉ việc ăn ngon”. Liền rang rồi gieo, vùng đã bị chín nên không mọc.

Người đời cũng thế, Bồ tát nhiều kiếp tu hành, làm những việc khó

làm, cho là không thích, liền nghĩ làm La hán dễ, chóng đoạn sinh tử, công đó rất dễ. Sau muốn cầu Phật đạo thì không được nữa vì giống đã cháy, không sinh được nữa.

25

Nước lửa

Chính văn

水火喻

昔有一人事須火用及以冷水，即便宿火以澡灌盛水置於火上，後欲取火而火都滅，欲取冷水而水復熱，火及冷水二事俱失。

世間之人亦復如是，入佛法中出家求道，既得出家還復念其妻子眷屬、世間之事五欲之樂。由是之故，失其功德之火、持戒之水，念欲之人亦復如是。

Phiên âm

THỦY HỎA DỤ

Tích hữu nhất nhân sự tu hỏa dụng cập dĩ lãnh thủy, tức tiện tức hỏa dĩ tảo quán thành thủy trí ư hỏa thượng, hậu dục thủ hỏa nhi hỏa đô diệt, dục thủ lãnh thủy nhi thủy phục nhiệt, hỏa cập lãnh thủy nhị sự câu thất.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, nhập Phật pháp trung xuất gia cầu đạo, ký đắc xuất gia, hoàn phục niệm kỳ thê tử quyến thuộc, thế gian chi sự, ngũ dục chi lạc. Do thị chi cố, thất kỳ công đức chi hỏa, trì giới chi thủy, niệm dục chi nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người có việc dùng đến lửa và cả nước mát nữa, liền rấm đồng lửa, lấy chậu đựng nước để lên đồng lửa, đến khi dùng lửa thì lửa lại tắt, muốn dùng nước lạnh thì nước lại nóng, thế là lửa nóng, nước lạnh đều mất cả.

Người đời cũng thế, vào Phật pháp xuất gia cầu đạo, đã được xuất gia lại nghĩ đến sự vui sướng vợ con họ hàng ở thế gian, vì thế mất cả lửa công đức, nước trì giới, nghĩ đến dục lạc cũng lại như thế.

Kẻ bắt chước vua chớp mắt

Chính văn

人効王眼瞤喻

昔有一人，欲得王意，問餘人言：「云何得之？」

有人語言：「若欲得王意者，王之形相汝當効之。」

此人即便後至王所，見王眼瞤便効王瞤。王問之言：「汝為病耶？為著風耶？何以眼瞤？」

其人答王：「我不病眼，亦不著風，欲得王意，見王眼瞤故効王也。」

王聞是語即大瞋恚，即便使人種種加害擯令出國。

世人亦爾，於佛法王欲得親近，求其善法以自增長。既得親近，不解如來法王為眾生故，種種方便現其闕短，或聞其法見有字句不正，便生譏毀，効其不是。由是之故，於佛法中永失其善墮於三惡，如彼効王，亦復如是。

Phiên âm

NHÂN HIỆU VƯƠNG NHÃN THUẦN DỤ

Tích hữu nhất nhân, dục đắc vương ý, vấn dư nhân ngôn: “Vân hà đắc chi?”

Hữu nhân ngữ ngôn: “Nhược dục đắc vương ý giả, vương chi hình tướng nhữ đương hiệu chi”.

Thử nhân tức tiện hậu chí vương sở, kiến vương nhữ thuần tiện hiệu vương thuần. Vương vấn chi ngôn: “Nhữ vi bệnh da? Vi trước phong da? Hà dĩ nhữ thuần?”

Kỳ nhân đáp vương: “Ngã bất bệnh nhãn, diệc bất trước phong, dục đắc vương ý, kiến vương nhãn thuận cố hiệu vương dã”.

Vương văn thị ngũ tức đại sân khuê, tức tiện sử nhân chủng chủng gia hại tấn linh xuất quốc.

Thế nhân diệc nhĩ, ư Phật pháp vương dục đắc thân cận, cầu kỳ thiện pháp dĩ tự tăng trưởng. Kỳ đắc thân cận, bất giải Như Lai pháp vương vì chúng sinh cố, chủng chủng phương tiện hiện kỳ khuyết đoãn, hoặc văn kỳ pháp kiến hữu tự cú bất chính, tiện sinh cơ hủy, hiệu kỳ bất thị. Do thị chi cố, ư Phật pháp trung vĩnh thất kỳ thiện đạo ư tam ác, như bỉ hiệu vương, diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người muốn được vua vừa ý, hỏi mọi người rằng làm sao được như ý vua, họ bảo muốn được ý vua thì tướng vua thế nào anh phải bắt chước.

Anh ta đến chỗ vua, thấy vua chớp mắt cũng bắt chước chớp mắt. Vua hỏi: “Người đau mắt à, hay phải gió, sao lại cứ chớp mắt?”

Đáp: “Tâu vua, tôi không đau mắt cũng không phải gió, muốn được vừa ý vua, thấy vua chớp mắt tôi cũng bắt chước”.

Vua nghe thấy thế tức quá liền ra hình phạt rồi đuổi ra khỏi nước.

Người đời cũng thế, Phật là bậc Pháp vương muốn được gần kề, cầu pháp để được tăng trưởng. Đã được gần kề nhưng không hiểu Phật, vì chúng sinh hiện ra nhiều phương tiện thiếu sót. Hoặc nghe giáo pháp thấy có chữ không đúng, liền sinh chê bai cho là không phải, vì thế mất hẳn những phép phúc thiện trong giáo pháp, đạo vào ba đường ác, như kẻ ngu kia cũng thế không khác.

Chữa nhọt bị đánh

Chính văn

治鞭瘡喻

昔有一人為王所鞭，既被鞭已，以馬屎拊之欲令速差。有愚人見之心生歡喜，便作是言：「我決得是治瘡方法。」

即便歸家語其兒言：「汝鞭我背，我得好法今欲試之。」

兒為鞭背，以馬屎拊之以為善巧。

世人亦爾，聞有人言修不淨觀，即得除去五陰身瘡，便作是言：「我欲觀於女色及以五欲。」未見不淨，返為女色之所惑亂，流轉生死墮於地獄，世間愚人亦復如是。

Phiên âm

TRỊ TIÊN SANG DỤ

Tích hữu nhất nhân vi vương sở tiên, ký bị tiên dĩ, dĩ mã thử phụ chi dục linh tốc sái. Hữu ngu nhân kiến chi tâm sinh hoan hỷ, tiện tác thị ngôn: “Ngã quyết đắc thị trị sang phương pháp”.

Túc tiện quy gia ngữ kỳ nhi ngôn: “Nhữ tiên ngã bội, ngã đắc hảo pháp kim dục thí chi”.

Nhi vi tiên bội, dĩ mã thử phụ chi dĩ vi thiện xảo.

Thế nhân diệc nhĩ, văn hữu nhân ngôn tu bất tịnh quán, túc đắc trừ khử ngũ ấm thân sang, tiện tác thị ngôn: “Ngã dục quán ư nữ sắc cập dĩ ngũ dục”. Vị kiến bất tịnh, phản vi nữ sắc chi sở hoặc loạn, lưu chuyển sinh tử đạo ư địa ngục, thế gian ngu nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người bị nhà vua đánh bị thương, rồi dùng phân ngựa đắp vào mong cho chóng khỏi. Có một kẻ ngu thấy thế thích quá, nghĩ rằng ta đã được pháp chữa bệnh rất hay, thế rồi về nhà bảo con: “Tao muốn thử pháp rất hay, mày lấy gậy đập vào lưng tao”.

Con cũng làm theo rồi lấy phân ngựa đắp vào cho là hay.

Người đời cũng thế, nghe người ta nói phép tu quán bất tịnh thì trừ được nhọt thân ngũ ấm, liền cho là ta muốn tu phép thân ngũ ấm, bất tịnh và năm dục, nhưng chưa đạt được thành công chính xác, lại bị nữ sắc làm mê hoặc tán loạn, phải chịu luân chuyển trong đường sống chết, đọa vào địa ngục. Kẻ ngu ở đời cũng thế.

Đổi mũi giúp vợ

Chính văn

為婦貿鼻喻

昔有一人，其婦端正唯有鼻醜，其人出外見他婦女面貌端正其鼻甚好，便作念言：「我今寧可截取其鼻著我婦面上，不亦好乎？」即截他婦鼻持來歸家，急喚其婦：「汝速出來與汝好鼻。」

其婦出來即割其鼻，尋以他鼻著婦面上，既不相著復失其鼻，唐使其婦受大苦痛。

世間愚人亦復如是，聞他宿舊沙門婆羅門有大名德，而為世人之所恭敬得大利養，便作是念言：「我今與彼便為不異。」

虛自假稱，妄言有德，既失其利，復傷其行。如截他鼻徒自傷損，世間愚人亦復如是。

Phiên âm

VI PHỤ MẬU TỴ DỤ

Tích hữu nhất nhân, kỳ phụ đoan chính duy hữu tỵ xú, kỳ nhân xuất ngoại kiến tha phụ nữ diện mạo đoan chính kỳ tỵ thậm hảo, tiện tác niệm ngôn: “Ngã kim ninh khả tiệt thủ kỳ tỵ trước ngã phụ diện thượng, bất diệc hảo hồ?” Túc tiệt tha phụ tỵ trì lai quy gia, cấp hoán kỳ phụ: “Nhữ tốc xuất lai dữ nhữ hảo tỵ”.

Kỳ phụ xuất lai túc cát kỳ tỵ, tầm dĩ tha tỵ trước phụ diện thượng, ký bất tương trước phục thất kỳ tỵ, đường sử kỳ phụ thụ đại khổ thống.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, văn tha túc cự Sa môn, Bà la môn hữu đại danh đức, nhi vì thế nhân chi sở cung kính đặc đại lợi dưỡng, tiện tác thị niệm ngôn: “Ngã kim dĩ dĩ tiện vi bất dĩ”.

Hư tự giả xưng, vọng ngôn hữu đức, ký thất kỳ lợi, phục thương kỳ hành. Như tiết tha ty, đồ tự thương tổn, thể gian ngu nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một chàng, vợ anh xinh đẹp chỉ có mũi của cô là xấu. Anh chàng ra đường thấy vợ người khác mặt xinh mũi đẹp. Anh liền nghĩ, nếu ta cắt được cái mũi kia đắp vào mặt vợ mình thì thật hay quá. Thế rồi anh cắt mũi vợ người ta đem về gọi vợ mình ra liền xẻo mũi vợ, lấp mũi khác vào mặt. Đã chẳng dính được lại mất mũi trước, khiến cho vợ anh phải chịu đau khổ một cách oan uổng.

Kẻ ngu ở đời cũng lại như thế, nghe các bậc Sa môn, Bà la môn tôn túc thân quen có công đức lớn được thế gian cung kính và lợi dưỡng lớn, liền nghĩ: Ta có kém gì các vị kia, thế rồi huênh hoang khoe mình có đức.

Đã mất mặt lợi, lại hại hạnh mình. Như cắt mũi người khác thương tổn cả mình. Kẻ ngu ở đời cũng như thế.

Người nghèo đốt áo xấu

Chính văn

貧人燒麤褐衣喻

昔有一人貧窮困乏，與他客作，得麤褐衣而被著之。有人見之而語之言：「汝種姓端正貴人之子，云何著此麤弊衣褐？我今教汝，當使汝得上妙衣服，當隨我語終不欺汝。」

貧人歡喜敬從其言，其人即便在前然火，語貧人言：「今可脫此麤褐衣著於火中，於此燒處，當使汝得上妙衣服。」

貧人即便脫著火中，既燒之後，於此火處求覓衣服都無所得。

世間之人亦復如是，從過去身修諸善法得此人身，應當保護進德修業，乃為外道邪惡妖女之所欺誑：「汝今當信我語修諸苦行，投巖赴火捨是身已，當生梵天長受快樂。」

便用其語即捨身命，身死之後墮於地獄備受諸苦，既失人身空無所獲，如彼貧人亦復如是。

Phiên âm

BẢN NHÂN THIÊU THÔ HẠT Y DỰ

Tích hữu nhất nhân bản cùng khốn pháp, dữ tha khách tác, đắc thô hạt y nhi bị trước chi. Hữu nhân kiến chi nhi ngữ chi ngôn: “Nhữ chủng tính đoan chính quý nhân chi tử, vân hà trước thủ thô tệt y hạt? Ngã kim giáo nhữ, đương sử nhữ đắc thượng diệu y phục, đương tùy ngã ngữ chung bất khi nhữ”.

Bản nhân hoan hỷ kính tòng kỳ ngôn, kỳ nhân tức tiện tại tiền nhiên hỏa, ngữ bản nhân ngôn: “Kim khả thoát thủ thô hạt y trước ư hỏa trung, ư thủ thiêu xú, đương sử nhữ đắc thượng diệu y phục”.

Bản nhân tức tiện thoát trước hỏa trung, ký thiêu chi hậu, ư thủ hỏa xứ cầu mệnh y phục đồ vô sở đắc.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tòng quá khứ thân tu chư thiện pháp đắc thủ nhân thân, ưng đương bảo hộ tiến đức tu nghiệp, nãi vi ngoại đạo tà ác yêu nữ chi sở khi cưỡng: “Nhữ kim đương tín ngã ngữ tu chư khổ hạnh, đầu nham phó hỏa xả thị thân dĩ, đương sinh Phạm Thiên trường thụ khoái lạc”.

Tiện dụng kỳ ngữ tức xả thân mệnh, thân tử chi hậuọa ư địa ngục bị thụ chư khổ, ký thất nhân thân không vô sở hoạch, như bị bản nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người nghèo thiếu khốn khổ đi làm muốn được quần áo thô xấu, có người thấy bảo: “Anh là con nhà dòng họ quý phái chẳng chặc, tại sao lại mặc quần áo thô xấu thế? Anh hãy nghe tôi sẽ được quần áo tốt đẹp nhất, tôi không nói dối anh đâu”.

Người nghèo vui mừng tin theo, kẻ kia lập tức đốt đồng lửa trước mặt, rồi bảo người nghèo rằng: “Bây giờ anh trút bỏ bộ quần áo xấu đương mặc ném vào đồng lửa, ngay ở chỗ đốt này sẽ cho anh bộ quần áo rất đẹp”.

Người nghèo làm theo, sau khi lửa tắt bới ra tìm thì không được gì cả.

Người đời cũng thế, từ xa xưa đã tu mọi điều thiện, được thân người này, phải giữ gìn tín đức. Bị yêu nữ ngoại đạo tà ác lừa dối, nó bảo tin nó tu mọi hạnh khổ, lao đầu xuống dốc, đâm đầu vào lửa, bỏ thân này rồi sẽ sinh lên cõi trời Phạm Thiên hưởng sung sướng mãi mãi.

Nghe theo nó nói, bỏ ngay thân mạng, sau khi đã chếtọa vào địa ngục chịu mọi đau khổ, đã mất thân người lại không được gì hết. Như kẻ ngu cũng lại như thế.

Người chăn dê

Chính văn

牧羊人喻

昔有一人，巧於牧羊，其羊滋多乃有千萬，極大慳貪不肯外用。時有一人善於巧詐，便作方便往共親友，而語之言：「我今共汝極成親愛，便為一體更無有異。我知彼家有一好女，當為汝求可用為婦。」

牧羊之人聞之歡喜，便大與羊及諸財物

其人復言：「汝婦今日已生一子。」

牧羊之人未見於婦，聞其已生心大歡喜，重與彼物。

其人後復而語之言：「汝兒生已今死矣。」

牧羊之人聞此人語，便大啼泣歔歔不已。

世間之人亦復如是，既修多聞，為其名利秘惜其法，不肯為人教化演說，為此漏身之所誑惑妄期世樂。如己妻息為其所欺，喪失善法，後失身命并及財物，便大悲泣生其憂苦，如彼牧羊之人亦復如是。

Phiên âm

MỤC DƯƠNG NHÂN DỤNG

Tích hữu nhất nhân, xảo ư mục dương, kỳ dương tư đa nãi hữu thiên vạn, cực đại xan tham bất khả ngoại dụng. Thời hữu nhất nhân thiện ư xảo trá, tiện tác phương tiện vãng cộng thân hữu, nhi ngũ chi ngôn: “Ngã kim cộng nhữ cực thành thân ái, tiện vi nhất thể cánh vô hữu dị. Ngã tri bỉ gia hữu nhất hảo nữ, đương vị nhữ cầu khả dụng vi phụ”.

Mục dương chi nhân văn chi hoan hỷ, tiện đại dữ dương cập chu tài vật.

Kỳ nhân phục ngôn: “Nhữ phụ kim nhật dĩ sinh nhất tử”.

Mục dương chi nhân vị kiến ư phụ, văn kỳ dĩ sinh tâm đại hoan hỷ, trọng dữ bỉ vật.

Kỳ nhân hậu phục nhi ngữ chi ngôn: “Nhữ nhi sinh dĩ kim tử hỷ”.

Mục dương chi nhân văn thử nhân ngữ, tiện đại đề khắp hư hy bất dĩ.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, ký tu đa văn, vi kỳ danh lợi bí tích kỳ pháp, bất khăng vi nhân giáo hóa diễn thuyết, vi thử lậu thân chi sở cưỡng hoặc, vọng kỳ thể lạc. Như kỷ thể tức vi kỳ sở khi, táng thất thiện pháp, hậu thất thân mệnh tịnh cập tài vật, tiện đại bi khắp sinh kỳ ưu khổ, như bỉ mục dương chi nhân, diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có người chăn dê, có đến ngàn vạn con nhưng anh rất tham lam keo kiệt không tiêu dùng gì. Đến khi có người khéo lừa dối, đến làm bạn thân và nói với anh chăn dê: “Tôi biết nhà kia có một cô gái đẹp, tôi sẽ làm mối giúp anh”.

Anh chăn dê nghe thích quá, cho ngay cả đàn dê và cửa cải khác nữa.

Anh bạn lại nói: “Vợ cậu sinh một con trai rồi”.

Anh chăn dê chưa thấy vợ bao giờ mà đã nghe sinh con rồi lại mừng hơn trước, lại cho anh bạn của nữa.

Sau bạn lại nói: “Đứa con của anh lại chết mất rồi”.

Anh chăn dê liền òa lên khóc và rên rỉ mãi.

Người đời cũng thế, đã tu học nhiều nhưng vì danh lợi, giấu tiếc đạo pháp không truyền dạy ai, bị thân như bản làm khổ bằng những thú vui vợ con ở đời, lừa dối mất hết phép thiện, rồi mất cả tài sản, tính mệnh mới sinh thương xót, buồn khổ như anh chăn dê kia.

31

Muốn thợ gốm

Chính văn

雇借瓦師喻

昔有婆羅門師欲作大會，語弟子言：「我須瓦器以供會用，汝可為我雇借瓦師詣市覓之。」

時彼弟子往瓦師家。時有一人，驢負瓦器至市欲賣，須臾之間驢盡破之，還來家中啼哭懊惱，弟子見已而問之言：「何以悲歎懊惱如是？」

其人答言：「我為方便勤苦積年始得成器，詣市欲賣，此弊惡驢，須臾之頃盡破我器，是故懊惱。」

爾時弟子見聞是已歡喜而言：「此驢乃是佳物，久時所作須臾能破，我今當買此驢。」瓦師歡喜即便賣與。

乘來歸家，師問之言：「汝何以不得瓦師將來，用是驢為？」

弟子答言：「此驢勝於瓦師，瓦師久時所作瓦器，少時能破。」

時師語言：「汝大愚癡無有智慧！此驢今者適可能破，假使百年不能成一。」

世間之人亦復如是，雖千百年受人供養都無報償，常為損害終不為益，背恩之人亦復如是。

Phiên âm

CỔ TÁ NGŨA SƯ DỤ

Tích hữu Bà la môn sư dục tác đại hội, ngữ đệ tử ngôn: “Ngã tu ngỗ khí dĩ cung hội dụng, nhữ khả vị ngã cổ tá ngỗ sư nghệ thị mịch chi”.

Thời bỉ đệ tử vãng ngộ sư gia. Thời hữu nhất nhân, lư phụ ngộa khí chí thị dục mại, tu du chi gian, lư tận phá chí, hoàn lai gia trung đề khố áo não, đệ tử kiến dĩ, nhi vấn chi ngôn: “Hà dĩ bi thán áo não như thị?”

Kỳ nhân đáp ngôn: “Ngã vi phương tiện cần khổ tích niên thủy đắc thành khí, nghệ thị dục mại, thủ tộ ác lư, tu du chi khoảnh, tận phá ngã khí, thị cố áo não”.

Nhĩ thời đệ tử kiến văn thị dĩ hoan hỷ nhi ngôn: “Thủ lư nãi thị giai vật, cửu thời sở tác, tu du năng phá, ngã kim đương mãi thủ lư”. Ngộa sư hoan hỷ tức tiện mại dĩ.

Thừa lai quy gia, sư vấn chi ngôn: “Nhữ hà dĩ bất đắc ngộa sư tương lai, dụng thị lư vi?”

Đệ tử đáp ngôn: “Thủ lư thắng ư ngộa sư, ngộa sư cửu thời sở tác ngộa khí, thiếu thời năng phá”.

Thời sư ngữ ngôn: “Nhữ đại ngu si vô hữu trí tuệ! Thủ lư kim giả thích khả năng phá, giả sử bách niên bất năng thành nhất”.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tuy thiên bách niên thụ nhân cúng dường đồ vô báo thường, thường vi tổn hại chung bất vi ích, bội ân chi nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có vị thầy Bà la môn, muốn mở đại hội, bảo các đệ tử: “Ta cần đồ gốm để dùng, các người đến chợ mua sắm thợ gốm ta”.

Các đệ tử đến nhà thợ gốm, gặp người chủ với con lừa chở đồ gốm đi bán, chỉ trong giây lát con lừa phá hết. Người đó quay về nhà khóc lóc tiếc xót. Các đệ tử hỏi: “Tại sao?”

Người đó đáp: “Tôi chịu khổ sở nhiều năm mới làm thành đồ gốm đem bán, bị con lừa tệ hại này phút chốc phá tan hết nên tôi chán ngán”.

Các đệ tử thấy thế rất mừng, cho con lừa này là rất hay, làm thành đồ gốm phải bao nhiêu lâu mà giây phút phá được hết, ta nên mua nó, hẳn thầy ta rất vui mừng.

Về đến nhà thầy hỏi thợ gốm đâu? Dùng con lừa này để làm gì?

Đáp: “Con lừa này hay hơn thợ gốm. Thợ làm lâu mới thành đồ

dùng, lửa chỉ chốc lát bao nhiêu nó cũng phá sạch”.

Ông thầy bảo: “Chúng mày ngu quá, con lửa này nó chỉ tài phá những công việc trăm năm mới thành”.

Người đời cũng thế, tuy hàng trăm ngàn năm, nhận đồ của người cúng dàng, tuyệt không báo đáp còn làm tổn hại, không được ích gì. Con người vong ân bội nghĩa cũng thế.

Khách buôn trộm vàng

Chính văn

估客偷金喻

昔有二估客，共行商賈，一賣真金，其第二者賣兜羅綿。有他買真金者燒而試之，第二估客即便偷他被燒之金，用兜羅綿裹，時金熱故燒綿都盡，情事既露二事俱失。

如彼外道偷取佛法著己法中，妄稱己有非是佛法，由是之故燒滅外典不行於世，如彼偷金事情都現，亦復如是。

Phiên âm

CÔ KHÁCH THÂU KIM DỤ

Tích hữu nhị cô khách, cộng hành thương cảo, nhất mại chân kim, kỳ đệ nhị giả mại Đâu la miên. Hữu tha mại chân kim giả thiêu nhi thí chi, đệ nhị cô khách tức tiện thân tha bị thiêu chi kim, dụng Đâu la miên khỏa, thời kim nhiệt cố thiêu miên đô tận, tình sự kỳ lộ nhị sự câu thất.

Như bỉ ngoại đạo, thân thủ Phật pháp, trước kỷ pháp trung, vọng xưng kỷ hữu phi thị Phật pháp, do thị chi cố thiêu diệt ngoại điển bất hành ư thế, như bỉ thân kim sự tình đô hiện, diệt phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có hai khách buôn chung nhau, người bán vàng thực, người bán lừa Đâu La. Người bán vàng đốt thử vàng, người buôn thứ hai trộm vàng vừa thử, bọc vào lừa Đâu La, vì vàng còn nóng đốt cháy hết lừa, sự tình bại lộ cả hai đều mất cả.

Như kẻ ngoại đạo trộm lấy Phật pháp chép vào sách mình, bảo là của

mình không phải Phật pháp, vì thế đốt diệt sách ngoại đạo không được lưu hành như kẻ trộm vàng, sự tình bày ra cả.

Chặt cây lấy quả

Chính văn

斫樹取果喻

昔有國王，有一好樹高廣極大，當生勝果香而甜美。時有一人來至王所，王語之言：「此之樹上將生美果，汝能食不？」

即答王言：「此樹高廣，雖欲食之何由能得？」

即便斷樹望得其果，既無所獲徒自勞苦，後還欲豎，樹已枯死都無生理。

世間之人亦復如是，如來法王有持戒樹能生勝果，心生願樂欲得果食，應當持戒修諸功德，不解方便，返毀其禁，如彼伐樹，復欲還活都不可得，破戒之人亦復如是。

Phiên âm

CHƯỚC THỤ THỦ QUẢ DỤ

Tích hữu quốc vương, hữu nhất hảo thụ cao quảng cực đại, đương sinh thắng quả hương nhi diễm mỹ. Thời hữu nhất nhân lai chí vương sở, vương ngữ chi ngôn: “Thủ chi thụ thượng tương sinh mỹ quả, nhữ năng thực phủ?”

Túc đáp vương ngôn: “Thủ thụ cao quảng, tuy dục thực chi hà do năng đắc?”

Túc tiện đoạn thụ vọng đắc kỳ quả, ký vô sở hoạch đồ tự lao khổ, hậu hoàn dục thụ, thụ dĩ khô tử đô vô sinh lý.

Thế gian chi nhân diệt phục như thị, Như Lai pháp vương hữu trì giới thụ năng sinh thắng quả, tâm sinh nguyện lạc dục đắc quả

thực, ứng dương trì giới tu chư công đức, bất giải phương tiện, phản hủy kỳ cấm, như bỉ phạt thụ, phục dục hoàn hoạt đô bất khả đắc, phá giới chi nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Nhà vua xưa có một cây rất nhiều quả ngon, hương thơm vị ngọt, có người đến, vua bảo: “Trên cây sắp ra quả ngon, người có thích ăn không?”

Đáp rằng: “Con muốn ăn nhưng cây cao to quá, chỉ có chặt xuống mới lấy được quả”.

Thế là chặt cây, đã không được gì lại bị uống công lao, sau lại muốn dựng lên thì cây đã khô rồi.

Người đời cũng thế, Phật có cây trì giới, sinh được quả tốt, thích được quả ăn phải nên giữ giới làm nhiều công đức. Người tu không hiểu phương tiện, lại hủy giới luật. Như kẻ chặt cây lại mong sống lại, kẻ phá giới không còn được gì nữa.

Đưa nước ngọt

Chính văn

送美水喻

昔有一聚落，去王城五由旬，村中有好美水。王勅村人，常使日日送其美水，村人疲苦，悉欲移避遠此村去。時彼村主語諸人言：「汝等莫去！我當為汝白王，改五由旬作三由旬，使汝得近往來不疲。」

即往白王，王為改之作三由旬，眾人聞已便大歡喜。

有人語言：「此故是本五由旬，更無有異。」雖聞此言，信王語故終不肯捨。

世間之人亦復如是，修行正法度於五道向涅槃城，心生厭倦，便欲捨離，頓驚生死不能復進。如來法王有大方便，於一乘法分別說三，小乘之人聞之歡喜以為易行，修善進德求度生死，後聞人說無有三乘，故是一道。以信佛語終不肯捨，如彼村人亦復如是。

Phiên âm

TỔNG MỸ THỦY DỤ

Tích hữu nhất tự lạc, khứ vương thành ngũ do tuần, thôn trung hữu hảo mỹ thủy. Vương sắc thôn nhân, thường sử nhật nhật tổng kỳ mỹ thủy, thôn nhân bì khổ, tất dục di tị viễn thủ thôn khứ. Thời bỉ thôn chủ ngữ chư nhân ngôn: “Nhữ đẳng mặc khứ! Ngã đương vị nhữ bạch vương, cải ngũ do tuần tác tam do tuần, sử nhữ đắc cận vãng lai bất bì”.

Túc vãng bạch vương, vương vi cải chi tác tam do tuần, chúng nhân văn dĩ tiện đại hoan hỷ.

Hữu nhân ngữ ngôn: “Thủ cố thị bản ngũ do tuần, cánh vô hữu dị”. Tuy văn thủ ngôn, tín vương ngữ cố, chung bất khăng xả.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tu hành chính pháp độ ư ngũ đạo hướng Niết bàn thành, tâm sinh yếm quyên, tiện dục xả ly, đốn giá sinh tử bất năng phục tiến. Như Lai pháp vương hữu đại phương tiện, ư Nhất thừa pháp phân biệt thuyết tam, Tiểu thừa chi nhân văn chi hoan hỷ dĩ vi dị hành, tu thiện tiến đức cầu độ sinh tử, hậu văn nhân thuyết vô hữu Tam thừa, cố thị nhất đạo. Dĩ tín Phật ngữ chung bất khăng xả, như bỉ thôn nhân diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có một làng cách thành vua năm do tuần, trong làng có nước tốt lành, vua hạ lệnh hằng ngày người làng phải đem nước dâng vua. Người làng sợ mỗi một muốn lánh đi nơi khác. Ông chủ làng bảo mọi người: “Không phải đi đâu, tôi sẽ tâu vua đổi năm do tuần làm ba do tuần để đi lại cho gần”.

Mọi người nghe rất mừng, nhưng có người bảo: “Vẫn là năm do tuần không khác”. Tuy nghe nói thế, vì tin lời vua không đi đâu nữa.

Người đời cũng thế, tu hành chính pháp vượt qua năm đạo, hướng về thành Niết bàn bèn sinh chán nản muốn rời bỏ, đành chịu sinh tử không muốn tiến nữa. Phật có phương tiện, vẫn pháp Nhất thừa phân biệt làm ba, hàng Tiểu thừa nghe vui mừng, cho là dễ tu, cầu thoát sinh tử. Sau nghe người nói không có Tam thừa, vẫn là Nhất thừa, vì tin lời Phật quyết không chịu bỏ, như người làng kia cũng thế.

Gương trên Bô của báu

Chính văn

寶篋鏡喻

昔有一人，貧窮困乏，多負人債無以可償，即便逃避至空曠處。值篋，滿中珍寶，有一明鏡著珍寶上以蓋覆之。貧人見已，心大歡喜，即便發之，見鏡中人便生驚怖，叉手語言：「我謂空篋都無所有，不知有君在此篋中，莫見瞋也。」

凡夫之人亦復如是，為無量煩惱之所窮困，而為生死魔王債主之所纏著，欲避生死入佛法中，修行善法作諸功德。如值寶篋，為身見鏡之所惑亂，妄見有我，即便封著，謂是真實，於是墮落失諸功德，禪定道品無漏諸善三乘道果一切都失。如彼愚人棄於寶篋，著我見者亦復如是。

Phiên âm

BẢO KHIẾP KÍNH DỤ

Tích hữu nhất nhân, bần cùng khốn pháp, đa phụ nhân trái vô dĩ khả thường, tức tiện đào tỵ chí không khoáng xứ. Trị khiếp, mãn trung trân bảo, hữu nhất minh kính trước trân bảo thượng dĩ cái phú chi. Bần nhân kiến dĩ, tâm đại hoan hỷ, tức tiện phát chi, kiến kính trung nhân tiện sinh kinh bố, xoa thủ ngữ ngôn: “Ngã vị không khiếp đô vô sở hữu, bất tri hữu quân tại thủ khiếp trung, mặc kiến sân dã”.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, vi vô lượng phiến não chi sở cùng khốn, nhi vi sinh tử Ma Vương trái chủ chi sở triển trước, dục tỵ sinh tử nhập Phật pháp trung, tu hành thiện pháp tác chư công đức. Như trị bảo khiếp, vi thân kiến kính chi sở hoặc loạn, vọng kiến hữu ngã, tức tiện phong trước, vị thị chân thực, ư thị đọa lạc thất chư công đức, thiên định đạo phẩm vô lậu chư thiện Tam thừa đạo quả nhất thiết đô thất. Như bỉ ngu nhân khí ư bảo

khiếp, trước ngã kiến giả diệc phục như thị.

Dịch nghĩa

Xưa có người nghèo khổ nhiều nợ, định đi trốn trên cánh đồng vắng, gặp cái bồ đầy của báu có mặt gương sáng đặt trên, đẩy nắp. Người nghèo thấy rồi rất mừng, liền mở nắp bồ thấy người trong gương giật mình sợ hãi, chấp tay nói: “Tôi tưởng bồ không có gì, ngờ đâu có ông ở đây, xin ông đừng bực”.

Kẻ phàm phu cũng thế, bị rất nhiều phiền não khôn cùng, bị chủ nợ Ma Vương sinh tử ràng buộc. Muốn tránh sinh tử vào tu trong Phật pháp để gây công đức, như gặp bồ của báu bị gương thân kiến làm hoảng loạn, chấp rằng có ta, liền chấp thủ lấy cho là chân thật, vì thế đọa lạc mất hết công đức đạo quả Tam thừa. Các thiện hữu lậu, đạo phẩm thiện định không còn chi cả. Như kẻ ngu si kia, bỏ hòm của báu vì mê ngã kiến cũng thế.

Phá mắt tiên ngũ thông

Chính văn

破五通仙眼喻

昔有一人，入山學道得五通仙，天眼徹視，能見地中一切伏藏種種珍寶。國王聞之，心大歡喜便語臣言：「云何得使此人常在我國不餘處去？使我藏中得多珍寶。」

有一愚臣輒便往至，挑仙人雙眼持來白王：「臣以挑眼，更不得去，常住是國。」

王語臣言：「所以貪得仙人住者，能見地中一切伏藏，汝今毀眼，何所復任？」

世間之人亦復如是，見他頭陀苦行山林曠野塚間樹下，修四意止及不淨觀，便強將來於其家中，種種供養，毀他善法，使道果不成，喪其道眼，已失其利空無所獲，如彼愚臣唐毀他目也。

Phiên âm

PHÁ NGŨ THÔNG TIÊN NHÂN DỤ

Tích hữu nhất nhân, nhập sơn học đạo đắc ngũ thông tiên, thiên nhãn triệt thị, năng kiến địa trung nhất thiết phục tàng chủng chủng trân bảo. Quốc vương văn chi, tâm đại hoan hỷ tiện ngữ thần ngôn: “Vân hà đắc sử thủ nhân thường tại ngã quốc bất dư xứ khứ? Sử ngã tàng trung đắc đa trân bảo”.

Hữu nhất ngu thần triếp tiện vãng chí, khiêu tiên nhân song nhãn trì lai bạch vương: “Thần dĩ khiêu nhãn, cánh bất đắc khứ, thường trụ thị quốc”.

Vương ngũ thần ngôn: “Sở dĩ tham đắc tiên nhân trụ giả, năng kiến địa trung nhất thiết phục tàng, nhữ kim hủy nhãn, hà sở

phục nhậm?”

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, kiến tha đầu đà khổ hạnh sơn lâm khoáng dã trủng gian thụ hạ, tu Tứ ý chỉ cập Bất tịnh quán, tiện cường tương lai, ư kỳ gia trung, chủng chủng cúng dường, hủy tha thiện pháp, sử đạo quả bất thành, táng kỳ đạo nhân, dĩ thất kỳ lợi không vô sở hoạch, như bỉ ngu thân đường hủy tha mục dã.

Dịch nghĩa

Xưa có người vào núi học đạo, được tiên ngũ thông, thiên nhân trông suốt được tất cả những của báu ở dưới đất. Nhà vua nghe thấy rất mừng, bảo các quan rằng: “Làm thế nào cứ giữ ông tiên ở trong nước ta, không cho đi đâu khiến cho trong kho có được nhiều của báu”.

Có một quan ngu đến khoét hai mắt vị tiên đem đến dâng vua. Tiên bị khoét mắt không đi đâu được, thường ở trong nước.

Vua nói: “Sở dĩ ta muốn được tiên ở lại để thấy được tất cả của báu dưới đất. Nay người khoét mắt ông tiên còn dùng làm gì được?”

Người đời cũng thế, thấy người tu hành đầu đà khổ hạnh ở nơi núi rừng, gốc cây, tu Tứ ý chỉ và Quán bất tịnh lại cường ép về nhà cúng dàng, phá phép thiện của người ta, khiến không thành đạo quả, mất con mắt đạo, mất hết lợi ích, không được việc gì.

Giết cả đàn bò

Chính văn

殺群牛喻

昔有一人，有二百五十頭牛，常驅逐水草隨時餒食。時有一虎噉食一牛，爾時牛主即作念言：「已失一牛俱不全足，用是牛為？」即便驅至深坑高岸，排著坑底盡皆殺之。

凡夫愚人亦復如是，受持如來具足之戒，若犯一戒，不生慚愧清淨懺悔，便作念言：「我已破一戒，既不具足，何用持為？」一切都破無一在者，如彼愚人盡殺群牛無一在者。

Phiên âm

SÁT QUẦN NGƯU DỤ

Tích hữu nhất nhân, hữu nhị bách ngũ thập đầu ngưu, thường khu trục thủy thảo tùy thời ỷ thực. Thời hữu nhất hổ đạm thực nhất ngưu, nhĩ thời ngưu chủ tức tác niệm ngôn: “Dĩ thất nhất ngưu câu bất toàn túc, dụng thị ngưu vi?” Tức tiện khu chí thâm khanh cao ngạn, bài trước khanh để, tận giai sát chi.

Phàm phu ngu nhân diệc phục như thị, thụ trì Như Lai cụ túc chi giới, nhược phạm nhất giới, bất sinh tâm quý thanh tịnh sám hối, tiện tác niệm ngôn: “Ngã dĩ phá nhất giới, ký bất cụ túc, hà dụng trì vi?” Nhất thiết đô phá vô nhất tại giả, như bỉ ngu nhân tận sát quần ngưu vô nhất tại giả.

Dịch nghĩa

Xưa có một người có 250 con bò, thường nuôi. Bị hổ ăn mất một con. Người chủ nghĩ rằng: “Đã mất một bò không còn đủ cả thì không dùng nữa”, liền đuổi bò đến chỗ bờ cao hố sâu đẩy cả

xuống.

Kẻ phàm phu cũng thế, giữ đủ giới Phật. Nếu trót phạm một giới không sinh thẹn hổ, sám hối thanh tịnh lại nghĩ ta đã phá một giới, thì dùng giữ tất cả làm gì? Thôi thì phá tất cả. Như kẻ ngu kia giết tất cả đàn bò.

Uống nước đục thùng

Chính văn

飲木簫水喻

昔有一人，行來渴乏，見木簫中有清淨流水，就而飲之，飲水已足即便舉手語木簫言：「我已飲竟，水莫復來。」

雖作是語水流如故，便瞋恚言：「我已飲竟，語汝莫來，何以故來？」

有人見之言：「汝大愚癡無有智慧！汝何以不去，語言莫來？」即為挽却牽餘處去。

世間之人亦復如是，為生死渴愛，飲五欲鹹水，既為五欲之所疲厭，如彼飲足，便作是言：「汝色聲香味莫復更來使我見也。」

然此五欲相續不斷，既見之已便復瞋恚：「語汝速滅莫復更生，何以故來使我見之？」

時有智人而語之言：「汝欲得離者，當攝汝六情閉其心意，妄想不生便得解脫。何必不見、欲使不生？」如彼飲水愚人等無有異。

Phiên âm

ẨM MỘC ĐỒNG THỦY DỤ

Tích hữu nhất nhân, hành lai khát phạp, kiến mộc đồng trung hữu thanh tịnh lưu thủy, tựu nhi ẩm chí, ẩm thủy dĩ túc túc tiện cử thủ ngữ mộc đồng ngôn: “Ngã dĩ ẩm cánh, thủy mạc phục lai”.

Tuy tác thị ngữ thủy lưu như cố, tiện sân khuể ngôn: “Ngã dĩ ẩm cánh, ngữ nhữ mạc lai, hà dĩ cố lai?”

Hữu nhân kiến chi ngôn: “Nhữ đại ngu si vô hữu trí tuệ! Nhữ hà dĩ bất khứ, ngữ ngôn mạc lai?” Túc vi văn khuốc khiên dư xú khứ.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, vi sinh tử khát ái, ẩm ngũ dục hàm thủy, ký vi ngũ dục chi sở bì yếm, như bỉ ẩm túc, tiện tác thị ngôn: “Nhữ sắc thanh hương vị mạt phục cánh lai sử ngã kiến dã”.

Nhiên thử ngũ dục tương tục bất đoạn, ký kiến chi dĩ tiện phục sân khuê: “Ngũ nhữ tốc diệt mạt phục cánh sinh, hà dĩ cố lai sử ngã kiến chi?”

Thời hữu trí nhân nhi ngũ chi ngôn: “Nhữ dục đắc ly giả, đương nhiếp nhữ lục tình bế kỳ tâm ý, vọng tưởng bất sinh tiện đắc giải thoát. Hà tất bất kiến, dục sử bất sinh?” Như bỉ ẩm thủy ngu nhân đẳng vô hữu dị.

Dịch nghĩa

Xưa có một người đi đường bị khát, thấy trong thùng có nước trong sạch, chạy đến uống đủ rồi, liền giơ tay bảo thùng rằng: “Ta uống đủ rồi đừng chảy đến nữa”.

Tuy nói thế nước vẫn cứ chảy như trước, bực quá anh nói: “Ta uống nước đủ rồi, bảo mày đừng chảy đến nữa”.

Người ta thấy thế bảo: “Anh ngu quá, tại sao anh không đi, bảo nó đừng đến?” Liền lôi ra chỗ khác!

Người đời cũng thế, vì thêm khát sinh tử, uống nước ngũ dục, như kẻ uống nước đủ rồi kia, liền nói: “Sắc, thanh, hương, vị, chúng mày đừng đến nữa, để ta phải thấy”.

Nhưng ngũ dục cứ đến không ngớt, đã thấy chúng cứ đến liền phát bực nói: “Mày phải diệt ngay, đừng sinh vọng tưởng thì được giải thoát, có sao muốn nó không sinh?” Để mình khởi thấy, như kẻ ngu uống nước kia không khác.

Thấy người khác trát nhà

Chính văn

見他人塗舍喻

昔有一人往至他舍，見他屋舍墻壁塗治，其地平正清淨甚好，便問之言：「用何和塗得如是好？」

主人答言：「用稻穀□水浸令熟，和泥塗壁故得如是。」

愚人即便而作念言：「若純以稻□不如合稻而用作之，壁可白淨泥始平好。」使用稻穀和泥用塗其壁望得平正，返更高下，壁都劈裂。虛棄稻穀都無利益，不如惠施可得功德。

凡夫之人亦復如是，聞聖人說法修行諸善，捨此身已可得生天及以解脫，便自殺身望得生天及以解脫，徒自虛喪空無所獲，如彼愚人。

Phiên âm

KIẾN THA NHÂN ĐỒ XÁ DỤ

Tích hữu nhất nhân vãng chí tha xá, kiến tha ốc xá tường bích đồ trị, kỳ địa bình chính thanh tịnh thậm hảo, tiện vấn chi ngôn: “Dụng hà hòa đồ đắc như thị hảo?”

Chủ nhân đáp ngôn: “Dụng đạo cốc phu, thủy tẩm lệnh thực, hòa nê đồ bích cố đắc như thị”.

Ngu nhân tức tiện nhi tác niệm ngôn: “Nhược thuần dĩ đạo phu bất như hợp đạo nhi dụng tác chi, bích khả bạch tịnh nê thủy bình hảo”. Tiện dụng đạo cốc hòa nê dụng đồ kỳ bích vọng đắc bình chính, phản cánh cao hạ, bích đồ phách liệt. Hư khí đạo cốc vô lợi ích, bất như huệ thí khả đắc công đức.

Phàm phu chi nhân diệt phục như thị, văn thánh nhân thuyết

pháp tu hành chư thiện, xả thủ thân dĩ khả đắc sinh thiên cập dĩ giải thoát, tiện tự sát thân vọng đắc sinh thiên cập dĩ giải thoát, đồ tự hư táng không vô sở hoạch, như bỉ ngu nhân.

Dịch nghĩa

Xưa có một người đến nhà người khác thấy tường vách nhà họ xoa trát bằng phẳng sạch sẽ rất đẹp. liền hỏi: “Dùng gì trát được thế?”

Chủ đáp: “Trấu ngâm nước kỹ, hòa bùn trát, nên được như thế”.

Kẻ ngu liền nghĩ: “Nếu lấy rặt trấu, chẳng bằng hòa gạo thóc mà trát, thì vách chẳng phẳng đẹp hơn”. Thế là hòa bùn với gạo trát, vách bị lồi lõm và nứt xé, phí cả thóc gạo không lợi ích gì, giá đem cho còn được công đức.

Kẻ phàm phu cũng thế. Nghe thánh nhân dạy, tu hành việc thiện, bỏ thân này được sinh lên trời và giải thoát, liền tự tử mong được sinh lên trời, chỉ là chết uổng không được lợi ích gì.

Chữa trọc đầu

Chính văn

治秃喻

昔有一人頭上無毛，冬則大寒夏則患熱，兼為蚊虻之所咬食，晝夜受惱，甚以為苦。有一醫師多諸方術，時彼秃人往至其所，語其醫言：「唯願大師為我治之。」

時彼醫師亦復頭秃，即便脫帽示之而語之言：「我亦患之以為痛苦，若令我治能得差者，應先自治以除其患。」

世間之人亦復如是，為生老病死之所侵惱，欲求長生不死之處，聞有沙門婆羅門等世之良醫善療眾患，便往其所而語之言：「唯願為我除此無常生死之患，常處安樂長存不變。」

時婆羅門等即便報言：「我亦患此無常生老病死，種種求覓長存之處終不能得。今我若能使汝得者，我亦應先得，令汝亦得。」如彼患秃之人，徒自疲勞不能得差。

Phiên âm

TRỊ NGỐC DỤ

Tích hữu nhất nhân đầu thượng vô mao, đông tắc đại hàn hạ tắc họa nhiệt, kiềm vi văn mãnh chi sở xiệp thực, trú dạ thụ não, thậm dĩ vi khổ. Hữu nhất y sư đa chư phương thuật, thời bỉ ngốc nhân vãng chí kỳ sở, ngữ kỳ y ngôn: “Duy nguyện đại sư vi ngã trị chi”.

Thời bỉ y sư diệc phục đầu ngốc, tức tiện thoát mạo thị chi, nhi ngữ chi ngôn: “Ngã diệc họa chi dĩ vi thống khổ, nhược linh ngã trị năng đắc sai giả, ứng tiên tự trị dĩ trừ kỳ họa”.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, vi sinh lão bệnh tử chi sở

xâm não, đục cấu trường sinh bất tử chi xứ, văn hữu Sa môn, Bà la môn đẳng thể chi lương y thiện liệu chúng hoạn, tiện vãng kỳ sở nhi ngũ chi ngôn: “Duy nguyện vi ngã trừ thủ vô thường sinh tử chi hoạn, thường xử an lạc trường tồn bất biến”.

Thời Bà la môn đẳng tức tiện báo ngôn: “Ngã diệt hoạn thủ vô thường sinh lão bệnh tử, chủng chúng cầu mệnh trường tồn chi xứ chung bất năng đắc. Kim ngã nhược năng sử nhữ đắc giả, ngã diệt ưng tiên tự đắc, linh nhữ diệt đắc”. Như bĩ hoạn gốc chi nhân, đồ tị bì lao bất năng đắc sái.

Dịch nghĩa

Xưa có một người trên đầu không có tóc, mùa đông rét quá, mùa hè thì bị nóng và ruồi muỗi đốt, ngày đêm chịu nhiều khổ não. Có ông thầy thuốc biết nhiều kế thuật. Người trọc đến nói nhờ ông chữa nhưng ông thầy thuốc kia cũng trọc đầu, ông liền trật mũ ra nói: “Tôi cũng bị nạn ấy rất khổ, nếu tôi chữa được tôi sẽ chữa cho tôi trước”.

Người thế gian cũng vậy, bị sinh già bệnh chết xúc não, muốn tìm nơi sống lâu không chết, nghe có người Sa môn, Bà la môn là thầy thuốc giỏi chữa được nhiều bệnh, đến nhờ ông chữa bệnh vô thường, sống, chết để được sống yên vui mãi.

Khi ấy các Sa môn, Bà la môn ấy cũng bảo: “Tôi cũng mắc những bệnh vô thường, sinh, lão tử ấy, muốn tìm nơi sống lâu cũng vẫn chưa được. Nếu tôi chữa được cho bác thì tôi chữa cho tôi trước”. Thế là kẻ lo đầu trọc uống công khó nhọc mà không khỏi.

Quỷ tỳ xá xá

Chính văn

毘舍闍鬼喻

昔有二毘舍闍鬼，共有一篋一杖一屐，二鬼共爭各各欲得，二鬼紛紜竟日不能使平。時有一人來見之已而問之言：「此篋杖屐有何奇異？汝等共爭瞋忿乃爾。」

二鬼答言：「我此篋者，能出一切衣服飲食床褥臥具資生之物，盡從中出。執此杖者，怨敵歸服無敢與爭。著此屐者，能令人飛行無罣礙。」

此人聞已即語鬼言：「汝等小遠，我當為爾平等分之。」

鬼聞其語，尋即遠避。此人即時抱篋捉杖躡屐而飛，二鬼愕然竟無所得。人語鬼言：「爾等所爭我已得去，今使爾等更無所爭。」

毘舍闍者喻於眾魔及以外道。布施如篋，人天五道資用之具皆從中出。禪定如杖，消伏魔怨煩惱之賊。持戒如屐，必昇人天。諸魔外道爭篋者，喻於有漏中強求果報，空無所得。若能修行善行及以布施持戒禪定，便得離苦獲得道果。

Phiên âm

TỠ XÁ XÀ QUỶ DỤ

Tích hữu nhị Tỳ Xá Xà quỷ, cộng hữu nhất khiếp, nhất trượng, nhất lý, nhị quỷ cộng tranh các các dục đắc, nhị quỷ phân vân cánh nhật bất năng sử bình. Thời hữu nhất nhân lai kiến chi dĩ nhi vấn chi ngôn: “Thử khiếp trượng kích hữu hà kỳ dị? Nhữ đẳng cộng tranh sân phần nãi nhĩ”.

Nhị quỷ đáp ngôn: “Ngã thử khiếp giả, năng xuất nhất thiết y phục ẩm thực sàng nhục ngọa cụ tư sinh chi vật, tần tông trung xuất. Chấp thử trượng giả, oán địch quy phục vô cảm dữ tranh.

Trước thử lý giả, năng linh nhân phi hành vô quái ngại”.

Thử nhân văn dĩ túc ngữ quý ngôn: “Nhữ đẳng tiểu viễn, ngã đương vi nhĩ bình đẳng phân chỉ”.

Quý văn kỳ ngữ, tầm túc viễn ty. Thử nhân túc thời bão khiếp, tróc trượng nhiếp lý nhi phi, nhị quý ngạc nhiên cánh vô sở đắc. Nhân ngữ quý ngôn: “Nhĩ đẳng sở tranh ngã dĩ đắc khứ, kim sử nhĩ đẳng cánh vô sở tranh”.

Tỳ Xá Xà giả dụ ư chúng ma cập dĩ ngoại đạo. Bồ thí như khiếp, nhân thiên ngữ đạo tứ dụng chỉ cụ giai tông trung xuất. Thiền định như trượng, tiêu phục ma oán phiền não chi tặc. Trì giới như lý, tất thắng nhân thiên. Chư ma ngoại đạo tranh khiếp giả, dụ ư hữu lậu trung cưỡng cầu quả báo, không vô sở đắc. Nhược năng tu hành thiện hạnh cập dĩ bồ thí trì giới thiền định, tiện đắc ly khổ hoạch đắc đạo quả.

Dịch nghĩa

Xưa có hai quỷ Tỳ Xá Xà cùng có một bồ, một gậy, một đôi guốc. Hai quỷ ganh nhau muốn được về mình, cãi nhau suốt ngày không ổn. Khi ấy có một người đến thấy hỏi: “Bồ, gậy, guốc có phép gì lạ mà chúng mày tranh nhau bực tức đến thế?”

Đáp: “Bồ này cho ra những món đồ dùng ăn mặc, giường đệm, chăn màn, v.v. Cầm gậy này kẻ oán phải hàng phục. Đi đôi guốc này khiến bay đi được không vướng mắc gì”.

Người này nghe rồi, bảo hai quỷ: “Các người tránh ra một chút, ta sẽ chia đều cho”.

Hai quỷ liền tránh ra, người này ôm bồ, cầm gậy, xỏ chân vào guốc bay luôn. Hai quỷ ngơ ngác không được gì, người gọi quỷ bảo: “Chúng mày cãi nhau nay ta đã được đi, chúng mày khỏi cãi nhau”.

Quý Tỳ Xá Xà dụ với chúng ma và ngoại đạo. Bá thí như bồ, những đồ dùng cho cõi trời, cõi người năm đạo, đều từ trong ấy mà ra. Thiền định như gậy, tiêu phục những giặc phiền não ma oán. Giữ giới như guốc, hẫng lên cõi người, cõi trời. Các ma ngoại đạo tranh bồ, dụ với trong hữu lậu gượng cầu quả báo, uống không được gì, nếu hay tu các hạnh lành và bá thí, trì giới, thiền định thì lìa khổ được đạo quả.

Con lạc đà chết của người khách buôn

Chính văn

估客駝死喻

譬如估客遊行商賈，會於路中而駝卒死，駝上所載多有珍寶，細軟上種種雜物。駝既死已即剥其皮，商主捨行坐二弟子而語之言：「好看駝皮莫使濕爛。」

其後天雨，二人頑嚚盡以好皮覆此皮上，皮盡爛壞，皮之價理自懸殊，以愚癡故以皮覆皮。

世間之人亦復如是，其不殺者喻於白皮，其駝皮者即喻財貨，天雨濕爛喻於放逸敗壞善行。不殺戒者即佛法身最上妙因，然不能修，但以財貨造諸塔廟供養眾僧，捨根取末不求其本，漂浪五道莫能自出，是故行者應當精心持不殺戒。

Phiên âm

CÔ KHÁCH ĐÀ TỬ DỤ

Thí như cô khách du hành thương cổ, hội ư lộ trung nhi đà tốt tử, đà thượng sở tải đa hữu trân bảo, tế nhuyễn thượng điệp chủng chủng tạp vật. Đà ký tử dĩ tức bác kỳ bì, thương chủ xả hành tọa nhi đệ tử nhi ngữ chi ngôn: “Hảo khán đà bì mạc sử thấp lạn”.

Kỳ hậu thiên vũ, nhị nhân ngoan ngân tận dĩ hảo điệp phú thủ bì thượng, điệp tận lạn hoại, bì điệp chi giá lý tự huyền thù, dĩ ngu si cố dĩ điệp phú bì.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, kỳ bất sát giả dụ ư bạch điệp, kỳ đà bì giả tức dụ tài hóa, thiên vũ thấp lạn dụ ư phóng dật bại

hoại thiện hạnh. Bất sát giới giả tức Phật pháp thân tối thượng diệu nhân, nhiên bất năng tu, dẫn dĩ tài hóa tạo chư tháp miếu cúng dường chúng Tăng, xả căn thủ mạng bất cầu kỳ bản, phiêu lãng ngũ đạo mạc năng tự xuất, thị cố hành giả ứng đương tinh tâm trì bất sát giới.

Dịch nghĩa

Ví như khách buôn giữa đường có con lạc đà chở nhiều của báu, tấm thảm mềm mịn cùng bao nhiêu của báu nữa. Con lạc đà đã chết rồi lột lấy da nó. Chủ buôn bỏ đi bảo hai đệ tử rằng: “Giữ gìn da con lạc đà, đừng để ứt mục”.

Khi gặp trời mưa, đệ tử ngu dốt, lấy tấm thảm che da, tấm thảm mục nát hết, giá trị da với thảm khác nhau như trời với vực, vì ngu si lấy thảm che da.

Người đời cũng thế, giới bất sát ví như tấm thảm, da lạc đà ví như của báu, trời mưa mục ví với phóng dật bại hoại. Khéo giữ giới bất sát là pháp thân Phật, nhân tốt cao nhất. Nhưng không tu được, chỉ lấy của cải, dựng chùa tháp, cúng dường chúng Tăng, bỏ gốc lấy ngọn, không cầu gốc, trôi dạt năm đạo không ra được. Vì thế người tu phải tinh tiến giữ giới bất sát.

Mài hòn đá to

Chính văn

磨大石喻

譬如有人，磨一大石勤加功力，經歷日月作小戲牛，用功既重所期甚輕。

世間之人亦復如是，磨大石者喻於學問精勤勞苦，作小牛者喻於名聞互相是非。

夫為學者研思精微博通多識，宜應履行遠求勝果，方求名譽憍慢貢高，增長過患。

Phiên âm

MA ĐẠI THẠCH DỤ

Thí như hữu nhân, ma nhất đại thạch cần gia công lực, kinh lịch nhật nguyệt tác tiểu hý ngưu, dụng công ký trọng sở kỳ thậm khinh.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, ma đại thạch giả dụ ư học vấn tinh cần lao khổ, tác tiểu ngưu giả dụ ư danh văn hồ tương thị phi.

Phù vi học giả nghiên tư tinh vi bác thông đa thức, nghi ưng lý hành viễn cầu thắng quả, phương cầu danh dự kiêu mạn cống cao, tăng trưởng quá hoạn.

Dịch nghĩa

Ví như có người cố gắng ngày này tháng khác, mài một hòn đá to thành hình con bò bé tí. Dùng công nặng nề, được không đáng kể.

Người đời cũng thế, việc mài đá to dự với học hỏi siêng năng khó nhọc, thành con bò nhỏ ví với tiếng đồn hay dở.

Ôi! Việc học nghiên ngẫm tinh vi, thông hiểu nhớ nhiều, phải thực hành để cầu thắng quả, chỉ cầu tiếng khen, kiêu mạn ngông nghênh, thêm nhiều lỗi trái.

Muốn ăn nửa bánh

Chính văn

欲食半餅喻

譬如有人，因其飢故食七枚煎餅，食六枚半已便得飽滿，其人悲悔，以手自打而作是言：「我今飽足由此半餅，然前六餅唐自捐棄，設知半餅能充足者，應先食之。」

世間之人亦復如是，從本以來常無有樂，然其癡倒橫生樂想。如彼癡人於半番餅生於飽想，世人無知以富貴為樂。

夫富貴者，求時甚苦，既獲得已守護亦苦，後還失之憂念復苦，於三時中都無有樂。猶如衣食遮故名樂，於辛苦中橫生樂想。諸佛說言：「三界無安，皆是大苦，凡夫倒惑，橫生樂想。」

Phiên âm

DỤC THỰC BÁN BÌNH DỤC

Thí như hữu nhân, nhân kỳ cơ cố thực thất mai tiên bình, thực lục mai bán dĩ tiện đắc bảo mãn, kỳ nhân khuể hối, dĩ thủ tự đả nhi tác thị ngôn: “Ngã kim bảo túc do thử bán bình, nhiên tiền lục bình đường tự quyền khí, thiết tri bán bình năng sung túc giả, ưng tiên thực chi”.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tông bản dĩ lai thường vô hữu lạc, nhiên kỳ si đảo hoành sinh lạc tưởng. Như bỉ si nhân vu bán phiên bình sinh ư bảo tưởng, thế nhân vô tri dĩ phú quý vi lạc.

Phù phú quý giả, cầu thời thậm khổ, ký hoạch đắc dĩ thủ hộ diệc khổ, hậu hoàn thất chi ưu niệm phục khổ, ư tam thời trung đô vô hữu lạc. Do như y thực giả cố danh lạc, ư tân khổ trung hoành sinh lạc tưởng. Chư Phật thuyết ngôn: “Tam giới vô an, giai thị đại

khổ, phàm phu đảo hoặc, hoành sinh lạc tướng”.

Dịch nghĩa

Ví như có người đói, ăn bảy tấm bánh nướng, ăn sáu bánh rưỡi rồi thì no, người đó hối tiếc nắm tay tự đâm nói: “Bởi nửa bánh này, thế là uống công ăn sáu bánh trước, nếu biết nửa bánh được no thì nên ăn trước”.

Người đời cũng thế, từ trước đến nay thường không được vui, nhưng họ điên đảo cho là vui, như kẻ ngu kia, với nửa tấm bánh tưởng thế là no.

Người đời lấy giàu sang làm vui, khi cầu giàu sang thì rất khổ, được rồi giữ gìn cũng khổ, sau bị mất đi càng khổ. Cả tám giai đoạn đều không vui cả. Cũng như cơm áo che ngăn nên gọi là vui, ở trong cay đắng cố tưởng là vui. Phật dạy ba cõi không yên, đều khổ lớn cả. Phàm phu mê hoặc cứ tưởng là vui.

45

Con ở giữ cửa

Chính văn

奴守門喻

譬如有人將欲遠行，勅其奴言：「爾好守門并看驢索。」

其主行後，時隣里家有作樂者，此奴欲聽不能自安，尋以索繫門置於驢上，負至戲處聽其作樂。奴去之後，舍中財物賊盡持去。大家行還，問其奴言：「財寶所在？」

奴便答言：「大家先付門驢及索，自是以外非奴所知。」

大家復言：「留爾守門正為財物，財物既失用於門為？」

生死愚人為愛奴僕亦復如是，如來教誡常護根門，莫著六塵，守無明驢看於愛索。而諸比丘不奉佛教，貪求利養詐現清白靜處而坐，心意流馳貪著五欲，為色聲香味之所惑亂，無明覆心愛索纏縛，正念覺意道品財寶悉皆散失。

Phiên âm

NÔ THỦ MÔN DỤ

Thí như hữu nhân tương dục viễn hành, sắc kỳ nô ngôn: “Nhĩ hảo thủ môn tịnh khán lư tác”.

Kỳ chủ hành hậu, thời lân lý gia hữu tác nhạc giả, thủ nô dục thính bất năng tự an, tầm dĩ tác hệ môn trí ư lư thượng, phụ chí hỷ xú thính kỳ tác nhạc. Nô khứ chi hậu, xá trung tài vật tặc tận trì khứ. Đại gia hành hoàn, vấn kỳ nô ngôn: “Tài bảo sở tại?”

Nô tiện đáp ngôn: “Đại gia tiên phó môn lư cập tác, tự thị dĩ ngoại phi nô sở tri”.

Đại gia phục ngôn: “Lưu nhĩ thủ môn chính vị tài vật, tài vật ký thất dụng ư môn vi?”

Sinh tử ngu nhân vì ái nô bộc diệc phục như thị, Như Lai giáo giới thường hộ căn môn, mạc trước lục trần, thủ vô minh lư khán ư ái tác. Nhi chư Tỷ khiêu bất phụng Phật giáo, tham cầu lợi dưỡng trá hiện thanh bạch tịnh xứ nhi tọa, tâm ý lưu trì tham trước ngũ dục, vi sắc thanh hương vị chi sở hoặc loạn, vô minh phú tâm ái tác triển phược, chính niệm giác ý đạo phẩm tài bảo tất giai tán thất.

Dịch nghĩa

Có người sắp đi xa, sai đứa ở phải giữ cửa cho cẩn thận và coi lửa, thùng.

Khi chủ đi rồi nhà hàng xóm tổ chức cuộc vui hòa nhạc, đứa ở muốn nghe, tâm không yên được, liền lấy thùng bó cánh cửa để lên lưng con lửa chở đến chỗ hòa nhạc. Đứa ở đi rồi, cửa cái ở trong nhà bị trộm lấy đi hết. Chủ về hỏi: “Cửa cái đâu hết?”

Đáp: “Ông trước chỉ giao cho tôi lửa, cánh cửa và thùng chảo, ngoài ra tôi không biết”.

Chủ lại nói: “Giao mày giữ cửa chính vì cửa cái, cửa cái mất rồi dùng cửa làm gì?”

Kẻ ngu si vì yêu, đứa ở cũng thế, Như Lai dạy bảo thường phải gìn giữ căn môn, chớ mê sáu trần, giữ lửa vô minh, coi thùng ái dục mà các Tỷ khiêu không nghe Phật dạy, tham cầu lợi dưỡng, trá hiện thanh bạch, ngồi trong chốn vắng, tâm ý buông dồng, tham đắm năm dục, bị sắc thanh hương vị làm mê, vô minh che tâm, thùng ái trói buộc của báu chính niệm, giác ý đạo phẩm mất hết.

46

Trộm bò

Chính văn

偷犛牛喻

譬如一村共偷犛牛而共食之。其失牛者逐跡至村，喚此村人問其由狀，而語之言：「爾在此村。」

不偷者對曰：「我實無村。」

又問：「爾村中有池，在此池邊共食牛不？」

答言：「無池。」

又問：「池傍有樹不？」

對言：「無樹。」

又問：「偷牛之時在爾村東不？」

對曰：「無東。」

又問：「當爾偷牛非日中時耶？」

對曰：「無中。」

又問：「縱可無村及以無樹，何有天下無東無時？知爾妄語都不可信，爾偷牛食不？」

對言：「實食。」

破戒之人亦復如是，覆藏罪過不肯發露，死入地獄，諸天善神以天眼觀不得覆藏，如彼食牛不得欺拒。

Phiên âm

THÂU LÊ NGƯU DỤ

Thí như nhất thôn cộng thâu lê ngư nhi cộng thực chi. Kỳ thất ngư giả trực tích chí thôn, hoán thủ thôn nhân vấn kỳ do trạng, nhi ngũ chi ngôn: “Nhĩ tại thủ thôn”.

Bất thâu giả đối viết: “Ngã thực vô thôn”.

Hựu vấn: “Nhĩ thôn trung hữu trì, tại thủ trì biên cộng thực ngư phủ?”

Đáp ngôn: “Vô trì”.

Hựu vấn: “Trì bàng hữu thụ phủ?”

Đối ngôn: “Vô thụ”.

Hựu vấn: “Thâu ngư chi thời tại nhĩ thôn đông phủ?”

Đối viết: “Vô đông”.

Hựu vấn: “Đương nhĩ thâu ngư phi nhật trung thời da?”

Đối viết: “Vô trung”.

Hựu vấn: “Túng khả vô thôn cập dĩ vô thụ, hà hữu thiên hạ vô đông vô thời? Tri nhĩ vọng ngũ đô bất khả tín, nhĩ thâu ngư thực phủ?”

Đối ngôn: “Thực thực”.

Phá giới chi nhân diệc phục như thị, phú tàng tội quá bất khảng phát lộ, tử nhập địa ngục, chư thiên thiện thần dĩ thiên nhãn quan bất đắc phú tàng, như bỉ thực ngư bất đắc khi cự.

Dịch nghĩa

Ví như cả làng cùng trộm bò ăn thịt, người mất bò theo dõi, gọi người làng này ra hỏi:

“Anh ở làng này à?”

“Tôi không có làng”.

“Trong làng anh có ao, cùng ăn thịt bò ở bên bờ ao?”

“Không ao”.

“Bên ao có cây?”

“Không cây”.

“Lúc trộm bò ở bên đông làng anh phải không?”

“Không có đông”.

“Lúc trộm bò có phải giữa ngày?”

“Không giữa”.

“Không thôn, không cây có thể được, thiên hạ sao lại không phương đông, không thời gian?

Mày là đứa không tin được, mày trộm bò ăn thịt phải không?”

“Thực ăn”.

Kẻ gian dối cũng thế, che giấu tội lỗi không chịu phát lộ, chết vào địa ngục, các Thiên thần dùng thiên nhãn nhìn thấy không giấu được như kẻ ăn trộm bò kia.

Người nghèo kêu tiếng uyên ương

Chính văn

貧人作鴛鴦鳴喻

昔外國節法慶之日，一切婦女盡持優鉢羅華以為鬢飾。有一貧人，其婦語言：「爾若能得優鉢羅華來用與我，為爾作妻；若不能得，我捨爾去。」

其夫先來常善能作鴛鴦之鳴，即入王池作鴛鴦鳴偷優鉢羅華。

時守池者而作是問：「池中者誰？」

而此貧人失口答言：「我是鴛鴦。」

守者捉得將詣王所，而於中道復更和聲作鴛鴦鳴，守池者言：「爾先不作，今作何益？」

世間愚人亦復如是，終身殘害作眾惡業，不習心行使令調善，臨命終時方言：「今我欲得修善。」

獄卒將去付閻羅王，雖欲修善亦無所及已，如彼愚人欲到王所作鴛鴦鳴。

Phiên âm

BẢN NHÂN TÁC UYÊN ƯƠNG MINH DỤ

Tích ngoại quốc tiết pháp khánh chi nhật, nhất thiết phụ nữ tận trì Ưu bát la hoa dĩ vi man sức. Hữu nhất bản nhân, kỳ phụ ngữ ngôn: “Nhĩ nhược năng đắc Ưu bát la hoa lai dụng dĩ ngã, vi nhĩ tác thê; nhược bất năng đắc, ngã xả nhĩ khứ”.

Kỳ phu tiên lai thường thiện năng tác uyên ương chi minh, tức nhập vương trì tác uyên ương minh thân Ưu bát la hoa.

Thời thủ trì giả nhi tác thị vấn: “Trì trung giả thù?”

Nhi thủ bản nhân thất khẩu đáp ngôn: “Ngã thị uyên ương”.

Thủ giả tróc đặc tương nghệ vương sở, nhi ư trung đạo phục cánh hòa thanh tác uyên ương minh, thủ trì giả ngôn: “Nhĩ tiên bất tác, kim tác hà ích?”

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, chung thân tàn hại tác chúng ác nghiệp, bất tập tâm hành sử linh điều thiện, lâm mệnh chung thời phương ngôn: “Kim ngã dục đắc tu thiện”.

Ngục tốt tương khứ phó Diêm La Vương, tuy dục tu thiện diệc vô sở cập dĩ, nhu bỉ ngu nhân dục đáo vương sở tác uyên ương minh.

Dịch nghĩa

Xưa ở nước kia về ngày khánh tiết, tất cả phụ nữ đều dùng hoa sen trang sức, một vợ nhà nghèo bảo chồng: “Nếu anh có hoa sen cho tôi trang sức thì tôi là vợ anh, nếu không tôi đi”.

Anh chồng từ trước hay kêu giả tiếng chim uyên ương, liền vào ao nhà vua lấy trộm hoa sen.

Người coi ao thấy động hỏi: “Ai đấy?”

Anh nghèo buột miệng đáp: “Tôi là chim uyên ương”.

Người coi ao bắt đem nộp vua, giữa đường anh bỗng kêu tiếng uyên ương. Người giữ ao nói: “Trước không kêu thế bây giờ kêu thì có ích gì?”

Kẻ ngu ở đời cũng thế, suốt đời làm ác không tập làm thiện bao giờ, đến lúc sắp chết mới nói muốn được tu thiện cũng không kịp rồi, vì sắp đến cửa Diêm Vương.

48

Con dã can bị cành cây gãy rơi vào

Chính văn

野干為折樹枝所打喻

譬如野干在於樹下，風吹枝折墮其脊上，即便閉目不欲看樹，捨棄而走至于露地，乃至日暮亦不肯來。

遙見風吹大樹枝柯動搖上下，便言喚我，尋來樹下。

愚癡弟子亦復如是，已得出家得近師長，以小呵責即便逃走，復於後時遇惡知識惱亂不已，方還所去，如是去來是為愚惑。

Phiên âm

DÃ CAN VI CHIẾT THỤ CHI SỞ ĐẢ DỤ

Thí như Dã Can tại ư thụ hạ, phong xuy chi chiết đọa kỳ tích thượng, tức tiện bế mục bất dục khán thụ, xả khí nhi tẩu đáo vu lộ địa, nãi chí nhật mộ diệc bất khản lai.

Điều kiến phong xuy đại thụ chi kha động dao thượng hạ, tiện ngôn hoán ngã, tầm lai thụ hạ.

Ngu si đệ tử diệc phục như thị, dĩ đắc xuất gia đắc cận sư trưởng, dĩ tiểu kha trách tức tiện đào tẩu, phục ư hậu thời ngộ ác tri thức não loạn bất dĩ, phương hoàn sở khứ, như thị khứ lai thị vi ngu hoặc.

Dịch nghĩa

Con Dã Can ở dưới gốc cây, gió thổi cành gãy rơi vào lưng, liền

nhắm mắt chạy không dám quay lại, đến tối cũng không dám về.

Từ đằng xa trông lại, thấy gió thổi, cành cây lay động lên xuống, nó tưởng cây lại gọi về gốc cây.

Kẻ đệ tử ngu si cũng thế, đã được xuất gia, được gần thầy bạn, vì sự quả phạt nhỏ, liền bỏ đi đến khi gặp phải kẻ ác tri thúc nã hại, lại phải quay về thầy cũ, đi lại như thế là kẻ ngu mê.

Trẻ con tranh phân biệt lông

Chính văn

小兒爭分別毛喻

譬如昔日有二小兒入河遨戲，於此水底得一把毛，一小兒言：「此是仙鬚。」

一小兒言：「此是羆毛。」

爾時河邊有一仙人，此二小兒爭之不已，詣彼仙所決其所疑。而彼仙人尋即取米及胡麻子，口中含嚼吐著掌中，語小兒言：「我掌中者似孔雀屎。」而此仙人不答他問，人皆知之。

世間愚人亦復如是，說法之時戲論諸法不答正理，如彼仙人不答所問，為一切人之所嗤笑，浮漫虛說亦復如是。

Phiên âm

TIỂU NHI TRANH PHÂN BIỆT MAO DỤ

Thí như tích nhật hữu nhị tiểu nhi nhập hà ngao hý, ư thủ thủy để đắc nhất bả mao, nhất tiểu nhi ngôn: “Thủ thị tiên tu”.

Nhất tiểu nhi ngôn: “Thủ thị bi mao”.

Nhĩ thời hà biên hữu nhất tiên nhân, thủ nhị tiểu nhi tránh chi bất dĩ, nghệ bỉ tiên sở quyết kỳ sở nghi. Nhi bỉ tiên nhân tầm tức thủ mẽ cập hồ ma tử, khẩu trung hàm tước thổ trước chưởng trung, ngữ tiểu nhi ngôn: “Ngã chưởng trung giả tự khổng tước thi”. Nhi thủ tiên nhân bất đáp tha vấn, nhân giai tri chi.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, thuyết pháp chi thời hý luận chư pháp bất đáp chính lý, như bỉ tiên nhân bất đáp sở vấn, vi nhất thiết nhân chi sở xuy tiếu, phù mạn hư thuyết diệc phục

như thị.

Dịch nghĩa

Ngày xưa có hai trẻ xuống sông đùa nghịch được ở dưới đáy nước một nắm lông. Một trẻ bảo: “Đây là râu tiên”.

Một trẻ bảo: “Đây là lông gấu”.

Lúc này bờ sông có một vị tiên, hai trẻ đi đến quyết nghị cho. Vị tiên liền nhai gạo và vừng lẫn nhau rồi nhổ vào bàn tay, bảo hai trẻ: “Đây là phần chim sẻ”, không trả lời vào việc trẻ hỏi.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, khi giảng pháp thì bàn nhảm không đáp lẽ đúng như tiên kia không trả lời việc hỏi, bị mọi người chê cười đông dãi nói nhảm cũng thế.

Thầy thuốc chữa lưng gù

Chính văn

醫治脊僂喻

譬如有人卒患脊僂請醫療之，醫以酥塗，上下著板，用力痛壓，不覺雙目一時併出。

世間愚人亦復如是，為修福故，治生估販作諸非法，其事雖成利不補害，將來之世入於地獄，喻雙目出。

Phiên âm

Y TRỊ TÍCH LŨ DỰ

Thí như hữu nhân tốt hoạn tích lũ thỉnh y liệu chi, y dĩ tô đồ, thượng hạ trước bản, dụng lực thống áp, bất giác song mục nhất thời tịnh xuất.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, vị tu phúc cố, trị sinh cô bần tác chư phi pháp, kỳ sự tuy thành lợi bất bổ hại, tương lai chi thế nhập ư địa ngục, dụ song mục xuất.

Dịch nghĩa

Có người bị gù lưng, mời thầy chữa, thầy dùng vị tô trát vào trên dưới ván rồi dùng sức ép mạnh, bất giác lồi cả hai mắt.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, vì tu phúc, làm việc buôn bán, làm những việc phi pháp chóng thành việc nhưng lợi bất cập hại, đời sau vào ngục dục lồi hai mắt.

51

Năm người cùng thuê người giúp việc

Chính văn

五人買婢共使作喻

譬如五人共買一婢，其中一人語此婢言：「與我浣衣。」

次有一人復語浣衣。婢語次者：「先與其浣。」

後者恚曰：「我共前人，同買於汝，云何獨爾？」即鞭十下，如是五人各打十下。

五陰亦爾，煩惱因緣合成此身，而此五陰恒以生老病死無量苦惱撈笞眾生。

Phiên âm

NGŨ NHÂN MÃI TỶ CỘNG SỬ TÁC DỤ

Thí như ngũ nhân cộng mãi nhất tỳ, kỳ trung nhất nhân ngũ thử tỳ ngôn: “Dữ ngã hoán y”.

Thứ hữu nhất nhân phục ngũ hoán y. Tỳ ngũ thứ giả: “Tiên dữ kỳ hoán”.

Hậu giả khuể viết: “Ngã cộng tiền nhân, đồng mãi ư nhữ, vân hà độc nhĩ?” Tức tiên thập hạ, như thị ngũ nhân các đả thập hạ.

Ngũ ám diệt nhĩ, phiền não nhân duyên hợp thành thử thân, nhi thử ngũ ám hằng dĩ sinh lão bệnh tử vô lượng khổ não bàng si chúng sinh.

Dịch nghĩa

Năm người cùng thuê một người giúp việc. Một người sai giặt áo, người nữa lại sai giặt áo. Người giúp việc bảo: “Hãy khoan, tôi còn giặt cho người trước đã”.

Người sau cáu bực nói: “Ta với người trước cùng mượn may sao mà chỉ nghe hắt?” Liền đánh cho mười gậy, rồi năm người cùng đánh mỗi người năm gậy.

Năm ấm cũng thế, phiền não nhân duyên lập thành thân này, mà ngũ ấm thường lấy sinh, lão, bệnh, tử và rất nhiều khổ giày vò chúng sinh.

Phường nhạc đòi tiền thuê

Chính văn

伎兒作樂喻

譬如伎兒，王前作樂，王許千錢。後從王索，王不與之，王語之言：「汝向作樂空樂我耳，我與汝錢亦樂汝耳。」

世間果報亦復如是，人中天上雖受少樂亦無有實，無常敗滅不得久住，如彼空樂。

Phiên âm

KỴ NHI TÁC NHẠC DỰ

Thí như kỹ nhi, vương tiền tác nhạc, vương hứa thiên tiền. Hậu tông vương sách, vương bất dĩ chi, vương ngữ chi ngôn: “Nhữ hướng tác nhạc không lạc ngã nhĩ, ngã dĩ nhữ tiền diệc lạc nhữ nhĩ”.

Thế gian quả báo diệc phục như thị, nhân trung thiên thượng tuy thụ thiếu lạc diệc vô hữu thực, vô thường bại diệt bất đắc cử trụ, như bỉ không nhạc.

Dịch nghĩa

Phường nhạc tấu nhạc trước mặt vua, vua thuê một nghìn đồng, tấu nhạc xong đòi tiền. Vua nói: “Trước người tấu nhạc vui sướng tại ta, nay ta cho người tiền cũng vui sướng tại người”.

Thế gian quả báo cũng thế, cõi trời cõi người, tuy được phút vui cũng không vui thực, vô thường tan diệt, không được bền lâu như nhạc sông kia.

Hai đệ tử chữa chân thầy đau

Chính văn

師患脚付二弟子喻

譬如一師有二弟子，其師患脚，遣二弟子人當一脚隨時按摩。其二弟子常相憎嫉，一弟子行，其一弟子捉其所當按摩之脚以石打折；彼既來已，忿其如是，復捉其所按之脚尋復打折。

佛法學徒亦復如是，方等學者非斥小乘，小乘學者復非方等，故使大聖法典二途兼亡。

Phiên âm

SƯ HOẠN CƯỚC PHÓ NHỊ ĐỆ TỬ DỤ

Thí như nhất sư hữu nhị đệ tử, kỳ sư hoạn cước, khiển nhị đệ tử nhân đương nhất cước tùy thời án ma. Kỳ nhị đệ tử thường tương tăng tật, nhất đệ tử hành, kỳ nhất đệ tử tróc kỳ sở đương án ma chi cước dĩ thạch đả chiết; bỉ ký lai dĩ, phẫn kỳ như thị, phục tróc kỳ nhân sở án chi cước tầm phục đả chiết.

Phật pháp học đồ diệt phục như thị, Phương đẳng học giả phi xích Tiểu thừa, Tiểu thừa học giả phục phi Phương đẳng, cố sử đại thánh pháp điển nhị đồ kiêm vong.

Dịch nghĩa

Một thầy có hai đệ tử, thầy đau chân giao cho mỗi người phải chữa một chân, nhưng hai đệ tử thường thù ghét nhau, anh phải bóp chân A đi ra, thì anh phải bóp chân B liền lấy đá đập chân A của thầy mà anh kia phải bóp, lẽ dĩ nhiên anh kia phải báo thù lại anh này.

Học trò Phật pháp cũng vậy, phái học Đại thừa chê phái học Tiểu

thừa và ngược lại. Làm cho cả Đại, Tiểu thừa đều mất.

54

Đầu đuôi con rắn tranh nhau đi trước

Chính văn

蛇頭尾共爭在前喻

譬如有蛇，尾語頭言：「我應在前。」

頭語尾言：「我恒在前，何以卒爾？」

頭果在前，其尾纏樹不能得去，放尾在前，即墮火坑燒爛而死。

師徒弟子亦復如是，言師耆老每恒在前，我諸年少應為導首。如是年少不聞戒律多有所犯，因即相牽入於地獄。

Phiên âm

XÀ ĐẦU VĨ CỘNG TRANH TẠI TIỀN DỤ

Thí như hữu xà, vĩ ngữ đầu ngôn: “Ngã ưng tại tiền”.

Đầu ngữ vĩ ngôn: “Ngã hằng tại tiền, hà dĩ tốt nhĩ?”

Đầu quả tại tiền, kỳ vĩ triền thụ bất năng đắc khứ, phóng vĩ tại tiền, tức đoạ hỏa khanh thiêu lạn nhi tử.

Sư đồ đệ tử diệc phục như thị, ngôn sư kỳ lão mỗi hằng tại tiền, ngã chư niên thiếu ưng vi đạo thủ. Như thị niên thiếu bất nhân giới luật đa hữu sở phạm, nhân tức tương khiên nhập ư địa ngục.

Dịch nghĩa

Có đuôi con rắn bảo đầu rằng: “Ta phải đi trước”.

Đầu bảo đuôi: “Ta thường đi trước, bỗng sao lại thế?”

Đầu liền đi trước, đuôi quấn vào cây không đi được nữa, đầu đành cho đuôi đi trước liền đâm vào hố lửa chết.

Thầy trò đệ tử cũng thế, đệ tử bảo: “Thầy là bậc cao tuổi tôn túc, đã ở trên mãi rồi, bây giờ để lớp trẻ lãnh đạo”. Nhưng tuổi trẻ chưa quen giới luật, phạm nhiều sai lầm, thế rồi dắt nhau vào địa ngục cả.

Xin cạo râu cho vua

Chính văn

願為王剃鬚喻

昔者有王有一親信，於軍陣中沒命救王使得安全，王大歡喜與其所願，即便問言：「汝何所求？恣汝所欲。」

臣便答言：「王剃鬚時，願聽我剃。」

王言：「此事若適汝意，聽汝所願。」

如此愚人世人所笑，半國之治、大臣輔相悉皆可得，乃求賤業。

愚人亦爾，諸佛於無量劫，難行苦行自致成佛，若得遇佛及值遺法，人身難得譬如盲龜值浮木孔，此二難值今已遭遇，然其意劣，奉持少戒便以為足，不求涅槃勝妙法也，無心進求，自行邪事，便以為足。

Phiên âm

NGUYỆN VI VƯƠNG THẾ TU DỤ

Tích giả hữu vương hữu nhất thân tín, ư quân trận trung một mệnh cứu vương sử đắc an toàn, vương đại hoan hỷ dĩ kỳ sở nguyện, tức tiện vấn ngôn: “Nhữ hà sở cầu? Tú nhữ sở dục”.

Thần tiện đáp ngôn: “Vương thế tu thời, nguyện thỉnh ngã thế”.

Vương ngôn: “Thử sự nhược thích nhữ ý, thỉnh nhữ sở nguyện”.

Như thử ngu nhân thế nhân sở tiểu, bán quốc chi trị, đại thần phụ tướng tất giai khả đắc, nãi cầu tiện nghiệp.

Ngu nhân diệt nhĩ, chư Phật ư vô lượng kiếp, nan hành khổ hạnh tự trí thành Phật, nhược đắc ngộ Phật cập trị di pháp, nhân thân

nan đặc thí như manh quy trị phù mộc khổng, thử nhị nan trị kim dĩ tao ngộ, nhiên kỳ ý liệt, phụng trì thiếu giới tiện dĩ vi túc, bất cầu Niết bàn thắng diệu pháp dã, vô tâm tiến cầu, tự hành tà sự, tiện dĩ vi túc.

Dịch nghĩa

Nhà vua xưa có một người thân tín, ở trong trận chiến liều chết cứu vua, vua được an toàn rất mừng. Hỏi anh ta cần gì?

“Chỉ xin cạo râu cho vua”.

Vua cho ngay, thế là bị đời chê là ngu si. Làm quan phụ tướng cai trị nửa nước cũng được mà lại xin công việc hèn ấy.

Kẻ ngu cũng thế, chư Phật đã bao nhiêu kiếp làm những việc khổ hạnh mới được thành Phật, thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, ví như mùa mưa gặp hốc cây nổi, cả hai đều khó gặp, nay đã gặp được, nhưng ý hèn kém, giữ giới chẳng được bao nhiêu liền cho là đủ, không cầu kết bạn cao thượng tiến hóa, lại cầu việc kém, cho là đầy đủ.

56

Đòi thứ vô vật

Chính văn

索無物喻

昔有二人道中共行，見有一人將胡麻車，在嶮路中不能得前。時將車者語彼二人：「佐我推車出此嶮路。」

二人答言：「與我何物？」

將車者言：「無物與汝。」

時此二人即佐推車至於平地，語將車人言：「與我物來。」

答言：「無物。」

又復語言：「與我無物。」

二人之中其一人者含笑而言：「彼不肯與，何足為愁？」

其人答言：「與我無物，必應有無物。」

其一人言：「無物者，二字共合是為假名。」

世俗凡夫若無物者，便生無所有處，第二人言無物者，即是無相無願無作。

Phiên âm

SÁCH VÔ VẬT DỤ

Tích hữu nhị nhân đạo trung cộng hành, kiến hữu nhất nhân tương hồ ma xa, tại hiểm lộ trung bất năng đắc tiền. Thời tương xa giả ngữ bỉ nhị nhân: “Tá ngã thôi xa xuất thủ hiểm lộ”.

Nhị nhân đáp ngôn: “Dữ ngã hà vật?”

Tương xa giả ngôn: “Vô vật dữ nhữ”.

Thời thử nhị nhân tức tá thôi xa chí ư bình địa, ngũ tương xa nhân ngôn: “Dữ ngã vật lai”.

Đáp ngôn: “Vô vật”.

Hựu phục ngũ ngôn: “Dữ ngã vô vật”.

Nhị nhân chi trung kỳ nhất nhân giả hàm tiểu nhi ngôn: “Bỉ bất khẳng dữ, hà túc vi sấu?”

Kỳ nhân đáp ngôn: “Dữ ngã vô vật, tất ứng hữu vô vật”.

Kỳ nhất nhân ngôn: “Vô vật giả, nhị tự cộng hợp thị vi giả danh”.

Thế tục phạm phu nhược vô vật giả, tiện sinh vô sở hữu xứ, đệ nhị nhân ngôn vô vật giả, túc thị vô tướng vô nguyên vô tác.

Dịch nghĩa

Xưa có hai người đi giữa đường gặp một người chở xe hạt vùng trong quãng đường hiểm không đi được. Người chở xe bảo hai người kia đẩy xe giúp qua đường hiểm, hai người đòi: “Cho vật gì?”

Chủ xe nói: “Cho vô vật”.

Rồi hai người này đẩy xe giúp đến chỗ đường thẳng, bảo chủ xe: “Trả tôi vật gì đây?”

Đáp: “Vô vật”

“Đưa vô vật đây”.

Một trong hai người mỉm cười và nói: “Họ không cho cũng không thiết”.

Người kia đáp: “Cho tôi vô vật hẳn là có vô vật”.

Một người kia nói: “Vô vật là hai chữ hợp vào, thế là giả danh”.

Kẻ phạm phu ở đời hiểu “vô vật” là không có gì. Người thứ hai nói: “Vô vật” là “vô tướng, vô nguyên, vô tác”.

Đạp vào mồm trưởng giả

Chính văn

蹋長者口喻

昔有大富長者，左右之人欲取其意皆盡恭敬。長者唾時，左右侍人以脚踏却。

有一人愚者，不及得蹋，而作是言：「若唾地者諸人蹋却，欲唾之時，我當先蹋。」

於是長者正欲咳唾，時此愚人即便舉脚踏長者口，破脣折齒。長者語愚人言：「汝何以故蹋我脣口？」

愚人答言：「若長者唾出口落地，左右諂者已得蹋去，我雖欲蹋，每常不及。以是之故，唾欲出口舉脚先蹋，望得汝意。」

凡物須時，時未及到，彊設功力返得苦惱，以是之故世人當知時與非時。

Phiên âm

ĐẠP TRƯỞNG GIẢ KHẨU DỤ

Tích hữu đại phú trưởng giả, tả hữu chi nhân dục thủ kỳ ý giai tận cung kính. Trưởng giả thóa thời, tả hữu thị nhân dĩ cước đạp khước.

Hữu nhất nhân ngu giả, bất cập đắc đạp, nhi tác thị ngôn: “Nhược thóa địa giả chư nhân đạp khước, dục thóa chi thời, ngã đương tiên đạp”.

Ư thị trưởng giả chính dục khái thóa, thời thử ngu nhân tức tiện cử cước đạp trưởng giả khẩu, phá thần chiết xỉ. Trưởng giả ngữ ngu nhân ngôn: “Nhữ hà dĩ cố đạp ngã thần khẩu?”

Ngũ nhân đáp ngôn: “Nhược trưởng giả thóa xuất khẩu lạc địa, tả hữu siểm giả dĩ đắc đập khứ, ngã tuy dục đập, mỗi thường bất cập. Dĩ thị chi cố, thóa dục xuất khẩu cử cước tiên đập, vọng đắc nhữ ý”.

Phàm vật tu thời, thời vị cập đáo, cường thiết công lực phản đắc khổ não, dĩ thị chi cố thể nhân đương tri thời dữ phi thời.

Dịch nghĩa

Xưa có ông trưởng giả rất giàu, những người thân cận muốn ông vừa ý đều cung kính ông. Khi ông nhỏ, người hầu hai bên sẽ đập lên luôn.

Có một kẻ ngu không đập kịp, nghĩ rằng: “Trưởng giả nhỏ xuống những người gần đã đập rồi, khi ông sắp nhỏ ta liền đập trước”.

Thế rồi khi trưởng giả sắp nhỏ, kẻ ngu cất chân đập ngay vào miệng trưởng giả và trưởng giả bị vỡ môi, gãy răng. Trưởng giả hỏi kẻ ngu: “Tại sao ngươi đập mồm ta?”

Đáp: “Nếu trưởng giả nhỏ ra, những người nịnh hai bên đã đập trước rồi. Tôi tuy muốn đập nhưng không kịp, vì thế miệng sắp nhỏ ra, tôi phải đập trước để vừa ý ông”.

Làm việc phải hợp thời, thời cơ chưa đến đã gượng làm, tốn công, bị khổ. Vậy người ta nên biết đúng thời.

Hai con Chia của

Chính văn

二子分財喻

昔摩羅國有一刹利，得病極重，必知定死，誠勅二子：「我死之後善分財物。」二子隨教，於其死後分作二分，兄言弟分不平。

爾時有一愚老人言：「教汝分物使得平等。現所有物破作二分。云何破之？所謂衣裳中割作二分，槃瓶亦復中破作二分，所有盆瓠亦破作二分，錢亦破作二分，如是一切所有財物盡皆破之而作二分。」如是分物人所嗤笑。

如諸外道偏修分別論，論門有四種：有決定答論門，譬如人一切有皆死，此是決定答論門。死者必有生是應分別答，愛盡者無生，有愛必有生，是名分別答論門。

有問人為最勝不？應反問言：「汝問三惡道？為問諸天？若問三惡道，人實為最勝；若問於諸天，人必為不如。」如是等義，名反問答論門。

若問十四難，若問世界及眾生有邊無邊、有終始無終始如是等義，名置答論門。

諸外道愚癡自以為智慧，破於四種論作一分別論，喻如愚人分錢物破錢為兩段。

Phiên âm

Nhị tử phân tài dụ

Tích Ma La quốc hữu nhất Sát lợi, đắc bệnh cực trọng, tất tri định tử, giới sắc nhị tử: “Ngã tử chi hậu thiện phân tài vật”. Nhị tử tùy giáo, ư kỳ tử hậu phân tác nhị phần, huynh ngôn đệ phân bất bình.

Nhĩ thời hữu nhất ngu lão nhân ngôn: “Giáo nhữ phân vật sử đắc bình đẳng. Hiện sở hữu vật phá tác nhị phần. Vân hà phá chi? Sở vị y thường trung cát tác nhị phần, bàn bình diệc phục trung phá tác nhị phần, sở hữu bốn giang diệc phá tác nhị phần, tiền diệc phá tác nhị phần, như thị nhất thiết sở hữu tài vật tận giai phá chi nhị tác nhị phần”. Như thị phân vật nhân sở xuy tiếu.

Như chư ngoại đạo thiên tu phân biệt luận, luận môn hữu tứ chủng: Hữu quyết định đáp luận môn, thí như nhân nhất thiết hữu giai tử, tử thị quyết định đáp luận môn. Tử giả tất hữu sinh, thị ứng phân biệt đáp, ái tận giả vô sinh, hữu ái tất hữu sinh, thị danh phân biệt đáp luận môn.

Hữu vấn nhân vi tối thắng phủ? Ứng phản vấn ngôn: “Nhữ vấn tam ác đạo? Vi vấn chư thiên? Nhược vấn tam ác đạo, nhân thực vi tối thắng; nhược vấn ư chư thiên, nhân tất vi bất như”. Như thị đẳng nghĩa, danh phản vấn đáp luận môn.

Nhược vấn thập tứ nạn, nhược vấn thế giới cập chúng sinh hữu biên vô biên, hữu chung thủy vô chung thủy như thị đẳng nghĩa, danh trí đáp luận môn.

Chư ngoại đạo ngu si tự dĩ vi trí tuệ, phá ư tứ chủng luận, tác nhất phân biệt luận, dụ như ngu nhân phân tiền vật phá tiền vi lưỡng đoạn.

Dịch nghĩa

Xưa nước Ma La có một nhà giàu, ốm nặng biết sắp chết, dặn hai con sau khi ta chết, của cải phải chia đôi cho đều. Nhưng người anh vẫn bảo là không đều.

Khi ấy có ông già ngu dạy anh em kia rằng: “Có của gì cũng phá làm hai phần, từ áo quần cho đến mâm, bát, chum, vại, v.v. đều phá làm hai phần, kể cả tiền cũng chặt làm hai”. Chia của như thế bị người chê cười.

Như các ngoại đạo tu về luận phân biệt, biết có bốn loại, có môn luận: “*Quyết định đáp*”, ví như người ta đều phải chết, đó là môn luận “*Quyết định đáp*”. Chết thì hẳn có sinh, thế là đáp “*phân biệt*”. Hết yêu mến thì không sinh, có yêu mến hẳn có sinh, thế là môn luận đáp “*phân biệt*”.

Có câu hỏi: Người là hơn cả phải không? Thì phải hỏi lại: Bác hỏi ba đạo ác hay hỏi Thiên thần? Nếu hỏi ba đạo ác thì người thật hơn cả. Nếu hỏi Thiên thần thì người không bằng, nếu hỏi như

thế là môn “*phản vấn đáp*”.

Nếu hỏi 14 nạn hay thế giới chúng sinh có biên, không biên, có chung thủy, không chung thủy, những nghĩa như thế gọi là môn “*luận đáp luôn*”.

Các ngoại đạo ngu si tự cho là trí tuệ, phá cả bốn loại luận gộp làm một “luận phân biệt”. Ví như người ngoài chia tiền, đồ vật làm hai đoạn.

59

Xem làm bình gốm

Chính văn

觀作瓶喻

譬如二人至陶師所，觀其蹋輪而作瓦瓶，看無厭足。一人捨去，往至大會極得美膳又獲珍寶。

一人觀瓶而作是言：「待我看訖。」如是漸冉乃至日沒，觀瓶不已失於衣食。

愚人亦爾，修理家務不覺非常。

今日營此事，

明日造彼業

諸佛大龍出，

雷音遍世間，

法雨無障礙，

緣事故不聞。

不知死卒至，

失此諸佛會，

不得法珍寶，

常處惡道窮。

背棄放正法，

彼觀緣事瓶，

終常無竟已，
是故失法利，
永無解脫時。

Phiên âm

QUAN TÁC BÌNH DỤ

Thí như nhị nhân chí đào sư sở, quan kỳ tháp luân nhi tác ngỗa bình, khán vô yếm túc. Nhất nhân xả khứ, vãng chí đại hội cực đắc mỹ thiện hựu hoạch trân bảo.

Nhất nhân quan bình nhi tác thị ngôn: “Đãi ngã khán ngật”. Như thị tiệm nhiễm nãi chí nhật một, quan bình bất dĩ thất ư y thực.

Ngũ nhân diệc nhĩ, tu lý gia vụ bất giác phi thường.

Kim nhật doanh thủ sự,
Minh nhật tạo bỉ nghiệp,
Chư Phật đại long xuất,
Lôi âm biến thế gian,
Pháp vũ vô chương ngại,
Duyên sự cố bất văn.
Bất tri tử tốt chí,
Thất thủ chư Phật hội,
Bất đắc pháp trân bảo,
Thường xử ác đạo cùng.
Bội khí phóng chính pháp,
Bỉ quan duyên sự bình,
Chung thường vô cánh dĩ,
Thị cố thất pháp lợi,
Vĩnh vô giải thoát thời.

Dịch nghĩa

Hai người đến nhà thợ gốm xem họ đập máy xoay làm đồ gốm, xem không biết chán. Một người bỏ đến cuộc đại hội được trọng đãi cỗ bàn, nhận tặng của báu.

Người xem làm bình nói: “Đợi tôi xem xong”. Rồi nấn ná xem đến tối không thôi, mất cả ăn mặc.

Kẻ ngu cũng thế, mãi công việc nhà, tình linh chết đến.

Hôm nay bận việc này

Ngày mai bận việc kia

Phật như rồng lớn ra

Sấm vang khắp thế gian

Tuôn mưa không trở ngại

Mãi việc nên không nghe

Ngờ đâu chết bỗng đến

Mất gặp được hội Phật

Không được nghe Pháp bảo

Thường ở mãi chốn ác

Bỏ rơi cả chính pháp

Như kẻ bận xem bình.

Thường không biết chán đủ

Thế nên mất pháp lợi

Không bao giờ giải thoát.

Thấy bóng vàng dưới nước

Chính văn

見水底金影喻

昔有癡人往大池所，見水底影有真金像，謂呼有金，即入水中撈泥求覓。疲極不得，還出復坐。須臾水清又現金色，復更入裏撈泥更求覓，亦復不得。其如是，父覓子得來見子，而問子言：「汝何所作，疲困如是？」

子白父言：「水底有真金，我時投水欲撈泥取，疲極不得。」

父看水底真金之影，而知此金在於樹上，所以知之，影現水底。其父言曰：「必飛鳥銜金著於樹上。」即隨父語，上樹求得。

凡夫愚癡人，

無智亦如是，

於無我陰中，

橫生有我想；

如彼見金影，

勤苦而求覓，

徒勞無所得。

Phiên âm

KIẾN THỦY ĐỂ KIM ẢNH DỤ

Tích hữu si nhân vãng đại trì sở, kiến thủy để ảnh hữu chân kim tượng, vị hô hữu kim, tức nhập thủy trung nạo nê cầu mịch. Bì

cực bất đắc, hoàn xuất phục tọa. Tu du thủy thanh hựu hiện kim sắc, phục cánh nhập lý nạo nề cánh cầu mịch, diệc phục bất đắc. Kỳ như thị, phụ mịch tử đắc lai kiến tử, nhi vấn tử ngôn: “Nhữ hà sở tác, bì khốn như thị?”

Tử bạch phụ ngôn: “Thủy để hữu chân kim, ngã thời đầu thủy dục nạo nề thủ, bì cực bất đắc”.

Phụ khán thủy để chân kim chi ảnh, nhi tri thử kim tại ư thụ thượng, sở dĩ tri chi, ảnh hiện thủy để.

Kỳ phụ ngôn viết: “Tất phi điều hàm kim trước ư thụ thượng”. Tức tùy phụ ngữ, thượng thụ cầu đắc.

Phàm phu ngu si nhân,

Vô trí diệc như thị,

Ư vô ngã ám trung,

Hoành sinh hữu ngã tướng;

Như bỉ kiến kim ảnh,

Cần khổ nhi cầu mịch,

Đồ lao vô sở đắc.

Dịch nghĩa

Xưa có kẻ ngu thấy bóng vàng thật dưới đáy ao reo lên là có vàng, liền xuống nước mò rất mệt mà không được, hẫ lên ngồi nghỉ đợi nước trong, nhìn thấy màu vàng lại xuống mò, cũng lại không được. Người cha đến tìm con hỏi: “Con làm gì mà khổ thế?”

“Thưa cha đáy nước có vàng, con xuống mò mệt lắm mà không được”.

Cha nhìn thấy đáy nước có bóng vàng, biết vàng ở trên ngọn cây, bóng hiện xuống đáy nước. Ông đoán hẫ chim bay ngậm vàng để trên ngọn cây. Người con liền nghe lời cha lên cây tìm được vàng.

Kẻ phàm phu ngu si không khôn cũng thế, ở trong thân vốn không, ta cứ tưởng nhầm có ta, như kẻ thấy bóng vàng cần khổ mà tìm kiếm uổng công không được gì.

Đệ tử phạm thiên tạo vật

Chính văn

梵天弟子造物因喻

婆羅門眾皆言：「大梵天王是世間父，能造萬物。」

造萬物主者有弟子，言我亦能造萬物，實是愚癡自謂有智。語梵天言：「我欲造萬物。」

梵天王語言：「莫作此意，汝不能造。」

不用天語便欲造物。梵天見其弟子所造之物，即語之言：「汝作頭太大，作項極小，作手太大，作臂極小，作腳極小，作踵極大，作如似毘舍闍鬼。」以此義當知，各各自業所造，非梵天能造。

諸佛說法不著二邊，亦不著斷亦不著常，如似八正道說法。諸外道見斷見常事已，便生執著，欺誑世間作法形像，所說實是非法。

Phiên âm

PHẠM THIÊN ĐỆ TỬ TẠO VẬT NHÂN DỤ

Bà la môn chúng giai ngôn: “Đại Phạm Thiên Vương thị thế gian phụ, năng tạo vạn vật”.

Tạo vạn vật chủ giả hữu đệ tử, ngôn ngã diệc năng tạo vạn vật, thực thị ngu si tự vị hữu trí. Ngã Phạm Thiên ngôn: “Ngã dục tạo vạn vật”.

Phạm Thiên Vương ngữ ngôn: “Mạc tác thử ý, nhữ bất năng tạo”.

Bất dụng Thiên ngữ tiên dục tạo vật. Phạm Thiên kiến kỳ đệ tử sở tạo chi vật, tức ngữ chi ngôn: “Nhữ tác đầu thái đại, tác hạng cực

tiểu, tác thủ thái đại, tác tý cực tiểu, tác cước cực tiểu, tác chủng cực đại, tác như tự Tỳ Xá Xà quý”. Dĩ thủ nghĩa đương tri, các các tự nghiệp sở tạo, phi Phạm Thiên năng tạo.

Chư Phật thuyết pháp bất trước nhị biên, diệt bất trước đoạn diệt bất trước thường, như tự Bát chính đạo thuyết pháp. Chư ngoại đạo kiến đoạn kiến thường sự dĩ, tiện sinh chấp trước, khi cuống thế gian tác pháp hình tượng, sở thuyết thực thị phi pháp.

Dịch nghĩa

Phái Bà la môn đều nói: “Vua trời Đại Phạm là bố thế gian, tạo ra vật”.

Đệ tử của chủ tạo vạn vật cũng nói: “Tôi cũng tạo được vạn vật”.

Người đệ tử thực là ngu si cho mình có trí, bảo Phạm Thiên rằng: “Con muốn tạo vạn vật”.

Vua Phạm Thiên nói: “Chớ nghĩ thế, con không tạo được”.

Người đệ tử không nghe lời cú tạo. Phạm Thiên thấy đệ tử tạo đầu to quá, cổ bé quá, bàn tay to quá, cánh tay bé quá, ống chân nhỏ, gót chân to giống như quý Tỳ Xá Xà. Vì nghĩa này biết rằng, đều tự nghiệp tạo ra chớ không phải Phạm Thiên.

Chư Phật thuyết pháp không cú hai bên cũng không cú đoạn, thường cú theo “tám đường chính” (Bát chính đạo) mà thuyết pháp. Các ngoại đạo thấy việc đoạn, thường này rồi, nên sinh chấp trước lừa dối thế gian nói pháp hình tượng, quả là phi pháp.

Người ốm ăn thịt chim trĩ

Chính văn

病人食雉肉喻

昔有一人病患委篤，良醫占之云：「須恒食一種雉肉可得愈病。」

而此病者市得一雉，食之已盡更不復食。

醫於後時見，便問之：「汝病愈未？」

病者答言：「醫先教我恒食雉肉，是故今者食一雉已盡更不敢食。」

醫復語言：「若前雉已盡，何不更食？汝今云何正食一雉望得愈病？」

一切外道亦復如是，聞佛菩薩無上良醫說言，當解心識，外道等執於常見，便謂過去未來現在唯是一識無有遷謝，猶食一雉，是故不能療其愚惑煩惱之病。

大智諸佛教諸外道除其常見，一切諸法念念生滅，何有一識常恒不變？

如彼世醫教更食雉而得病愈。佛亦如是，教諸眾生令得解，諸法壞故不常，續故不斷，即得剷除常見之病。

Phiên âm

BỆNH NHÂN THỰC TRĨ NHỤC DỤ

Tích hữu nhất nhân bệnh hoạn ủy đốc, lương y chiêm chi vân:
“Tu hằng thực nhất chủng trĩ nhục khả đắc dĩ bệnh”.

Nhi thử bệnh giả thị đắc nhất trĩ, thực chi dĩ tận cánh bất phục thực.

Y ư hậu thời kiến, tiện vấn chi: “Nhữ bệnh dĩ vị?”

Bệnh giả đáp ngôn: “Y tiên giáo ngã hằng thực trĩ nhục, thị cố kim giả thực nhất trĩ dĩ tận cánh bất cảm thực”.

Y phục ngữ ngôn: “Nhược tiền trĩ dĩ tận, hà bất cánh thực? Nhữ kim vân hà chính thực nhất trĩ vọng đắc dữ bệnh?”

Nhất thiết ngoại đạo diệc phục như thị, văn Phật, Bồ tát vô thượng lương y thuyết ngôn, đương giải tâm thức, ngoại đạo đẳng chấp ư thường kiến, tiện vị quá khứ vị lai hiện tại duy thị nhất thức vô hữu thiên tạ, do thực nhất trĩ, thị cố bất năng liệu kỳ ngu hoặc phiền não chi bệnh.

Đại trí chư Phật giáo chư ngoại đạo trừ kỳ thường kiến, nhất thiết chư pháp niệm niệm sinh diệt, hà hữu nhất thức thường hằng bất biến?

Như bỉ thế y giáo cánh thực trĩ nhi đắc bệnh dữ. Phật diệc như thị, giáo chư chúng sinh linh đắc giải, chư pháp hoại cố bất thường, tục cố bất đoạn, tức đắc sản trừ thường kiến chi bệnh.

Dịch nghĩa

Xưa có một người sợ ốm nặng. Thầy thuốc bảo: “Thường phải ăn thịt chim trĩ, có thể khỏi được bệnh”.

Người ốm đi chợ mua một con chim trĩ ăn hết rồi không mua nữa.

Khi thầy thuốc hỏi: “Đã khỏi chưa?”

Đáp: “Trước ông bảo tôi thường phải ăn thịt chim trĩ, thì tôi đã ăn một con rồi, không dám ăn nữa”.

Thầy thuốc bảo: “Trước ăn hết rồi, sao không ăn nữa? Không khỏi là phải”.

Tất cả ngoại đạo cũng thế, nghe thầy thuốc Phật, Bồ tát giảng, nên giải tâm thức, bọn ngoại đạo chấp thường kiến, cho là quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ là một thức không thay đổi, cũng như ăn thịt một con chim trĩ, vì thế không khỏi được.

Với bệnh ngu mê phiền não, chư Phật bậc đại trí, dạy ngoại đạo, phải trừ thường kiến, tất cả các pháp luôn luôn sinh diệt, không phải một thức thường bất biến.

Như thầy thuốc ở đời dạy ăn một con chim trĩ mà được khỏi bệnh. Phật cũng như thế, dạy chúng sinh các pháp biến hoại, không thường

tiếp tục, chẳng đoạn thì trừ được bệnh thường kiến.

Phường tuồng mặc áo la sát cùng nhau hoảng sợ

Chính văn

伎兒著戲羅刹服共相驚怖喻

昔乾陀衛國有諸伎兒，因時飢饉，逐食他土，經婆羅新山，而此山中素饒惡鬼食人羅刹。時諸伎兒會宿山中，山中風寒然火而臥，伎兒之中有患寒者，着彼戲本羅刹之服向火而坐。時行伴中從睡寤者，卒見火邊有一羅刹，竟不諦觀捨之而走，遂相驚動一切伴侶悉皆逃奔。時彼伴中着羅刹衣者，亦復尋逐奔馳絕走，諸同行者見其在後，謂欲加害，倍增惶怖，越渡山河投赴溝壑，身體傷破疲極委頓，乃至天明方知非鬼。

一切凡夫亦復如是，處於煩惱飢饉善法，而欲遠求常樂我淨無上法食，便於五陰之中橫計於我。以我見故流馳生死，煩惱所逐不得自在，墜墮三塗惡趣溝壑，至天明者喻生死夜盡智慧明曉，方知五陰無有真我。

Phiên âm

KỶ NHI TRƯỚC HỖ LA SÁT PHỤC CỘNG TƯƠNG KINH BỐ DỤ

Tích Càn Đà Vệ quốc hữu chư kỹ nhi, nhân thời cơ kiệt, trực thực tha thổ, kinh Bà La Tân sơn, nhi thủ sơn trung tố nhiều ác quỷ thực nhân La sát. Thời chư kỹ nhi hội túc sơn trung, sơn trung phong hàn nhiên hỏa nhi ngoạ, kỹ nhi chi trung hữu hoạn hàn giả, trước bĩ hỷ bản La sát chi phục hướng hỏa nhi tọa. Thời hành bạn trung tòng thụ ngụ giả, tốt kiến hỏa biên hữu nhất La sát, cánh bất đế quan, xả chi nhi tẩu, toại tương kinh động nhất thiết bạn lữ tất giai đào bôn. Thời bĩ bạn trung trước La sát y giả, diệc phục tầm trực bôn trì tuyệt tẩu, chư đồng hành giả kiến kỳ tại hậu, vị dục gia hại, bội tăng hoàng bố, việt độ sơn hà đầu phó câu hác, thân thể thương phá bì cực ủy đốn, nãi chí thiên minh phương tri phi quỷ.

Nhất thiết phàm phu diệc phục như thị, xử ư phiền não cơ kiệm thiện pháp, nhi dục viển cầu thường lạc ngã tịnh vô thượng pháp thực, tiện ư ngũ ấm chi trung hoành kế ư ngã. Dĩ ngã kiến cố lưu trì sinh tử, phiền não sở trục bất đắc tự tại, truy đoạ tam đồ ác thú câu hác, chí thiên minh giả dụ sinh tử dạ tận trí tuệ minh hiểu, phương tri ngũ ấm vô hữu chân ngã.

Dịch nghĩa

Xưa có nước Càn Đà Vệ có phùng tuồng, nhân thời đói kém đi các nước khác kiếm ăn, ở nước khác phải qua núi Bà La Tân. Trong núi vốn nhiều quỷ dữ ăn thịt người, lúc này phùng tuồng gặp tối nghỉ ở trong núi rét quá đốt lửa nằm. Trong phùng có một tên sợ rét, mặc cái áo vai La sát ngồi sưởi. Trong bọn có anh ngủ thức dậy, chợt thấy bên đồng lửa có quỷ La sát, không kịp nhìn kỹ, vùng cẳng chạy, động tất cả bọn, xô nhau cùng chạy, anh mặc áo La sát cũng chạy theo. Chúng bạn thấy anh chạy sau cho là theo hại mình, càng hoảng sợ thêm, vượt qua sông núi thác ghềnh, thân thể bị thương cho đến trời sáng mới biết không phải là quỷ.

Tất cả phàm phu cũng thế, ở chốn phiền não, đói thiếu phép thiện mà muốn đi xa cầu vô thượng pháp Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ở ngay cái thân chấp trước cái ta. Chỉ vì cái ta nên rong ruổi bị sinh tử, phiền não đuổi theo, không được tự tại, sa vào ngã ba đường ác, như lên ghềnh thác. Đến trời sáng là hết đêm sinh tử, trí tuệ sáng rõ mới biết ngũ ấm không có ta thật.

Trong nhà cũ có ác quỷ

Chính văn

人謂故屋中有惡鬼喻

昔有故屋，人謂此室常有惡鬼，皆悉怖畏不敢寢息。時有一人自謂大膽，而作是言：「我欲入此室中寄臥一宿。」即入宿止。

後有一人自謂膽勇勝於前人，復聞傍人言此室中恒有惡鬼，即欲入中排門將前。時先入者謂其是鬼，即復推門遮不聽前；在後來者復謂有鬼，二人鬪爭遂至天明。既相覩已，方知非鬼。

一切世人亦復如是，因緣暫會無有宰主，一一推析誰是我者？然諸眾生橫計是非強生爭訟，如彼二人等無差別。

Phiên âm

NHÂN VỊ CỔ ỐC TRUNG HỮU ÁC QUỶ DỤ

Tích hữu cổ ốc, nhân vị thử thất thường hữu ác quỷ, giai tất bố úy bất cảm tẩm túc. Thời hữu nhất nhân tự vị đại đảm, nhi tác thị ngôn: “Ngã dục nhập thử thất trung ký ngụ nhất túc”. Túc nhập túc chỉ.

Hậu hữu nhất nhân tự vị đảm dũng thắng ư tiền nhân, phục văn bàng nhân ngôn thử thất trung hằng hữu ác quỷ, túc dục nhập trung bài môn tương tiến. Thời tiên nhập giả vị kỳ thị quỷ, túc phục thôi môn già bất thính tiến; tại hậu lai giả phục vị hữu quỷ, nhi nhân đấu tranh toại chí thiên minh. Ký tương đồ dĩ, phương tri phi quỷ.

Nhất thiết thế nhân diệc phục như thị, nhân duyên tạm hội vô hữu tể chủ, nhất nhất thời tích thù thị ngã giả? Nhiên chu chúng sinh hoành kế thị phi cường sinh tranh tụng, như bỉ nhị nhân

đăng vô sai biệt.

Dịch nghĩa

Xưa có căn nhà cũ, người ta nói trong nhà này thường có ác quỷ, ai cũng sợ hãi không dám vào nghỉ, rồi có một người tự cho là lớn mật, quyết vào nghỉ một đêm.

Sau lại có một người tự cho mình là to gan hơn người trước, cũng nghe người nói trong nhà này thường có ác quỷ, nhưng cứ đẩy cửa vào. Người đã vào trước tưởng ác quỷ đến, liền đẩy cửa ngăn không cho vào. Người đến sau lại cho là quỷ dữ ở trong nhà. Hai người giành giật đến sáng nhìn rõ nhau mới biết không phải là quỷ.

Tất cả người đời cũng thế, tạm gặp không có chủ thể, cứ xét kỹ thì cái gì là “ta”, tất cả chúng sinh chấp đúng, sai lầm, ngang ngược cãi nhau như hai người kia không khác.

Năm trăm viên thuốc hoan hỷ

Chính văn

五百歡喜丸喻

昔有一婦荒淫無度，欲情既盛嫉惡其夫，每思方策規欲殘害，種種設計不得其便。會值其夫，聘使隣國，婦密為計造毒藥丸，欲用害夫，詐語夫言：「爾今遠使，慮有乏短，今我造作五百歡喜丸，用為資糧以送於爾，爾若出國至他境界，飢困之時乃可取食。」夫用其言，至他界已未及食之，於夜間中止宿林間，畏懼惡獸上樹避之，其歡喜丸忘置樹下。

即以其夜值五百偷賊，盜彼國王五百疋馬并及寶物來止樹下，由其逃突盡皆飢渴，於其樹下見歡喜丸，諸賊取已各食一丸，藥毒氣盛五百群賊一時俱死。

時樹上人至天明已，見此群賊死在樹下，詐以刀箭斫射死屍，收其鞍馬并及財寶驅向彼國。時彼國王多將人眾案迹來逐，會於中路值於彼王，彼王問言：「爾是何人？何處得馬？」

其人答言：「我是某國人，而於道路值此群賊共相斫射，五百群賊今皆一處死在樹下，由是之故我得此馬及以珍寶來投國王，若不見信可遣往看，賊之瘡痍殺害處所。」

王時即遣親信往看，果如其言。王時欣然歎未曾有，既還國已厚加爵賞，大賜珍寶封以聚落。彼王舊臣咸生嫉妬而白王言：「彼是遠人未可服信，如何卒爾寵遇過厚，至於爵賞踰越舊臣？」

遠人聞已而作是言：「誰有勇健能共我試？請於平原按其技能。」舊人愕然無敢敵者。

後時彼國大曠野中有惡師子，截道殺人斷絕王路，時彼舊臣詳共議之：「彼遠人者自謂勇健無能敵者，今復若能殺彼師子為國除害，真為奇特。」作是議已便白於王，王聞是已給賜刀杖尋即遣之。爾時遠人既受勅已，堅彊其意向師子所。

師子見之奮激鳴吼騰躍而前，遠人驚怖即便上樹，師子張口仰頭向樹，其人怖急失所捉刀，值師子口，師子尋死。

爾時遠人歡喜踊躍，來白於王，王倍寵遇，時彼國人率爾敬服咸皆讚歎。

其婦人歡喜丸者喻不淨施，王遣使者喻善知識，至他國者喻於諸天，殺群賊者喻得須陀洹斷五欲并諸煩惱，遇彼國王者喻遭值賢聖。國舊人等生嫉妬者，喻諸外道見有智者能斷煩惱及以五欲，便生誹謗言無此事。

遠人激厲而言舊臣無能與我共為敵者，喻於外道無敢抗衡。殺師子者喻破魔。既斷煩惱又伏惡魔，便得無着道果封賞。每常怖怯者喻能以弱而制於彊。

其於初時雖無淨心，然彼其施遇善知識便獲勝報，不淨之施猶尚如此，況復善心歡喜布施？是故應當於福田所勤心修施。

Phiên âm

NGŨ BÁCH HOAN HỖ HOÀN DỤ

Tích hữu nhất phụ hoang dã vô độ, dục tình ký thịnh tặc ác kỳ phụ, mỗi tư phương sách quy dục tàn hại, chủng chủng thiết kế bất đắc kỳ tiện. Hội trực kỳ phụ, sinh sứ lân quốc, phụ mật vi kế tạo độc dược hoàn, dục dụng hại phụ, trá ngữ phụ ngôn: “Nhĩ kim viễn sứ, lự hữu pháp đoản, kim ngã tạo tác ngũ bách hoan hỷ hoàn, dụng vi tư lương dĩ tổng ư nhĩ, nhĩ nhược xuất quốc chí tha cảnh giới, cơ khốn chi thời nãi khả thủ thực”. Phụ dụng kỳ ngôn, chí tha giới dĩ vị cập thực chi, ư dạ ám trung chỉ túc lâm gian, úy cù ác thú thượng thụ tỵ chi, kỳ hoan hỷ hoàn vong trí thụ hạ.

Túc dĩ kỳ dạ trực ngũ bách thâm tặc, đạo bỉ quốc vương ngũ bách sát mã tịnh cập bảo vật lai chỉ thụ hạ, do kỳ đào đột tận giai cơ khát, ư kỳ thụ hạ kiến hoan hỷ hoàn, chư tặc thủ dĩ các thực nhất hoàn, dược độc khí thịnh ngũ bách quần tặc nhất thời câu tử.

Thời thụ thượng nhân chí thiên minh dĩ, kiến thủ quần tặc tử tại thụ hạ, trá dĩ đao tiền chúc xạ tử thi, thu kỳ yên mã tịnh cập tài bảo khu hướng bỉ quốc. Thời bỉ quốc vương đa tương nhân chúng án tích lai trực, hội ư trung lộ trực ư bỉ vương, bỉ vương vấn ngôn: “Nhĩ thị hà nhân? Hà xứ đắc mã?”

Kỳ nhân đáp ngôn: “Ngã thị Mỗ quốc nhân, nhi ư đạo lộ trực thủ quần tặc cộng tương chúc xạ, ngũ bách quần tặc kim giai nhất xứ tử tại thụ hạ, do thị chi cố ngã đắc thủ mã cập dĩ trân bảo lai đầu

quốc vương, nhược bất kiến tín khả khiến vãng khán, tặc chi sang di sát hại xứ sở”.

Vương thời tức khiến thân tín vãng khán, quả như kỳ ngôn. Vương thời hân nhiên thân vị tăng hữu, ký hoàn quốc dĩ, hậu gia tước thưởng, đại tứ trân bảo phong dĩ tự lạc. Bĩ vương cựu thân, hàm sinh tật đồ, nhi bạch vương ngôn: “Bĩ thị viễn nhân vị khả phục tín, như hà tốt nhĩ sủng ngộ quá hậu, chí ư tước thưởng du viêt cựu thân?”

Viễn nhân văn dĩ nhi tác thị ngôn: “Thùy hữu dũng kiện năng cộng ngã thí? Thỉnh ư bình nguyên hiệu kỳ kỹ năng”. Cựu nhân ngạc nhiên vô cảm địch giả.

Hậu thời bĩ quốc đại khoáng dã trung hữu ác sư tử, tiết đạo sát nhân đoạn tuyệt vương lộ, thời bĩ cựu thân tường cộng nghị chi: “Bĩ viễn nhân giả tự vị dũng kiện vô năng địch giả, kim phục nhược năng sát bĩ sư tử vi quốc trừ hại, chân vi kỳ đặc”. Tác thị nghị dĩ tiện bạch ư vương, vương văn thị dĩ cấp tứ đao trượng tầm tức khiến chi. Nhĩ thời viễn nhân ký thụ sắc dĩ, kiên cường kỳ ý hướng sư tử sở.

Sư tử kiến chi phấn kích minh hống đằng dục nhi tiền, viễn nhân kinh bố tức tiện thượng thụ, sư tử trương khẩu ngưỡng đầu hướng thụ, kỳ nhân bố cấp thất sở tróc đao, trực sư tử khẩu, sư tử tầm tử.

Nhĩ thời viễn nhân hoan hỷ dũng dục, lai bạch ư vương, vương bội sủng ngộ, thời bĩ quốc nhân suất nhĩ kính phục hàm giai tán thán.

Kỳ phụ nhân hoan hỷ hoàn giả dụ bất tịnh thí, vương khiến sứ giả dụ thiện tri thức, chí tha quốc giả dụ ư chư thiên, sát quần tặc giả dụ đắc Tu đà hoàn cường đoạn ngũ dục tịnh chư phiền não, ngộ bĩ quốc vương giả dụ tào trị hiền thánh. Quốc cựu nhân đẳng sinh tật đồ giả, dụ chư ngoại đạo kiến hữu trí giả năng đoạn phiền não cấp dĩ ngũ dục, tiện sinh phỉ báng ngôn vô thủ sự.

Viễn nhân kích lệ nhi ngôn cựu thân vô năng dữ ngã cộng vi địch giả, dụ ư ngoại đạo vô cảm kháng xung. Sát sư tử giả dụ phá ma. Ký đoạn phiền não hựu phục ác ma, tiện đắc vô trước đạo quả phong thưởng. Mỗi thường bố khiếp giả dụ năng dĩ nhược nhi chế ư cường.

Kỳ ư sơ thời tuy vô tịnh tâm, nhiên bĩ kỳ thí ngộ thiện tri thức tiện hoạch thắng báo, bất tịnh chi thí do thượng như thủy, hướng phục

thiện tâm hoan hỷ bố thí? Thị cố ưng đương ưu phúc điền sở cần tâm tu thí.

Dịch nghĩa

Xưa có một vợ hoang dâm vô độ, nặng về tình dục, rất ghét người chồng, thường nghĩ mưu gian giết chồng nhưng chưa được. Gặp cơ hội chồng đi sứ sang nước khác, vợ bí mật làm viên thuốc độc để hại chồng, nói lừa chồng rằng: “Anh sắp đi xa tôi e có khi cơ lỡ, tôi làm 500 viên thuốc ‘hoan hỷ’ để làm tư lương tiễn anh, nếu đến vùng đất nào lỡ đói thì ăn”. Chồng nhận nhưng chưa kịp ăn gặp trời tối nghỉ ở rừng, sợ ác thú anh leo lên cây tránh, để quên gói thuốc “hoan hỷ” dưới gốc.

Ngay đêm ấy bọn giặc 500 tên, lấy trộm 500 con ngựa và cửa báu của nhà vua, đến gốc cây nghỉ. Vì chúng trốn chạy nên đều đói khát cả, vớ được thuốc “hoan hỷ” chia đều nhau ăn, hơi thuốc độc mạnh, bọn giặc chết hết.

Đến sáng anh trên cây xuống thấy xác bọn giặc dưới gốc vờ lấy dao chém, tên cắm vào xác chết, thu yên ngựa và cửa báu đem đến nước kia, giữa đường gặp quân nhà vua đi tìm hỏi: “Anh là người thế nào, được ngựa ở đâu?”

Đáp: “Tôi là người nước nọ, gặp bọn giặc này ở đường, tôi bắn, chém nhau với chúng chết 500 tên, xác chúng còn dưới gốc cây kia, nên tôi được ngựa và cửa báu đem nộp vua”.

Vua nghe rồi sai người thân tín đến xem đúng thực, khen chưa từng có. Về nước rồi vua phong tước, ban thưởng cho rất hậu. Các quan cũ của nhà vua đều ghen ghét nói: “Hắn là người xa chưa đáng tin, thế mà đã vội ban thưởng quá trọng hậu hơn các quan cự triều”.

Anh được thưởng này nghe nói thế thách rằng: “Ai có sức khỏe muốn thử sức với ta thì ra bãi tập, thi tài độ sức”. Nhưng đều ngại ngần không ai dám địch.

Thế rồi nước này ở cánh đồng rộng có con sư tử rất hung dữ đón đường hại người, các quan cũ nhà vua bàn nhau: “Anh được thưởng kia có giỏi thì bây giờ lại đi giết con sư tử kia, vì nước trừ hại thì đặc biệt lạ lùng”. Liên tâm với vua, vua cấp cho dao gậy sai đi ngay, anh liền nhận việc quyết ý, vững lòng đi giết sư tử.

Sư tử thấy anh găm thét chồm nhảy xông đến, anh sợ leo lên cây, sư tử há mồm, ngửa đầu hướng lên cây, anh luống cuống đánh rơi

con dao trúng vào mồm sư tử chết luôn.

Anh rất vui mừng nhảy múa trở về tàu vua. Vua lại thưởng khen gấp bội trước, lại được người nước kia kính phục nữa.

Những viên thuốc của người vợ ví như của thí bất tịnh. Vua sai sứ dụ như thiện tri thức, đến nước khác dụ với chư thiên.

Giết bọn giặc dụ được quả đầu: Tu đà hoàn, găng đoạn ngũ dục và các phiền não.

Gặp nhà vua dụ gặp hiền thánh. Những quan nước cũ dụ ngoại đạo thấy người có trí đoạn được phiền não và ngũ dục, liền sinh chê bai nói không có việc ấy.

Người được thưởng nói khích các quan, nói các quan bất tài không dám đấu tài với ta, dụ với ngoại đạo không dám so sánh. Giết sư tử dụ phá ác ma, đã đoạn phiền não, ác ma lại phải hàng phục, lại được đạo quả giải thoát.

Được phong thưởng vẫn còn nhát sợ dụ lấy yếu mà chống với mạnh.

Lúc ban đầu tuy không tịnh tâm, nhưng của thí kia gặp thiện tri thức lại được báo tốt. Của thí bất tịnh cũng còn như thế hướng lại thiện tâm mà hoan hỷ bá thí. Vì vậy đối với thiện phúc, nên sinh tâm tu thí.

Miệng đọc phép chở thuyền mà không biết dùng

Chính văn

口誦乘船法而不解用喻

昔有大長者子，共諸商人入海採寶。此長者子善誦入海捉船方法，若入海水漩洑洄流磯激之處，當如是捉、如是正、如是住，語眾人言：「入海方法我悉知之。」眾人聞已深信其語，既至海中未經幾時，船師遇病忽然便死。

時長者子即便代處，至洄洑駛流之中唱言：「當如是捉、如是正。」船盤迴旋轉不能前進至於寶所，舉船商人沒水而死。

凡夫之人亦復如是，少習禪法安般數息及不淨觀，雖誦其文不解其義，種種方法實無所曉自言善解，妄授禪法使前人迷亂失心，倒錯法相，終年累歲空無所獲，如彼愚人使他沒海。

Phiên âm

KHẨU TỤNG THỪA THUYỀN PHÁP NHI BẤT GIẢI DỤNG DỤNG

Tích hữu đại trưởng giả tử, cộng chư thương nhân nhập hải thái bảo. Thủ trưởng giả tử thiện tụng nhập hải tróc thuyền phương pháp, nhược nhập hải thủy tuyến phục hồi lưu ký kích chỉ xú, đương như thị tróc, như thị chính, như thị trụ, ngữ chúng nhân ngôn: “Nhập hải phương pháp ngã tất tri chi”. Chúng nhân văn dĩ thâm tín kỳ ngữ, ký chí hải trung vị kinh kỷ thời, thuyền sư ngộ bệnh hốt nhiên tiệt tử.

Thời trưởng giả tử tức tiện đại xú, chí hồi phục sử lưu chi trung xướng ngôn: “Đương như thị tróc, như thị chính”. Thuyền bàn hồi toàn chuyển bất năng tiền tiến chí ư bảo sở, cử thuyền thương

nhân một thủy nhi tử.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, thiếu tập thuyền pháp an ban sổ tức cập bất tịnh quán, tuy tụng kỳ văn bất giải kỳ nghĩa, chủng chủng phương pháp thực vô sở hiểu tự ngôn thiện giải, vọng thụ thuyền pháp sử tiền nhân mê loạn thất tâm, đảo thác pháp tướng, chung niên lũy tuế không vô sở hoạch, như bĩ ngu nhân sử tha một hải.

Dịch nghĩa

Xưa có con ông trưởng giả cùng với người buôn vào biển kiếm ngọc báu. Con ông trưởng giả này theo học phương pháp chở thuyền vào biển. Thầy bảo: Nếu vào biển đến chỗ xoáy đá ngầm tróc thế này, đứng thế này, giữ thế này. Người con bảo với mọi người phương pháp vào biển ta hiểu hết, mọi người nghe rồi rất tin lời anh, vào giữa biển chưa được mấy ngày, thầy dẫn lối bị chết.

Con trưởng giả thay, đến chỗ nước xoáy chảy mạnh, to tiếng xướng: “Phải tróc thế này, đứng thế này”. Thuyền cú quay ngang không tiến được, người buôn chết đuối hết.

Kẻ phàm phu cũng thế, ít tập phép an ban, sổ tức (đứng và đếm hơi thở) và phép quán bất tịnh. Tuy đọc văn nhưng không hiểu nghĩa, rất nhiều phương pháp nhưng không hiểu gì, nói là rất hiểu, liền dạy phép thiện, khiến người rồi trí sai lầm phép tắc. Suốt đời không được phép gì như kẻ ngu kia khiến người chết đuối hết.

Vợ chồng ăn bánh cùng đánh cuộc

Chính văn

夫婦食餅共為要喻

昔有夫婦有三番餅，夫婦共分各食一餅，餘一番在，共作要言：「若有語者要不與餅。」既作要已，為一餅故各不敢語。

須臾有賊入家偷盜取其財物，一切所有盡畢賊手；夫婦二人以先要故，眼看不語。賊見不語，即其夫前侵略其婦，其夫眼見亦復不語。婦便喚賊，語其夫言：「云何癡人為一餅故見賊不喚？」

其夫拍手笑言：「咄！婢，我定得餅，不復與爾。」世人聞之無不嗤笑。

凡夫之人亦復如是，為小名利故詐現靜默，為虛假煩惱種種惡賊之所侵略，喪其善法墜墮三塗，都不怖畏求出世道，方於五欲耽著嬉戲，雖遭大苦不以為患，如彼愚人等無有異。

Phiên âm

PHU PHỤ THỰC BÍNH CỘNG VI YẾU DỤ

Tích hữu phu phụ hữu tam phiên bính, phu phụ cộng phân các thực nhất bính, dư nhất phiên tại, cộng tác yếu ngôn: “Nhuộc hữu ngữ giả yếu bất dĩ bính”. Ký tác yếu dĩ, vị nhất bính cố các bất cảm ngữ.

Tu du hữu tặc nhập gia thâm đạo thủ kỳ tài vật, nhất thiết sở hữu tận tất tặc thủ; phu phụ nhị nhân dĩ tiên yếu cố, nhân khán bất ngữ. Tặc kiến bất ngữ, tức kỳ phu tiên xâm lược kỳ phụ, kỳ phu nhân kiến diệc phục bất ngữ. Phụ tiện hoán tặc, ngữ kỳ phu ngôn:

“Vân hà si nhân vị nhất bánh cổ kiến tặc bất hoán?”

Kỳ phu phách thủ tiểu ngôn: “Đốt! Tỳ, ngã định đắc bánh, bất phục dữ nhĩ”. Thế nhân vân chi vô bất xuy tiểu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, vị tiểu danh lợi cố trá hiện tĩn mặc, vi hư giả phiến não chủng chủng ác tặc chi sở xâm lược, táng kỳ thiện pháp truy đạo tam đồ, đô bất bố úy cầu xuất thế đạo, phương ư ngũ dục đàm trước hy hý, tuy tao đại khổ bất dĩ vi hoán, như bỉ ngu nhân đẳng vô hữu dị.

Dịch nghĩa

Hai vợ chồng có ba tấm bánh chia mỗi người một bánh, còn một bánh cùng đánh cuộc: Nếu ai nói gì trước thì thua cuộc mất tấm bánh, nên không ai dám nói.

Bỗng chốc kẻ trộm vào nhà vợ vét hết cả của cải, vợ chồng trước đã đánh cuộc nên chỉ nhìn không nói. Kẻ trộm thấy không ai nói gì, bèn ghẹo vợ trước mặt chồng, chồng vẫn lặng yên, vợ liền kêu kẻ trộm, bảo chồng: “Thằng ngốc kia, vì một tấm bánh thấy kẻ trộm không kêu”.

Chồng vỗ tay reo: “Ta được bánh rồi”. Người ta nghe chuyện ai cũng chê cười.

Kẻ phàm phu cũng thế, vì tranh giành lợi nhỏ vờ hiện yên lặng, bị mọi loài gia ác phiến não, giả dối hãm hại mất hết phép hay, đạo vào ba đường đều không sợ hãi. Cầu đạo ra đời mà tham đắm ngũ dục, tuy gặp khổ lớn mà không lo, như kẻ ngu kia không khác.

Oán hại lẫn nhau

Chính văn

共相怨害喻

昔有一人，共他相瞋，愁憂不樂。有人問言：「汝今何故愁悴如是？」

即答之言：「有人毀我力不能報，不知何方可得報之，是以愁耳。」

有人語言：「唯有毘陀羅呪可以害彼，但有一患，未及害彼返自害己。」

其人聞已便大歡喜，「願但教我，雖當自害要望傷彼。」

世間之人亦復如是，為瞋恚故欲求毘陀羅呪，用惱於彼竟未害他，先為瞋恚反自惱害，墮於地獄畜生餓鬼，如彼愚人等無差別。

Phiên âm

CỘNG TƯƠNG OÁN HẠI DỤ

Tích hữu nhất nhân, cộng tha tương sân, sầu ưu bất lạc. Hữu nhân vấn ngôn: “Nhữ kim hà cố sầu tụy như thị?”

Túc đáp chi ngôn: “Hữu nhân hủy ngã lực bất năng báo, bất tri hà phương khả đắc báo chi, thị dĩ sầu nhĩ”.

Hữu nhân ngữ ngôn: “Duy hữu Tỳ Đà La chú khả dĩ hại bỉ, dẫn hữu nhất hoạn, vị cập hại bỉ phản tự hại kỷ”.

Kỳ nhân văn dĩ tiện đại hoạn hỷ, “Nguyện dẫn giáo ngã, tuy đương tự hại yếu vọng thương bỉ”.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, vị sân khuể cố dục cầu Tỳ Đà La chú, dụng não ư bỉ cánh vị hại tha, tiên vi sân khuể phản tự não

hại, dọa ư địa ngục súc sinh ngựa quỷ, như bỉ ngu nhân đấng vô sai biệt.

Dịch nghĩa

Xưa có một người tức nhau với người khác, sầu lo không vui. Có người hỏi: “Tại vì sao mà anh lại không vui như vậy?”

Anh ta trả lời rằng: “Có người hủy hại ta, ta không có cách gì báo thù được, vì thế nên buồn”.

“Có người bảo rằng duy có thần chú Tỳ Đà La có thể hại được họ, nhưng khốn nỗi chưa kịp hại kẻ kia mình bị hại trước”.

Người kia nghe rồi rất lấy làm mừng rỡ: “Xin cứ dạy tôi, dù có hại mình, cốt hại được kẻ kia”.

Người đời cũng thế, chỉ vì bức tức cầu chú Tỳ Đà La, dùng hại kẻ kia, họ chưa bị hại, nhưng vì bức tức, não hại ngay mình, dọa vào địa ngục, súc sinh, ngựa quỷ, như kẻ ngu kia không khác.

Bắt chước tổ tiên ăn nhanh

Chính văn

効其祖先急速食喻

昔有一人從北天竺至南天竺，住止既久，即娉其女共為夫婦。時婦為夫造設飲食，夫得急吞不避其熱。婦時怪之，語其夫言：「此中無賊劫奪人者，有何急事忽忽乃爾不安徐食？」

夫答婦言：「有好密事不得語汝。」

婦聞其言謂有異法，殷勤問之，良久乃答：「我祖父已來法常速食，我今効之，是故疾耳。」

世間凡夫亦復如是，不達正理不知善惡，作諸邪行不以為恥，而云我祖父已來作如是法，至死受行終不捨離，如彼愚人習其速食以為好法。

Phiên âm

HIỆU KỲ TỔ TIÊN CẤP TỐC THỰC DỤ

Tích hữu nhất nhân tòng Bắc Thiên Trúc chí Nam Thiên Trúc, trú chỉ ký cửu, tức sinh kỳ nữ cộng vi phu phụ. Thời phụ vi phu tạo thiết ẩm thực, phu đắc cấp thôn bất ty kỳ nhiệt. Phụ thời quái chi, ngữ kỳ phu ngôn: “Thử trung vô tặc kiếp đoạt nhân giả, hữu hà cấp sự thông thông nãi nhĩ bất an từ thực?”

Phu đáp phụ ngôn: “Hữu hảo mật sự bất đắc ngữ nhữ”.

Phụ văn kỳ ngôn vị hữu dị pháp, ân cần vấn chi, lương cửu nãi đáp: “Ngã tổ phụ dĩ lai pháp thường tốc thực, ngã kim hiệu chi, thị cố tật nhĩ”.

Thế gian phàm phu diệc phục như thị, bất đạt chính lý bất tri thiện ác, tác chư tà hạnh bất dĩ vi sỉ, nhi vân ngã tổ phụ dĩ lai tác

như thị pháp, chí tử thụ hành chung bất xả ly, như bỉ ngu nhân tập kỳ tốc thực dĩ vi hảo pháp.

Dịch nghĩa

Xưa có một người từ Bắc Thiên Trúc, đến ngụ Nam Thiên Trúc, ở đã lâu lấy vợ ở đây. Đến bữa ăn chồng ăn rất nhanh không sợ nóng, người vợ lấy làm lạ mới hỏi chồng: “Đây không có giặc cướp, có việc gì mà ăn nhanh vội thế?”

“Có việc bí mật không thể nói với cô được!”

Vợ tưởng có phép lạ, nên ân cần hỏi mãi. Lúc lâu chồng mới đáp: “Từ đời ông đời cha đến nay vẫn thường ăn nhanh, giờ ta cũng bắt chước như thế đây”.

Phàm phu ở đời cũng thế, không hiểu lẽ phải, không biết thiện ác, làm những việc gian tà không biết xấu hổ, lại đổ là phép tắc ông cha để lại, đến chết cứ theo không bỏ, giống như kẻ ngu kia tập ăn nhanh lại cho đó là phép hay.

Nếm quả Am Bà La

Chính văn

嘗菴婆羅果喻

昔有一長者，遣人持錢至他園中買菴婆羅果而欲食之，而勅之言：「好甜美者汝當買來。」即便持錢往買其果。

果主言：「我此樹果悉皆美好無一惡者，汝嘗一果足以知之。」

買果者言：「我今當一一嘗之然後當取，若但嘗一何以可知？」

尋即取果一一皆嘗，持來歸家。長者見已惡而不食，便一切都棄。

世間之人亦復如是，聞持戒施得大富樂，身常安隱無有諸患，不肯信之，便作是言：「布施得福，我自得時然後可信。」

目覩現世貴賤貧窮皆是先業所獲果報，不知推一以求因果，方懷不信，須臾自經，一旦命終，財物喪失，如彼嘗果一切都棄。

Phiên âm

THƯỜNG AM BÀ LA QUẢ DỤ

Tích hữu nhất trưởng giả, khiến nhân trì tiền chí tha viên trung mĩ Am bà la quả nhi dục thực chi, nhi sắc chi ngôn: “Hảo điểm mĩ giả nhữ đương mĩ lai”. Tức tiện trì tiền vãng mĩ kỳ quả.

Quả chủ ngôn: “Ngã thủ thụ quả tất giai mĩ hảo vô nhất ác giả, nhữ thường nhất quả túc dĩ tri chi”.

Mĩ quả giả ngôn: “Ngã kim đương nhất nhất thường chi nhiên hậu đương thủ, nhược dẫn thường nhất hà dĩ khả tri?”

Tầm tức thủ quả nhất nhất giai thường, trì lai quy gia. Trưởng giả

kiến dĩ, ố nhi bất thực, tiện nhất thiết đồ khí.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, văn tri giới thí đắc đại phú lạc, thân thường an ổn vô hữu chư hoạn, bất khăng tín chi, tiện tác thị ngôn: “Bồ thí đắc phúc, ngã tự đắc thời nhiên hậu khả tín”.

Mục đồ hiện thế quý tiện bản cùng giai thị tiên nghiệp sở hoạch quả báo, bất tri suy nhất dĩ cầu nhân quả, phương hoài bất tín, tu kỷ tự kinh, nhất đán mệnh chung, tài vật táng thất, như bĩ thường quả nhất thiết đồ khí.

Dịch nghĩa

Xưa có một trưởng giả, sai người nhà cầm tiền đi mua quả Am bà la về ăn, lại dặn kỹ rằng: “Người phải chọn quả ngon ngọt rồi hẵng mua”. Tên người nhà cầm tiền đến tận vườn để mua.

Người bán nói: “Trong vườn tôi đây, cây nào cũng ngon, bác nếm một quả thì biết”.

Người mua nói: “Tôi phải nếm từng quả rồi mới mua, nếu nếm một quả thì sao biết được quả nào ngon quả nào dở?”

Thế rồi quả nào cũng gặm nham nhở cả, đến khi đem về nhà, ông trưởng giả chê không ăn liền bỏ hết.

Người đời cũng thế, nghe nói giữ giới bá thí, được giàu to vui sướng, thân yên ổn, không bệnh hoạn, nhưng không tin lại nói rằng: “Bá thí được phúc, bao giờ ta được phúc rồi ta mới tin”.

Nhìn thấy hiện tại sang hèn giàu nghèo cũng đều là nghiệp trước đem lại. Không biết suy xét từ một việc, để cầu rõ lý nhân quả, cho nên mới sinh lòng không tin, việc gì cũng phải từng trải đã rồi mới tin. Đến khi bỗng dưng chết mất, của cải tan nát, cũng giống như kẻ nếm quả kia, phải bỏ đi tất cả.

Vì hai vợ, chồng mù cả đôi mắt

Chính văn

為二婦故喪其兩目喻

昔有一人聘取二婦，若近其一，為一所瞋。不能裁斷，便在二婦中間正身仰臥。值天大雨屋舍霖漏，水土俱下墮其眼中，以先有要不敢起避，遂令二目俱失其明。

世間凡夫亦復如是，親近邪友習行非法，造作結業墮三惡道，長處生死喪智慧眼，如彼愚夫為其二婦故二眼俱失。

Phiên âm

VỊ NHỊ PHỤ CỔ TÁNG KỲ LƯỠNG MỤC DỤ

Tích hữu nhất nhân sinh thủ nhị phụ, nhược cận kỳ nhất, vi nhất sở sân. Bất năng tài đoán, tiện tại nhị phụ trung gian chính thân ngưỡng ngọa. Trị thiên đại vũ ốc xá lâm lậu, thủy thổ câu hạ đoạ kỳ nhãn trung, dĩ tiên hữu yếu bất cảm khởi ty, toại linh nhị mục câu thất kỳ minh.

Thế gian phạm phụ diệc phục như thị, thân cận tà hữu tập hành phi pháp, tạo tác kết nghiệp đoạ tam ác đạo, trường xử sinh tử táng trí tuệ nhãn, như bỉ ngu phu vị kỳ nhị phụ cổ nhị nhãn câu thất.

Dịch nghĩa

Xưa có một người lấy hai vợ, gần với vợ này thì vợ kia tức, không xử phân được liền nằm ngửa giữa hai bên vợ, gặp trời mưa to nhà dột, bụi chảy cả vào hai mắt, vì trước đã hẹn không dám dậy tránh, bèn khiến cả hai mắt cùng mù cả.

Phạm phu ở đời cũng thế, gần kẻ bạn gian ác, học theo phi pháp gây

nên nghiệp lụy đọa vào đường ác, ở mãi trong sinh tử, mất mắt trí tuệ, như kẻ ngu kia vì hai vợ mà mù cả hai mắt.

Ngậm gạo bị khoét miệng

Chính văn

唸米決口喻

昔有一人至婦家舍，見其擣米，便往其所偷米唸之。婦來見夫欲共其語，滿口中米都不應和，羞其婦故不肯棄之，是以不語。婦怪不語，以手摸看謂其口腫，語其父言：「我夫始來卒得口腫，都不能語。」

其父即便喚醫治之。時醫言曰：「此病最重，以刀決之可得差耳。」

即便以刀決破其口，米從中出其事彰露。

世間之人亦復如是，作諸惡行犯於淨戒，覆藏其過不肯發露，墮於地獄畜生餓鬼。如彼愚人以小羞故不肯吐米，以刀決口乃顯其過。

Phiên âm

ÁN MỄ QUYẾT KHẨU DỤ

Tích hữu nhất nhân chí phụ gia xá, kiến kỳ đảo mễ, tiện vãng kỳ sở thâm mễ án chi. Phụ lai kiến phu dục cộng kỳ ngữ, mẫn khẩu trung mễ đô bất ứng họa, tu kỳ phụ cố bất khả khí chi, thị dĩ bất ngữ. Phụ quái bất ngữ, dĩ thủ mạc khán vị kỳ khẩu thũng, ngữ kỳ phụ ngôn: “Ngã phu thủy lai tốt đắc khẩu thũng, đô bất năng ngữ”.

Kỳ phụ tức tiện hoán y trị chi. Thời y ngôn viết: “Thủ bệnh tối trọng, dĩ đao quyết chi khả đắc sái nhĩ”.

Tức tiện dĩ đao quyết phá kỳ khẩu, mễ tông trung xuất kỳ sự chương lộ.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tác chư ác hành phạm ư tịnh giới, phú tàng kỳ quá bất khả phát lộ, đoạ ư địa ngục súc sinh

ngạ quỷ. Như bỉ ngu nhân dĩ tiểu tu cố bất khảng thổ mẽ, dĩ đao quyết khẩu nãi hiền kỳ quá.

Dịch nghĩa

Xưa có một người đến nhà vợ, thấy trong nhà đang giã gạo liền đến nơi bốc trộm gạo cho vào miệng ngậm. Người vợ đi qua trông thấy, muốn nói chuyện với chồng, nhưng miệng chồng đầy gạo không đáp chuyện được. Vì xấu hổ với vợ cho nên không dám nhả gạo ra. Người vợ lấy làm lạ liền đưa tay nắn xem, thấy miệng sưng lên, bèn bảo với bố đẻ: “Chồng con mới đến tự nhiên sưng miệng, không nói được”.

Ông bố cho mời thầy thuốc chữa. Thầy thuốc bảo: “Bệnh này rất nặng, phải lấy dao khoét miệng ra mới chữa được”.

Nói đoạn lấy dao khoét miệng người chồng, tự nhiên gạo tụt trong miệng tủa ra, rõ bày sự việc.

Người đời cũng thế, làm mọi việc xấu nhưng che đậy tội lỗi, không chịu phát lộ, phải đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Như kẻ ngu kia, chỉ vì thẹn nhỏ không chịu nhả gạo, lấy dao khoét miệng mới thấy rõ lỗi.

Nói dối ngựa chết

Chính văn

詐言馬死喻

昔有一人騎一黑馬入陣擊賊，以其怖故不能戰鬪，便以血污塗其面目，詐現死相臥死人中，其所乘馬為他所奪。軍眾既去便欲還家，即截他人白馬尾來，既到舍已有人問言：「汝所乘馬今為所在，何以不乘？」

答言：「我馬已死，遂持尾來。」

傍人語言：「汝馬本黑，尾何以白？」默然無對，為人所笑。

世間之人亦復如是，自言善好修行慈心不食酒肉，然殺害眾生加諸楚毒，妄自稱善無惡不造，如彼愚人詐言馬死。

Phiên âm

TRÁ NGÔN MÃ TỬ DỤ

Tích hữu nhất nhân kỳ nhất hắc mã nhập trận kích tặc, dĩ kỳ bố cổ bất năng chiến đấu, tiện dĩ huyết ô đồ kỳ diện mục, trá hiện tử tướng ngựa tử nhân trung, kỳ sở thừa mã vi tha sở đoạt. Quân chúng ký khứ tiện dục hoàn gia, tức tiết tha nhân bạch mã vĩ lai, ký đáo xá dĩ hữu nhân vấn ngôn: “Nhữ sở thừa mã kim vi sở tại, hà dĩ bất thừa?”

Đáp ngôn: “Ngã mã dĩ tử, toại trì vĩ lai”.

Bàng nhân ngữ ngôn: “Nhữ mã bản hắc, vĩ hà dĩ bạch?” Mặc nhiên vô đối, vi nhân sở tiếu.

Thế gian chi nhân diệc phục như thị, tự ngôn thiện hảo tu hành từ tâm bất thực tửu nhục, nhiên sát hại chúng sinh gia chư sở độc, vọng tự xưng thiện vô ác bất tạo, như bỉ ngu nhân trá ngôn mã tử.

Dịch nghĩa

Xưa có một người cưỡi con ngựa đen đi đánh trận, vì anh sợ không dám chiến đấu, liền lấy máu bôi vào mặt, giả hiện tướng chết, nằm lẩn trong đám tử thi, con ngựa hấn cưỡi bị người ta lấy mất. Khi tan trận liền trở về nhà, lại cắt đuôi ngựa trắng của người khác đem về, về đến nhà có người hỏi: “Con ngựa anh cưỡi đâu?”

Đáp: “Nó chết rồi, còn cái đuôi đây thôi”.

Người ta bảo ngựa anh đen sao đuôi lại trắng? Anh yên lặng, bị người chê cười.

Người đời cũng thế, cho mình khôn khéo tu hành từ tâm, nhưng sống bừa bãi liền cho mình là hay, như kẻ ngu kia nói dối ngựa chết, rồi cũng lòi đuôi ra.

Phàm phu xuất gia tham lợi

Chính văn

出家凡夫貪利養喻

昔有國王設於教法，諸有婆羅門等在我國內制抑洗淨，不洗淨者，驅令策使種種苦役。

有婆羅門空捉澡灌，詐言洗淨，人為其著水即便瀉棄。便作是言：「我不洗淨王自洗之。」為王意故用避王役，妄言洗淨實不洗之。

出家凡夫亦復如是，剃頭染衣內實毀禁，詐現持戒望求利養，復避王役，外似沙門，內實虛欺，如捉空瓶但有外相。

Phiên âm

XUẤT GIA PHÀM PHU THAM LỢI DƯỠNG DỤ

Tích hữu quốc vương thiết ư giáo pháp, chư hữu Bà la môn đẳng tại ngã quốc nội chế ức tẩy tịnh, bất tẩy tịnh giả, khu lệnh sách sử chủng chủng khổ dịch.

Hữu Bà la môn không tróc táo quán, trá ngôn tẩy tịnh, nhân vi kỳ trước thủy tức tiện tả khí. Tiện tác thị ngôn: “Ngã bất tẩy tịnh, vương tự tẩy chi”. Vì vương ý cố dụng ty vương dịch, vọng ngôn tẩy tịnh thực bất tẩy chi.

Xuất gia phàm phu diệc phục như thị, thế đầu nhiễm y nội thực hủy cấm, trá hiện trì giới vọng cầu lợi dưỡng, phục ty vương dịch, ngoại tự Sa môn, nội thực hư khi, như tróc không bình dẫn hữu ngoại tướng.

Dịch nghĩa

Xưa có nhà vua đặt ra luật lệ: Những Bà la môn ở trong nước ông,

chế lệ tắm rửa, ai không tắm sạch bắt phải làm những việc khổ ải.

Có Bà la môn cầm chậu rửa không, nói dối là người tắm rửa. Nước đổ đi rồi, nói là tôi không tắm rửa, vua tự tắm đi, vì tránh vua sai, nói liều tắm sạch, thực thì không tắm.

Kẻ phàm phu xuất gia cũng thế, cạo đầu nhuộm áo, mong cầu lợi dưỡng, lại tránh việc nước như kẻ cầm chậu không kia.

Mất cả lạc đà và chum

Chính văn

駝甕俱失喻

昔有一人先甕中盛穀，駱駝入頭甕中食穀又不得出，既不得出以為憂惱。有一老人來語之言：「汝莫愁也！我教汝出，汝用我語必得速出，汝當斬頭自得出之。」

即用其語以刀斬頭，既復殺駝而復破甕。如此癡人世間所笑。

凡夫愚人亦復如是，惛心菩提志求三乘，宜持禁戒防護諸惡，然為五欲毀破淨戒，既犯禁已捨離三乘，縱心極意無惡不造，乘及淨戒二俱捐捨，如彼愚人駝甕俱失。

Phiên âm

ĐÀ ÚNG CÂU THẤT DỤ

Tích hữu nhất nhân tiên ứng trung thành cốc, lạc đà nhập đầu ứng trung thực cốc hựu bất đắc xuất, ký bất đắc xuất dĩ vi ưu não. Hữu nhất lão nhân lai ngữ chi ngôn: “Nhữ mạc sầu dã! Ngã giáo nhữ xuất, nhữ dụng ngã ngữ tất đắc tốc xuất, nhữ đương trảm đầu tự đắc xuất chi”.

Túc dụng kỳ ngữ dĩ đao trảm đầu, ký phục sát đà nhi phục phá ứng. Như thử si nhân thế gian sở tiếu.

Phàm phu ngu nhân diệc phục như thị, hy tâm Bồ đề chí cầu Tam thừa, nghi trì cấm giới phòng hộ chư ác, nhiên vị ngũ dục hủy phá tịnh giới ký phạm cấm dĩ xả ly Tam thừa, túng tâm cực ý vô ác bất tạo, thừa cập tịnh giới nhị câu quyền xả, như bỉ ngu nhân đà ứng câu thất.

Dịch nghĩa

Xưa có một người bỏ thóc vào chum, con lạc đà chui đầu vào ăn thóc, rồi không ra được, người đó rất là lo buồn. Có một người già đến bảo: “Không lo, nghe lời tôi là ra được, anh cứ chặt đầu lạc đà là nó sẽ chui ra được”.

Thế là anh kia liền lấy dao chặt đầu lạc đà mà chum cũng vỡ. Kẻ ngu ấy bị đời chê cười.

Kẻ phạm phu ở đời cũng thế, phát tâm Bồ đề chí cầu Tam thừa, phải nên giữ cấm giới, phòng hộ điều ác, chứ sao lại say đắm năm dục hủy phá tịnh giới, đã phạm cấm lại bỏ mất Tam thừa, trong lòng hết ý không ác nào không phạm, Tam thừa và tịnh giới đều bỏ mất, giống như kẻ ngu kia lạc đà và chum cùng mất.

Nông dân mơ con gái mơ

Chính văn

田夫思王女喻

昔有田夫遊行城邑，見國王女顏貌端正世所希有，晝夜想念情不能已，思與交通無由可遂，顏色瘵黃即成重病。諸所親見，便問其人：「何故如是？」

答親里言：「我昨見王女，顏貌端正，思與交通不能得故，是以病耳。我若不得，必死無疑。」

諸親語言：「我當為汝作好方便，使汝得之，勿得愁也。」

後日見之便語之言：「我等為汝便為是得，唯王女不欲。」

田夫聞之欣然而笑，謂呼必得。

世間愚人亦復如是，不別時節春秋冬夏，便於冬時擲種土中望得果實，徒喪其功空無所獲，芽莖枝葉一切都失。

世間愚人修習少福謂為具足，便謂菩提已可證得，如彼田夫希望王女。

Phiên âm

ĐIỀN PHU TƯ VƯƠNG NỮ DỤ

Tích hữu điền phu du hành thành ấp, kiến quốc vương nữ nhan mạo đoan chính thể sở hy hữu, trú dạ tưởng niệm tình bất năng dĩ, tư dĩ giao thông vô do khả toại, nhan sắc ứ hoàng tức thành trọng bệnh. Chư sở thân kiến, tiện vấn kỳ nhân: “Hà cố như thị?”

Đáp thân lý ngôn: “Ngã tạc kiến vương nữ, nhan mạo đoan chính, tư dĩ giao thông bất năng đắc cố, thị dĩ bệnh nhĩ. Ngã nhược bất đắc, tất tử vô nghi”.

Chữ thân ngữ ngôn: “Ngã đương vị nhữ tác hảo phương tiện, sử nhữ đắc chi, vật đắc sâu dã”.

Hậu nhật kiến chi tiện ngữ chi ngôn: “Ngã đẳng vị nhữ tiện vi thị đắc, duy vương nữ bất dục”.

Diễn phu văn chi hân nhiên nhi tiếu, vị hô tất đắc.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, bất biệt thời tiết xuân thu đông hạ, tiện ư đông thời trịch chủng thổ trung vọng đắc quả thực, đồ táng kỳ công không vô sở hoạch, nha hành chi diệp nhất thiết đô thất.

Thế gian ngu nhân tu tập thiếu phúc vị vi cụ túc, tiện vị Bồ đề dĩ khả chứng đắc, như bỉ diễn phu hy vọng vương nữ.

Dịch nghĩa

Xưa có người nông dân đi rong đến thành nhà vua, thấy công chúa đẹp, ngày đêm tương tư không sao quên được, mắt xanh nanh vàng nên sinh ốm nặng. Người đến thăm hỏi: “Anh bị bệnh gì thế?”

Người đó giả lời thân hữu rằng: “Tôi tương tư công chúa, không làm sao quên được cho nên tôi mới phát bệnh ra như vậy. Nếu chẳng được toại nguyện, ắt chết chẳng ngờ gì”.

Người ta bảo: “Tôi giúp cho, không lo”.

Mấy hôm sau gặp anh ta họ bảo: “Tôi giúp anh thì được, nhưng công chúa chưa đồng ý”.

Anh nông dân nghe rồi lấy làm vui vẻ lắm, cứ chắc mẫm là việc sẽ thành.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, không theo thời tiết xuân, hạ, thu, đông. Gieo giống mùa rét những mong được kết quả, chỉ uống phí công, chẳng thu được gì, lá rau ngọn cỏ cũng không được. Kẻ ngu ở đời tu tập được chút ít công đức mà đã tự cho là đủ rồi, lại nói rằng sẽ chứng được quả Bồ đề. Cũng như người nông dân mơ tưởng công chúa.

Vắt sữa lừa

Chính văn

構驢乳喻

昔邊國人不識於驢，聞他說言驢乳甚美，都無識者。爾時諸人得一父驢，欲搆其乳，爭共捉之，其中有捉頭者、有捉耳者、有捉尾者、有捉脚者，復有捉器者，各欲先得於前飲之。中捉驢根謂呼是乳，即便搆之望得其乳。眾人疲厭都無所得，徒自勞苦空無所獲，為一切世人之所嗤笑。

外道凡夫亦復如是，聞說於道不應求處，妄生想念，起種種邪見，裸形自餓投巖赴火，以是邪見墮於惡道，如彼愚人妄求於乳。

Phiên âm

CẤU LƯ NHỮ DỤ

Tích biên quốc nhân bất thức ư lư, văn tha thuyết ngôn lư nhữ thậm mỹ, đô vô thức giả. Nhĩ thời chư nhân đắc nhất phụ lư, dục cấu kỳ nhữ, tránh cộng tróc chi, kỳ trung hữu tróc đầu giả, hữu tróc nhĩ giả, hữu tróc vĩ giả, hữu tróc cước giả, phục hữu tróc khí giả, các dục tiên đắc ư tiền ẩm chi. Trung tróc lư căn vị hô thị nhữ, tức tiện cấu chi vọng đắc kỳ nhữ. Chúng nhân bì yếm đô vô sở đắc, đồ tự lao khổ không vô sở hoạch, vi nhất thiết thể nhân chi sở xuy tiếu.

Ngoại đạo phạm phu diệc phục như thị, văn thuyết ư đạo bất ứng cấu xử, vọng sinh tưởng niệm, khởi chủng chủng tà kiến, lửa hình tự ngã đầu nham phó hỏa, dĩ thị tà kiến đạo ư ác đạo, như bỉ ngu nhân vọng cấu ư nhữ.

Dịch nghĩa

Xưa người nước kia nghe người ta nói sữa lừa tốt lắm, chú mình tuyệt không biết sữa lừa là thế nào. Bấy giờ trong làng mọi người được một con lừa đực, tranh nhau đến vắt, kẻ túm đầu, người nắm tai, người nắm đuôi, người nắm cẳng, có người mang sẵn bát đi, ai cũng muốn được uống trước. Có người nắm được “căn” nó reo lên là vú, cố sống cố chết nắm vắt hết sức. Ai cũng mệt nhọc cả, nhưng rốt cuộc không được gì hết, uống phí công lao, bị người đời chê cười.

Ngoại đạo phàm phu cũng thế, nghe nói về đạo, cầu không đúng chỗ, sinh tưởng niệm xằng, khởi rất nhiều tà kiến: Trần truồng, nhịn đói, đèo cao lao xuống, vào lửa, v.v. bởi tà kiến ấy đọa vào ác đạo, như kẻ ngu kia mong cầu được sữa lừa đực.

Hẹn cùng đi sớm với con

Chính văn

與兒期早行喻

昔有一人，夜語兒言：「明當共汝至彼聚落有所取索。」

兒聞語已至明旦，竟不問父獨往詣彼。既至彼已，身體疲極空無所獲，又不得食飢渴欲死，尋復迴來來見其父。父見子來深責之言：「汝大愚癡無有智慧，何不待我？空自往來，徒受其苦，為一切世人之所嗤笑。」

凡夫之人亦復如是，設得出家即剃鬚髮服三法衣，不求明師諮受道法，失諸禪定道品功德，沙門妙果一切都失，如彼愚人虛作往返徒自疲勞，形似沙門實無所得。

Phiên âm

DỮ NHI KỲ TẢO HÀNH DỰ

Tích hữu nhất nhân, dạ ngữ nhi ngôn: “Minh đương cộng nhữ chí bỉ tụ lạc hữu sở thủ sách”.

Nhi văn ngữ dĩ chí minh đán, cánh bất vấn phụ độc vãng nghệ bỉ. Ký chí bỉ dĩ, thân thể bì cực không vô sở hoạch, hựu bất đắc thực cơ khát dục tử, tầm phục hồi lai lai kiến kỳ phụ. Phụ kiến tử lai thâm trách chi ngôn: “Nhữ đại ngu si vô hữu trí tuệ, hà bất đãi ngã? Không tự vãng lai, đồ thụ kỳ khổ, vi nhất thiết thể nhân chi sở xuy tiếu”.

Phàm phu chi nhân diệt phục như thị, thiết đắc xuất gia túc thế tu phát phục tam pháp y, bất cầu minh sư tư thụ đạo pháp, thất chư thiện định đạo phẩm công đức, Sa môn diệu quả nhất thiết đô thất, như bỉ ngu nhân hư tác vãng phản đồ tự bì lao, hình tự Sa

môn thực vô sở đắc.

Dịch nghĩa

Xưa có một người bảo với con rằng: “Sáng mai con cùng đi với cha đến làng kia có việc cần”.

Con nghe rồi sớm mai không hỏi cha một mình đi. Đến làng kia rồi, thân thể rất mệt, không được gì cả, lại bị đói khát suýt chết, lại quay về tìm cha, cha thấy con về nói gắt: “Mày ngu quá không có trí tuệ, sao không đợi cha, một mình đi về cho khổ, bị người đời chê cười”.

Kẻ phàm phu cũng thế, đã được xuất gia cạo râu tóc, lại không tìm thấy thông minh học hỏi đạo pháp, mất hết tất cả đạo quả màu nhiệm, công đức đạo phẩm và công đức thiên định. Như kẻ ngu kia đi không về rồi, uống công nhọc mệt, không được gì cả.

Mang ghế cho vua

Chính văn

為王負机喻

昔有一王，欲入無憂園中歡娛受樂，勅一臣言：「汝捉一机，持至彼園我用坐息。」

時彼使人羞不肯捉，而白王言：「我不能捉，我願擔之。」

時王便以三十六机置其背上，驅使擔之至於園中。如是愚人為世所笑。

凡夫之人亦復如是，若見女人一髮在地，自言持戒不肯捉之；後為煩惱所惑，三十六物髮毛爪齒屎尿不淨不以為醜，三十六物一時都捉不生慚愧，至死不捨，如彼愚人擔負於机。

Phiên âm

VI VƯƠNG PHỤ CƠ DỤ

Tích hữu nhất vương, dục nhập Vô Ưu viên trung, hoan ngu thụ lạc, sắc nhất thần ngôn: “Nhữ tróc nhất cơ, trì chí bỉ viên ngã dụng tọa tức”.

Thời bỉ sử nhân tu bất khảng tróc, nhi bạch vương ngôn: “Ngã bất năng tróc, ngã nguyện đảm chi”.

Thời vương tiện dĩ tam thập lục cơ trí kỳ bối thượng, khu sử đảm chí chí ư viên trung. Như thị ngu nhân vi thể sở tiếu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, nhược kiến nữ nhân nhất phát tại địa, tự ngôn trì giới bất khảng tróc chi; hậu vi phiền não sở hoặc, tam thập lục vật phát mao thảo xỉ tử niệu bất tịnh bất dĩ vi xử, tam thập lục vật nhất thời đô tróc bất sinh tầm quý, chí tử bất xả, như bỉ ngu nhân đảm phụ ư cơ.

Dịch nghĩa

Xưa có ông vua muốn vào vườn Vô Ưu chơi, sai một quan đem một cái ghế đến vua ngồi.

Ông quan này then không chịu mang liềm tâu: “Kính tâu hoàng thượng, hạ thần không mang được, hạ thần xin gánh”.

Vua liền lấy ba mươi sáu ghế chồng lên lưng giục gánh đi vào vườn. Con kẻ ngu này bị đời chê cười.

Kẻ phàm phu cũng thế, hoặc thấy một cái tóc của nữ nhân ở đất, tự nói là giữ giới không chịu nhặt. Song bị mê lầm vì phiền não, ba sáu vật tức lông, móng, răng, phân, giải, bất tịnh, v.v. không cho là xấu. Ba mươi sáu vật một thời mang đủ, không sinh then hổ, đến chết không bỏ. Như kẻ ngu kia gánh ghế.

Tắm ngược

Chính văn

倒灌喻

昔有一人，患下部病，醫言：「當須倒灌乃可差耳。」便集灌具欲以灌之。

醫未至頃便取服之，腹脹欲死不能自勝。醫既來至，怪其所以，即便問之：「何故如是？」

即答醫言：「向時灌藥，我取服之，是故欲死。」

醫聞是語深責之言：「汝大愚人不解方便。」即便以餘藥服之方吐下，爾乃得差。如此愚人為世所笑。

凡夫之人亦復如是。欲修學禪觀種種方法，應効不淨，反効數息，應數息者効觀六界，顛倒上下無有根本，徒喪身命為其所困。不諮良師顛倒禪法，如彼愚人飲服不淨。

Phiên âm

ĐẢO QUÁN DỤ

Tích hữu nhất nhân, hoạn hạ bộ bệnh, y ngôn: “Đương tu đảo quán nãi khả sái nhĩ”. Tiệp tập quán cụ dục dĩ quán chi.

Y vị chí khoảnh tiệp thủ phục chi, phúc trưởng dục tử bất năng tự thăng. Y ký lai chí, quái kỳ sở dĩ, tức tiệp vấn chi: “Hà cố như thị?”

Tức đáp y ngôn: “Hướng thời quán dục, ngã thủ phục chi, thị cố dục tử”.

Y văn thị ngữ thâm trách chi ngôn: “Nhữ đại ngu nhân bất giải

phương tiện”. Tức tiện dĩ dư được phục chi phương thổ hạ, nhĩ nãi đắc sái. Như thử ngu nhân vì thế sở tiểu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị. Dục tu học thiền quán chủng chủng phương pháp, ứng hiệu bất tịnh, phản hiệu sở tức, ứng sở tức giả hiệu quán lục giới, điên đảo thượng hạ vô hữu căn bản, đồ tắng thân mệnh vì kỳ sở khốn. Bất tư lương sư điên đảo thiền pháp, như bỉ ngu nhân ẩm phục bất tịnh.

Dịch nghĩa

Xưa có một người bị bệnh hạ bộ, thầy thuốc bảo phải tắm ngược mới khỏi, liền gom thuốc tắm để tắm.

Khi thầy thuốc chưa đến, liền lấy thuốc uống, bụng trương to gần chết không chịu nổi. Thầy thuốc đến không hiểu tại sao, hỏi ra mới biết là uống thuốc tắm.

Thầy thuốc nghe biết mắng là ngu quá, không hiểu phương pháp mới lấy thuốc khác cho uống, thổ được thuốc tắm ra mới khỏi. Kẻ ngu như thế bị đời chê cười.

Kẻ phàm phu cũng lại như thế. Muốn tu học thiền quán, rất nhiều phương pháp, nên quán bất tịnh lại quán sở tức (đếm hơi), nên quán sở tức lại quán sáu giới, giáo giở trên dưới không có căn bản, chết uống vô ích do không hỏi minh sư, tu thiền điên đảo. Như kẻ ngu kia uống nhầm bất tịnh.

Bị gấu cắn

Chính văn

為熊所噬喻

昔有父子與伴共行，其子入林為熊所噬，爪壞身體，困急出林還至伴邊。父見其子身體傷壞，怪問之言：「汝今何故被此瘡害？」

子報父言：「有一種物，身毛毳毼來毀害我。」

父執弓箭往到林間，見一仙人，毛髮深長，便欲射之。傍人語言：「何故射之？此人無害，當治有過。」

世間愚人亦復如是，為彼雖著法服無道行者之所罵辱，而濫害良善有德之人，喻如彼父熊傷其子而枉加神仙。

Phiên âm

VI HÙNG SỞ GIẢO DỤ

Tích hữu phụ tử dữ bạn cộng hành, kỳ tử nhập lâm vi hùng sở giảo, thảo hoại thân thể, khốn cấp xuất lâm hoàn chí bạn biên. Phụ kiến kỳ tử thân thể thương hoại, quái vấn chi ngôn: “Nhữ kim hà cố bị thử sang hại?”

Tử báo phụ ngôn: “Hữu nhất chủng vật, thân mao đàm tam lai hủy hại ngã”.

Phụ chấp cung tiền vãng đảo lâm gian, kiến nhất tiên nhân, mao phát thâm trường, tiện dục xạ chi. Bàng nhân ngữ ngôn: “Hà cố xạ chi? Thử nhân vô hại, đương trị hữu quá”.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, vi bỉ tuy trước pháp phục vô đạo hạnh giả chi sở mạ nhục, nhi lạm hại lương thiện hữu đức chi

nhân, dù như bị phụ hùng thương kỳ tử nhi uống gia thần tiên.

Dịch nghĩa

Xưa có cha con đi cùng với bạn. Người con vào rừng bị gấu cắn, cào thân thể bị thương vội ra khỏi rừng lại đến bên bạn. Cha thấy thân thể con bị thương hỏi tại sao?

Người con đáp rằng: “Thưa cha có một con vật lông xù, cụp tai đến hại con”.

Cha liền cầm cung tên vào rừng, thấy một vị tiên tóc lông rất dài, toan bắn. Có người hỏi: “Tại sao bắn? Người này không hại, hãy trị kẻ có lỗi”.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, bị kẻ vô đạo hạnh mắng nhiếc, mà hại người lương thiện đạo đức. Dù người cha kia, con bị gấu cắn mà lại oán thần tiên.

Gieo giống xuống ruộng

Chính văn

比種田喻

昔有野人，來至田里，見好麥苗生長鬱茂，問麥主言：「云何能令是麥茂好？」

其主答言：「平治其地，兼加糞水，故得如是。」

彼人即便依法用之，即以水糞調和其田下種於地，畏其自腳踏地令堅其麥不生，「我當坐一床上使人輿之，於上散種，爾乃好耳。」

即使四人人擎一脚至田散種，地堅逾甚為人嗤笑，恐已二足更增八足。

凡夫之人亦復如是，既修戒田善芽將生，應當師諮受行教誡，令法芽生；而返違犯多作諸惡，便使戒芽不生，喻如彼人畏其二足倒加其八。

Phiên âm

BỈ CHỦNG ĐIỀN DỤ

Tích hữu dã nhân, lai chí điền lý, kiến hảo mạch miêu sinh trưởng
uất mậu, vấn mạch chủ ngôn: “Vân hà năng linh thị mạch mậu
hảo?”

Kỳ chủ đáp ngôn: “Bình trị kỳ địa, kiêm gia phần thủy, cố đắc như
thị”.

Bỉ nhân tức tiện y pháp dụng chi, tức dĩ thủy phần điều hòa kỳ
điền hạ chủng ư địa, úy kỳ tự cước đạp địa linh kiên kỳ mạch bất
sinh, “Ngã đương tọa nhất sàng thượng sử nhân dư chi, ư thượng
tán chủng, nhĩ nãi hảo nhĩ”.

Tức sử tứ nhân nhân kinh nhất cước chí điền tán chủng, địa kiên

du thậm vi nhân xuy tiểu, khủng kỷ nhĩ túc cánh tăng bát túc.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, ký tu giới điển thiện nha tương sinh, ưng đương sử tư thụ hành giáo giới, linh pháp nha sinh; nhĩ phản vi phạm đa tác chư ác, tiện sử giới nha bất sinh, dụ như bỉ nhân úy kỳ nhĩ túc đảo gia kỳ bát.

Dịch nghĩa

Xưa có người thôn quê đi qua ruộng thấy mầm mạ mọc tốt, hỏi người chủ ruộng làm thế nào ruộng mạ tốt thế?

Đáp: “Làm đất phẳng, trộn phân, tưới nước nên được như thế”.

Anh cũng nghe lời làm theo, đến khi gieo hạt sợ chân dẫm e đất mịn vào, giống không mọc được. Anh nghĩ: Ngồi lên một cái giường, nhờ bốn người khiêng, ngồi trên giường gieo hạt.

Thế là mỗi chân giường một người khiêng, bốn chân, bốn người thành tám chân, đất lại rắn hơn, liền bị người chê cười.

Kẻ phàm phu cũng thế, đã tu ruộng giới, mầm thiện sắp sinh phải cần thấy dạy rằng để mầm pháp mọc, mà lại trót phạm làm nhiều điều ác, khiến mầm giới không mọc. Ví như người kia, sợ hai chân lại dẫm tám cẳng.

Loài khỉ

Chính văn

獼猴喻

昔有一獼猴，為大人所打，不能奈何，反怨小兒。

凡夫愚人亦復如是，先所瞋人代謝不停滅在過去，乃於相續後生之法謂是前者，妄生瞋忿毒害彌深，如彼癡猴為大所打反嗔小兒。

Phiên âm

MY HẦU DỤ

Tích hữu nhất my hầu, vi đại nhân sở đả, bất năng nại hà, phản oán tiểu nhi.

Phàm phu ngu nhân diệt phục như thị, tiên sở sân nhân đại tạ bất đình diệt tại quá khứ, nãi ư tương tục hậu sinh chi pháp vị thị tiền giả, vọng sinh sân phần độc khuể di thâm, như bỉ si hầu vi đại sở đả phản sân tiểu nhi.

Dịch nghĩa

Xưa có con khỉ bị người lớn đánh, không làm sao được lại oán trẻ con nhà ấy.

Kẻ phàm phu ngu cũng thế, oán giận người trước, thay đổi không yên, diệt từ quá khứ đến pháp tương tục hậu sinh, cho là từ trước, liêu vào sâu độc hơn. Như con khỉ ngu si bị người lớn đánh, lại giận trẻ con.

Nguyệt thực đánh chó

Chính văn

月蝕打狗喻

昔阿修羅王，見日月明淨以手障之；無智常人，狗無罪咎橫加於惡。

凡夫亦爾，貪瞋愚癡橫苦其身，臥棘刺上五熱炙身，如彼月蝕狂橫打狗。

Phiên âm

NGUYỆT THỰC ĐÁ CẦU DỤ

Tích A Tu La vương, kiến nhật nguyệt minh tịnh dĩ thủ chướng chi; vô trí thường nhân, cẩu vô tội cữu hoành gia ư ác.

Phàm phu diệc nhĩ, tham sân ngu si hoành khổ kỳ thân, ngọa cực thích thượng, ngũ nhiệt chích thân, như bỉ nguyệt thực uống hoành đá cầu.

Dịch nghĩa

Xưa có vua Tu La thấy mặt trời mặt trăng trong sáng, lấy tay che đi (nguyệt thực). Người không trí tuệ, đánh chó vô tội mỗi khi có nguyệt thực.

Kẻ phàm phu cũng thế, tham giận ngu si đã làm khổ thân lại nằm trên chông gai, ngũ dục đốt thân, như nguyệt thực kia đánh oan con chó.

Phụ nữ đau mắt

Chính văn

婦女患眼痛喻

昔有一女人，極患眼痛，有知識女人問言：「汝眼痛耶？」

答言：「眼痛。」

彼女復言：「有眼必痛，我雖未痛並欲挑眼恐其後痛。」

傍人語言：「眼若在者或痛不痛，眼若無者終身長痛。」

凡愚之人亦復如是，聞富貴者衰患之本，畏不布施恐後得報，財物殷溢重受苦惱。

有人語言：「汝若施者或苦或樂，若不施者貧窮大苦。」如彼女人，不忍近痛便欲去眼，乃為長痛。

Phiên âm

PHỤ NỮ HOẠN NHÃN THỐNG DỤ

Tích hữu nhất nữ nhân, cực hoạn nhãn thống, hữu tri thúc nữ nhân vấn ngôn: “Nhữ nhãn thống da?”

Đáp ngôn: “Nhãn thống”.

Bỉ nữ phục ngôn: “Hữu nhãn tất thống, ngã tuy vị thống, tịnh dục thiêu nhãn, khứng kỳ hậu thống”.

Bàng nhân ngữ ngôn: “Nhãn nhược tại giả, hoặc thống bất thống, nhãn nhược vô giả, chung thân trường thống”.

Phàm ngu chi nhân diệc phục như thị, văn phú quý giả suy hoạn

chi bản, úy bất bố thí khủng hậu đắc báo, tài vật ân dật trọng thụ khổ não.

Hữu nhân ngữ ngôn: “Nhữ nhược thí giả hoặc khổ hoặc lạc, nhược bất thí giả bần cùng đại khổ”. Như bỉ nữ nhân, bất nhẫn cận thống tiện dục khủ nhĩ, nãi vi trường thống.

Dịch nghĩa

Xưa có cô gái rất sợ đau mắt. Có cô tri thức hỏi: “Chị đau mắt à?”

“Đau mắt”.

Cô kia lại nói: “Có mắt ắt phải đau, tôi nay tuy chưa đau, mà đã muốn khêu con mắt ra để sau này đỡ bị đau”.

Người bên cạnh nói: “Nếu mắt còn, thì lúc đau lúc không; nếu như không còn mắt nữa thì đau cả đời”.

Kẻ phàm ngu cũng thế, nghe người ta nói giàu sang là gốc của hoạn nạn, lại sợ không dám bá thí nữa, e sau này phải chịu báo của cái đầy rẫy, lại càng khổ não.

Có người nói: “Nếu bác bá thí, sau này chịu báo có khổ có vui. Nếu không chịu bá thí thì chỉ có cùng khổ”, giống như cô gái kia không chịu đau trong chốc nhát, lại muốn bỏ mắt để phải đau mãi.

Bố giữ hoa tai con

Chính văn

父取兒耳璫喻

昔有父子二人緣事共行，路賊卒起欲來剝之，其兒耳中有真金璫，其父見賊卒發，畏失耳璫，即便以手挽之，耳不時決，為耳璫故便斬兒頭。

須臾之間賊便棄去，還以兒頭著於肩上不可平復。如是愚人為世間所笑。

凡夫之人亦復如是，為名利故造作戲論，言二世有二世無，中陰有中陰無，心數法有心數法無，種種妄想不得法實。他人以如法論破其所論，便言：「我論中都無是說。」

如是愚人為小名利，便故妄語喪沙門道果，身壞命終墮三惡道，如彼愚人為少利故斬其兒頭。

Phiên âm

PHỤ THỬ NHI NHĨ ĐANG DỰ

Tích hữu phụ tử nhị nhân duyên sự cộng hành, lộ tặc tốt khởi dục lai bác chi, kỳ nhi nhĩ trung hữu chân kim đang, kỳ phụ kiến tặc tốt phát, úy thất nhĩ đang, tức tiện dĩ thủ văn chi, nhĩ bất thời quyết, vi nhĩ đang cố tiện trảm nhi đầu.

Tu du chi gian tặc tiện khí khứ, hoàn dĩ nhi đầu trước ưu kiên thượng bất khả bình phục. Như thị ngu nhân vi thế gian sở tiếu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, vi danh lợi cố tạo tác hý luận, ngôn nhị thế hữu nhị thế vô, trung ấm hữu trung ấm vô, tâm số pháp hữu tâm số pháp vô, chủng chủng vọng tưởng bất đắc pháp thực. Tha nhân dĩ như pháp luận phá kỳ sở luận, tiện

ngôn: “Ngã luận trung đô vô thị thuyết”.

Như thị ngu nhân vị tiểu danh lợi, tiện cố vọng ngũ táng Sa môn đạo quả, thân hoại mệnh chung đọa tam ác đạo, như bỉ ngu nhân vị thiếu lợi cố trăm kỳ nhi đầu.

Dịch nghĩa

Xưa có hai cha con, có việc cùng đi ra ngoài, nửa đường gặp giặc cướp, ông bố thấy tai con có đeo đôi hoa vàng, sợ giặc cướp mất hoa tai, bèn dùng tay dứt lấy, nhưng lại sợ dứt mất tai con, vì hoa tai liền chém đầu con.

Lát sau giặc bỏ đi, lại đem đầu con lắp vào vai con, nhưng không thể liền lại được nữa. Kẻ ngu si này, bị người đời chê cười.

Kẻ phàm phu ở đời cũng như vậy, chỉ vì danh lợi mà tạo dựng ngôn thuyết, rằng không hai đời, có hai đời, không trung ấm, có trung ấm, không có pháp tâm số, có pháp tâm số, sinh ra vô vàn các loại vọng tưởng, không được pháp thật. Người khác dùng luận như pháp, phá luận sai kia, liền chối: “Trong luận của tôi không có chuyện ấy”.

Kẻ ngu này vì chút danh lợi nhỏ, nên cố nói sai đến nỗi mất đạo quả Sa môn, chết sẽ đọa vào ba ác đạo, cũng giống như kẻ ngu kia, vì chút lợi nhỏ mà chém đầu con.

Cướp trộm chia củ

Chính văn

劫盜分財喻

昔有群賊共行劫盜，多取財物即共分之等以為分，唯有鹿野欽婆羅色不純好，以為下分與最劣者。下劣者得之悲恨，謂呼大失，至城賣之。諸貴長者多與其價，一人所得倍於眾伴，方乃歡喜踊悅無量。

猶如世人不知布施有報無報，而行少施得生天上，受無量樂方更悔恨，悔不廣施。如欽婆羅後得大價，乃生歡喜；施亦如是，少作多得，爾乃自慶，恨不益為。

Phiên âm

KIỆP ĐẠO PHÂN TÀI DỤ

Tích hữu quần tặc cộng hành kiếp đạo, đa thủ tài vật tức cộng phân chi, đẳng dĩ vi phân, duy hữu lộc dã Khâm bà la sắc bất thuần hảo, dĩ vi hạ phận dữ tối liệt giả. Hạ liệt giả đắc chi khuể hận, vị hô đại thất, chí thành mại chi. Chư quý trưởng giả đa dĩ kỳ giá, nhất nhân sở đắc bội ư chúng bạn, phương nãi hoan hỷ dũng duyệt vô lượng.

Do như thế nhân bất tri bố thí hữu báo vô báo, nhi hành thiếu thí đắc sinh thiên thượng, thụ vô lượng lạc phương cánh hối hận, hối bất quảng thí. Như Khâm bà la hậu đắc đại giá, nãi sinh hoan hỷ; thí diệc như thị, thiếu tác đa đắc, nhĩ nãi tự khánh, hận bất ích vi.

Dịch nghĩa

Xưa có bọn giặc cùng đi cướp được nhiều của cải đem về chia nhau, chúng quy ước phải chia cho đồng đều. Trong số đó, chỉ có con hươu Khâm bà la màu sắc sỗ cho là thứ kém, liền chia cho

kẻ cuối cùng. Kẻ kém được hươu tức bực nói to: “Thiệt thòi quá!”
Liền đem đến thành bán, những nhà quý phái giả cho giá đắt.
Thành ra phần của anh ta hơn chúng bạn rất nhiều, thế là vui
mừng vô hạn.

*Cũng như người đời, không biết tu hạnh bá thí có báo hay không,
nhưng bá thí ít được sinh lên trời hưởng phúc vô lượng, mới hối hận
bá thí nhiều hơn, như Khâm bà la sau được giá đắt mới sinh vui
mừng. Bá thí cũng thế, làm ít phúc nhiều đến nay mới mừng, chỉ tiếc
không bá thí nhiều.*

Khỉ đánh rơi đậu

Chính văn

獼猴把豆喻

昔有一獼猴，持一把豆，誤落一豆在地，便捨手中豆欲覓其一，未得一豆先所捨者雞鴨食盡。

凡夫出家亦復如是，初毀一戒而不能悔，以不悔故放逸滋蔓一切都捨，如彼獼猴失其一豆一切都棄。

Phiên âm

MY HẦU BẢ ĐẬU DỤ

Tích hữu nhất my hầu, trì nhất bả đậu, ngộ lạc nhất đậu tại địa, tiện xả thủ trung đậu dục mệnh kỳ nhất, vị đắc nhất đậu tiên sở xả giả kê áp thực tận.

Phàm phu xuất gia diệt phục như thị, sơ hủy nhất giới nhi bất năng hối, dĩ bất hối cố phóng dật tư mạn nhất thiết đô xả, như bỉ my hầu thất kỳ nhất đậu nhất thiết đô khí.

Dịch nghĩa

Xưa có con khỉ, trong tay cầm một nắm đậu, lỡ rơi một hạt xuống đất, liền bỏ cả nắm trong tay để nhặt một hạt rơi. Chưa nhặt được hạt kia mà nắm đậu bỏ xuống đã bị gà vịt ăn hết.

Dụ như người xuất gia, trước nhờ phạm một giới mà không biết sám hối, vì không sám hối cho nên buông thả phóng dật rồi hết thấy điều phạm, như con khỉ kia đã mất một hạt, lại làm mất cả.

Được chuột vàng

Chính văn

得金鼠狼喻

昔有一人在路而行，道中得一金鼠狼，心生喜踊持置懷中，涉道而進至水欲渡，脫衣置地，尋時金鼠變為毒蛇。此人深思：「寧為毒蛇螫殺，要當懷去。」

心至冥感，還化為金。傍邊愚人見其毒蛇變成真實，謂為恒爾，復取毒蛇內著懷裏，即為毒蛇之所螫，喪身殞命。

世間愚人亦復如是，見善獲利內無真心，但為利養來附於法，命終之後墮於惡處，如捉毒蛇被螫而死。

Phiên âm

ĐẮC KIM THỦ LANG DỤ

Tích hữu nhất nhân tại lộ nhi hành, đạo trung đắc nhất kim thủ lang, tâm sinh hỷ dũng trì trí hoài trung, thiệp đạo nhi tiến chí thủy dục độ, thoát y trí địa, tầm thời kim thủ biến vi độc xà. Thủ nhân thâm tư: “Ninh vi độc xà thích sát, yếu đương hoài khứ”.

Tâm chí minh cảm, hoàn hóa vi kim. Bàng biên ngu nhân kiến kỳ độc xà biến thành chân bảo, vị vi hằng nhĩ, phục thủ độc xà nội trước hoài lý, tức vi độc xà chi sở thích thích, táng thân vẫn mệnh.

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, kiến thiện hoạch lợi nội vô chân tâm, dẫn vị lợi dưỡng lai phụ ư pháp, mệnh chung chi hậu đạo ư ác xứ, như tróc độc xà bị thích nhi tử.

Dịch nghĩa

Xưa có một người đang đi đường, được con chuột vàng, anh mừng

quýnh lên bỏ vào tay nải ôm đi. Khi đến chỗ lội anh cởi áo để xuống đất. Ngay khi ấy chuột vàng hóa ra rắn độc, anh ta nghĩ kỹ: Thà bị rắn độc phun chết chứ không bỏ, nên cú bọc vào áo mặc.

Vì tâm vận tưởng, rắn ngấm lại hóa chuột vàng. Kẻ ngu bên cạnh thấy rắn độc hóa vàng cho là điều thế cả, lại bắt rắn độc bỏ vào áo, liền bị nó cắn chết.

Kẻ ngu ở đời cũng thế, thấy việc thiện được lợi, trong lòng không thực chỉ vì lợi dưỡng, dựa vào đạo pháp, chết rồi đọa vào chốn ác, như kẻ bắt rắn độc bị cắn chết.

Nhặt được tiền vàng

Chính văn

地得金錢喻

昔有貧人在路而行，道中偶得一囊金錢，心大喜躍即便數之，數未能周，金主忽至，盡還奪錢，其人當時悔不疾去，懊惱之情甚為極苦。

遇佛法者亦復如是，雖得值遇三寶福田，不勤方便修行善業，忽爾命終墮三惡道，如彼愚人還為其主奪錢而去。如偈所說：

「今日營此事，

明日造彼事，

樂著不觀苦，

不覺死賊至。

忽忽營眾務，

凡人無不爾，

如彼數錢者，

其事亦如是。」

Phiên âm

ĐỊA ĐẮC KIM TIỀN DỤ

Tích hữu bản nhân tại lộ nhi hành, đạo trung ngẫu đắc nhất nang kim tiền, tâm đại hỷ duyệt tức tiện số chi, số vị năng chu, kim chủ hốt chí, tận hoàn đoạt tiền, kỳ nhân đương thời hối bất tật khứ, áo não chi tình thậm vi cực khổ.

Ngộ Phật pháp giả diệc phục như thị, tuy đắc trực ngộ Tam bảo phúc điền, bất cần phương tiện tu hành thiện nghiệp, hốt nhĩ mệnh chung đọa tam ác đạo, như bỉ ngu nhân hoàn vi kỳ chủ đoạt tiền nhi khứ. Như kệ sở thuyết:

“Kim nhật doanh thử sự,
Minh nhật tạo bỉ sự,
Lạc trước bất quan khổ,
Bất giác tử tặc chí.
Thông thông doanh chúng vụ,
Phàm nhân vô bất nhĩ,
Như bỉ số tiền giả,
Kỳ sự diệc như thị”.

Dịch nghĩa

Xưa có người nghèo đi đường được một túi tiền vàng, mừng quá giở ra đếm, chưa xong, người chủ vàng bỗng đến, lại giật hết tiền, người kia hối hận quá vì không đi cho nhanh, trong lòng rất lấy làm buồn khổ.

Người gặp Phật pháp cũng thế. Tuy được gặp Tam bảo phúc điền, không siêng tu hành việc thiện, bỗng rồi chết đi, đọa ba đường ác, như kẻ ngu kia lại bị ông chủ cướp vàng đi. Như kệ dạy đây:

*Hôm nay bận việc này,
Ngày mai làm việc khác.
Mãi vui không thấy khổ,
Thình lình cái chết đến.
Mãi miết làm mọi việc,
Người ta ai cũng thế.
Như kẻ đếm tiền kia,
Không tu cũng như thế.*

Người nghèo muốn bằng người giàu

Chính văn

貧兒欲與富等財物喻

昔有一貧人少有財物，見大富者意欲共等，不能等故，雖有少財欲棄水中。傍人語言：「此物雖渺，可得延君性命數日，何故捨棄擲著水中？」

世間愚人亦復如是，雖得出家少得利養，心有惓望常懷不足，不能得與高德者等，獲其利養。見他宿舊有德之人，素有多聞多眾供養，意欲等之不能等故，心懷憂苦便欲罷道，如彼愚人欲等富者自棄己財。

Phiên âm

BẢN NHI DỤC DỮ PHÚ ĐẲNG TÀI VẬT DỤ

Tích hữu nhất bản nhân thiếu hữu tài vật, kiến đại phú giả ý dục cộng đẳng, bất năng đẳng cố, tuy hữu thiếu tài dục khí thủy trung. Bàng nhân ngữ ngôn: “Thử vật tuy tiển, khả đắc duyên quân tính mệnh sổ nhật, hà cố xả khí trịch trước thủy trung?”

Thế gian ngu nhân diệc phục như thị, tuy đắc xuất gia thiếu đắc lợi dưỡng, tâm hữu hy vọng thường hoài bất túc, bất năng đắc dĩ cao đức giả đẳng, hoạch kỳ lợi dưỡng. Kiến tha túc cự hữu đức chi nhân, tố hữu đa văn đa chúng cúng dưỡng, ý dục đẳng chi bất năng đẳng cố, tâm hoài ưu khổ tiện dục bãi đạo, như bỉ ngu nhân dục đẳng phú giả tự khí kỷ tài.

Dịch nghĩa

Xưa có người nghèo trong nhà có chút ít của cải, thấy nhà rất giàu

muốn bằng của với họ. Vì không bằng được, cho nên có ít của muốn vứt bỏ xuống nước. Có người bảo: “Của này tuy ít, có thể giúp anh kéo dài mạng sống vài ngày, có sao lại vứt xuống nước?”

Kẻ ngu ở đời cũng thế, tuy rằng xuất gia được ít lợi dưỡng mà trong tâm luôn nghĩ rằng không đủ, không được lợi dưỡng bằng bậc cao đức. Thấy những bậc cao đức kỳ cựu, đức hạnh tốt vời, bác học đa văn, đông quần chúng cúng dàng, muốn được như họ mà không sao bằng được, tâm sinh lo khổ liền muốn bỏ đạo. Như kẻ ngu kia, muốn bằng của người giàu mà lại tự bỏ của mình.

Trẻ con được kẹo hoan hỷ

Chính văn

小兒得歡喜丸喻

昔有一乳母抱兒涉路，行道疲極眠睡不覺。時有一人持歡喜丸授與小兒，小兒得已貪其美味不顧身物，此人即時解其鉗鑲瓔珞衣物都盡持去。

比丘亦爾，樂在眾務慣鬧之處，貪少利養為煩惱賊奪其功德戒寶瓔珞，如彼小兒貪少味故一切所有賊盡持去。

Phiên âm

TIỂU NHI ĐẮC HOAN HỖ HOÀN DỤ

Tích hữu nhất nữ mẫu bảo nhi thiệp lộ, hành đạo bì cực miên thụy bất giác. Thời hữu nhất nhân trì hoan hỷ hoàn thụ dĩ tiểu nhi, tiểu nhi đắc dĩ tham kỳ mỹ vị bất cố thân vật, thủ nhân tức thời giải kỳ kiểm tỏa anh lạc y vật đô tận trì khứ.

Tỷ khiêu diệc nhĩ, lạc tại chúng vụ hội não chi xứ, tham thiếu lợi dưỡng, vi phiến não tặc đoạt kỳ công đức giới bảo anh lạc, như bỉ tiểu nhi tham thiếu vị cố nhất thiết sở hữu tặc tận trì khứ.

Dịch nghĩa

Xưa có cô vú nuôi bế đứa trẻ đi đường, mệt quá nên ngủ thiếp đi. Khi đó có kẻ đi đường đưa cho đứa trẻ viên kẹo “hoan hỷ”, đứa trẻ tham vị ngon của kẹo, không thiết gì đến của cải mang trên mình. Kẻ này liền lừa tháo hết kiểm bạc, khóa vàng, cùng những đồ mặc trên người đều lấy hết đem đi.

Tỷ khiêu cũng thế, vui những nơi ồn ào, tham chút lợi dưỡng mà bị giặc phiến não cướp cả công đức tràng ngọc giới bảo, như đứa trẻ kia,

vì tham tí lợi dưỡng cho nên có thứ gì đều bị giặc lấy đi hết.

Bà già bắt gấu

Chính văn

老母捉熊喻

昔有一老母在樹下臥，熊欲來搏，爾時老母遶樹走避，熊尋後逐，一手抱樹欲捉老母，老母得急，即時合樹捺熊兩手，熊不得動。更有異人來至其所，老母語言：「汝共我捉，殺分其肉。」

時彼人者信老母語，即時共捉。既捉之已，老母即便捨熊而走，其人後為熊所困。如是愚人為世所笑。

凡夫之人亦復如是，作諸異論既不善好，文辭繁重多有諸病，竟不成訖便捨終亡，後人捉之欲為解釋，不達其意反為其困，如彼愚人代他捉熊反自被害。

Phiên âm

LÃO MẪU TRÓC HÙNG DỤ

Tích hữu nhất lão mẫu tại thụ hạ ngoạ, hùng dục lai bách, nhĩ thời lão mẫu nhiễu thụ tẩu ty, hùng tầm hậu trục, nhất thủ bảo thụ dục tróc lão mẫu, lão mẫu đắc cấp, tức thời hợp thụ nại hùng lưỡng thủ, hùng bất đắc động. Cánh hữu dị nhân lai chí kỳ sở, lão mẫu ngữ ngôn: “Nhữ cộng ngã tróc, sát phân kỳ nhục”.

Thời bỉ nhân giả tín lão mẫu ngữ, tức thời cộng tróc. Ký tróc chi dĩ, lão mẫu tức tiện xả hùng nhi tẩu, kỳ nhân hậu vi hùng sở khốn. Như thị ngu nhân vi thể sở tiếu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, tác chư dị luận ký bất thiện hảo, văn từ phiền trọng đa hữu chư bệnh, cánh bất thành ngật tiện xả chung vong, hậu nhân tróc chi dục vi giải thích, bất đạt kỳ ý phản vi kỳ khốn, như bỉ ngu nhân đại tha tróc hùng phản tự bị

hại.

Dịch nghĩa

Xưa có bà già nằm dưới gốc cây, có con gấu đến định vồ bà. Lúc ấy, bà già chạy quanh cây tránh, gấu đuổi theo sau. Một tay gấu ôm cây, tay kia quờ ra định tóm bà già. Trong khi cấp bách, bà dựa vào cây ghì chặt hai tay gấu lại, gấu không sao cựa quậy được. Lúc đó có thêm người khác đến, bà già bảo: “Bác bắt nó với tôi rồi ta giết thịt chia nhau”.

Người kia tin lời bà già, túm lấy tay gấu, tức thời bà bỏ tay ra chạy mất, người kia sau bị khốn khổ về gấu. Kẻ ngu này bị người đời cười chê.

Kẻ phàm phu cũng thế, dựng nên quan điểm lạ vốn đã không hay, nhời vắn lồi thôï nặng nề, có nhiều lỗi, không thành ra gì rốt rồi cũng bỏ dỡ, người sau cầm xem, muốn giải thích giúp, không hiểu ý, họ lại bị khốn khổ như kẻ ngu kia thay người bắt gấu, mình lại bị hại.

Lối nước ma ni

Chính văn

摩尼水竇喻

昔有一人與他婦通，交通未竟夫從外來，即便覺之住於門外，伺其出時便欲殺害。

婦語人言：「我夫已覺，更無出處，唯有摩尼可以得出(摩尼者齊云水竇孔也)。」

欲令其人從水竇出，其人錯解謂摩尼珠，所在求覓而不知處，即作是言：「不見摩尼珠我終不去。」須臾之間為其所殺。

凡夫之人亦復如是，有人語言：「生死之中無常苦空無我，離斷常二邊，處於中道，於此中過可得解脫。」

凡夫錯解，便求世界有邊無邊及以眾生有我無我，竟不能觀中道之理，忽然命終，為於無常之所殺害，墮三惡道，如彼愚人推求摩尼為他所害。

Phiên âm

MA NI THỦY ĐẬU DỤ

Tích hữu nhất nhân dữ tha phụ thông, giao thông vị cánh phu tòng ngoại lai, tức tiện giác chi trú ư môn ngoại, tứ kỳ xuất thời tiện dục sát hại.

Phụ ngữ nhân ngôn: “Ngã phu dĩ giác, cánh vô xuất xứ, duy hữu Ma ni khả dĩ đắc xuất (Ma ni giả: Tề vân thủy đậu khổng dã)”.

Dục linh kỳ nhân tòng thủy đậu xuất, kỳ nhân thác giải vị Ma ni châu, sở tại cầu mịch nhi bất tri xứ, tức tác thị ngôn: “Bất kiến Ma ni châu ngã chung bất khứ”. Tu du chi gian vì kỳ sở sát.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, hữu nhân ngữ ngôn: “Sinh tử chi trung vô thường khổ không vô ngã, lý đoạn thường nhị biên, xử ư trung đạo, ư thủ trung quá khả đắc giải thoát”.

Phàm phu thác giải, tiện câu thế giới hữu biên vô biên cập dĩ chúng sinh hữu ngã vô ngã, cánh bất năng quán trung đạo chi lý, hốt nhiên mệnh chung, vi ư vô thường chi sở sát hại, đọa tam ác đạo, như bỉ ngu nhân suy cầu Ma ni vi tha sở hại.

Dịch nghĩa

Xưa có một người thông dâm với vợ người khác chưa xong thì chồng từ ngoài về, đứng ngoài cửa nhìn kẻ gian ra thì giết.

Người vợ bảo: “Chồng tôi biết rồi, nay lại không có lối ra, chỉ có cửa cống sau nhà là còn ra được (Ma ni là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là cống thoát nước), nay tôi bảo anh theo cống nước chảy mà ra”.

Anh kia hiểu lầm cho là hòn ngọc Ma ni, tìm mãi không thấy đâu liền nói: “Không thấy ngọc Ma ni tôi không ra”. Phút chốc bị chồng cô ta giết chết.

Kẻ phàm phu cũng thế, có người bảo: “Ở trong kiếp sinh tử, vô thường, khổ, không, vô ngã, là hai bên đoạn thường, ở vào trung đạo, qua được chỗ này khá được giải thoát”.

Kẻ phàm phu hiểu lầm, đi tìm thế giới hữu biên, vô biên và chúng sinh hữu ngã, vô ngã, chứ không quán được lý trung đạo. Khi chết, bị vô thường sát hại, đọa vào ba đường, như kẻ ngu kia, mãi tìm kiếm ngọc Ma ni mà bị kẻ khác sát hại.

Hai chim bồ câu

Chính văn

二鴿喻

昔有雄雌二鴿共同一巢，秋果熟時取果滿巢，於其後時果乾減少唯半巢在，雄瞋雌言：「取果勤苦，汝獨食之，唯有半在。」

雌鴿答言：「我不獨食，果自減少。」

雄鴿不信，瞋恚而言：「非汝獨食，何由減少？」即便以喙啄雌鴿殺。

未經幾日，天降大雨，果得濕潤還復如故，雄鴿見已方生悔恨：「彼實不食，我妄殺他。」即悲鳴命喚雌鴿汝何處去？

凡夫之人亦復如是，顛倒在懷，妄取欲樂不觀無常，犯於重禁悔之於後竟何所及？後唯悲歎如彼愚鴿。

Phiên âm

NHỊ CÁP DỰ

Tích hữu hùng thư nhị cáp cộng đồng nhất sào, thu quả thực thời thủ quả mãn sào, ư kỳ hậu thời quả can giảm thiểu duy bán sào tại, hùng sân thư ngôn: “Thủ quả cần khổ, nhữ độc thực chi, duy hữu bán tại”.

Thư cáp đáp ngôn: “Ngã bất độc thực, quả tự giảm thiểu”.

Hùng cáp bất tín, sân khuể nhi ngôn: “Phi nhữ độc thực, hà do giảm thiểu?” Tức tiện dĩ chủ trách thư cáp sát.

Vị kinh kỷ nhật, thiên giáng đại vũ, quả đắc thấp nhuận hoàn phục như cố, hùng cáp kiến dĩ phương sinh hối hận: “Bỉ thực bất thực, ngã vọng sát tha”. Tức bi minh mệnh hoán thư cáp nhữ hà

xứ khứ?

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, điền đảo tại hoài, vọng thủ dục lạc bất quán vô thường, phạm ư trọng cấm hối chi ư hậu cánh hà sở cập? Hậu duy bi thân như bỉ ngu cấp.

Dịch nghĩa

Xưa có hai con chim bồ câu đục và cái ở chung một tổ. Mùa thu quả chín lấy về được đầy tổ, về sau quả khô ngót dần, chỉ còn nửa tổ. Chim đục gắt chim cái: “Siêng năng cần khổ lấy quả, mình mày ăn hết giờ chỉ còn có một nửa”.

Chim cái đáp: “Em không ăn mảnh, quả nó ngót đấy”.

Chim đục không tin, câu gắt: “Mày không ăn vụng tại sao ít đi?”
Nói đoạn liền mổ chim cái chết.

Qua mấy ngày giời mưa to quả trương đầy như cũ. Chim đục thấy rồi, mới sinh hối hận: “Nó thực không ăn, ta giết lầm nó”, liền thương khóc gọi chim cái: “Hối em đi đâu?”

Kẻ phàm phu cũng thế, lòng đầy điền đảo nhận xằng vui thích. Không quán vô thường, phạm vào trọng cấm, sau rồi mới hối thì không kịp nữa, chỉ than thở hoài như con chim kia.

Giả vờ kêu mắt mù

Chính văn

詐稱眼盲喻

昔有工匠師，為王作務不堪其苦，詐言眼盲便得脫苦。有餘作師聞之，便欲自壞其目用避苦役。有人語言：「汝何以自毀？徒受其苦。」如是愚人為世人所笑。

凡夫之人亦復如是，為少名譽及以利養，便故妄語毀壞淨戒，身死命終墮三惡道，如彼愚人為少利故自壞其目。

Phiên âm

TRÁ XƯNG NHÃN MANH DỤ

Tích hữu công tượng sư, vi vương tác vụ bất kham kỳ khổ, trá ngôn nhãn manh tiện đắc thoát khổ. Hữu dư tác sư văn chi, tiện dục tự hoại kỳ mục dụng ty khổ dịch. Hữu nhân ngữ ngôn: “Nhữ hà dĩ tự hủy? Đồ thụ kỳ khổ”. Như thị ngu nhân vi thể nhân sở tiếu.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, vị thiếu danh dự cập dĩ lợi dưỡng, tiện cố vọng ngữ hủy hoại tịnh giới, thân tử mệnh chung đọa tam ác đạo, như bỉ ngu nhân vị thiếu lợi cố tự hoại kỳ mục.

Dịch nghĩa

Xưa có người thợ cả, làm việc cho nhà vua không chịu nổi khổ nhọc, vờ nói mắt lòa để được bớt khổ. Anh thợ khác nghe chuyện liền muốn hoại mắt mình cốt tránh việc khổ. Có người bảo: “Bác tại sao hại mình chịu khổ một cách uổng phí?” Kẻ ngu này bị đời cười chê.

Con người phàm phu cũng thế, vì chút danh dự và lợi dưỡng cứ nói

liều, hủy tịnh giới, chết đọa vào ba đường ác, như kẻ ngu kia vì chút lợi, tự hoại mất mình.

Bị giặc cướp mất tâm thần

Chính văn

為惡賊所劫失□喻

昔有二人為伴共行曠野，一人被一領□，中路為賊所剝，一人逃避走入草中。

其失□者先於□頭裏一金錢，便語賊言：「此衣適可直一枚金錢，我今求以一枚金錢而用贖之。」

賊言：「金錢今在何處？」

即便□頭解取示之，而語賊言：「此是真金，若不信我語，今此草中有好金師，可往問之。」

賊既見之，復取其衣。如是愚人□與金錢一切都失，自失其利復使彼失。

凡夫之人亦復如是，修行道品作諸功德，為煩惱賊之所劫掠，失其善法喪諸功德，不但自失其利復使餘人失其道業，身壞命終墮三惡道，如彼愚人彼此俱失。

Phiên âm

VI ÁC TẶC SỞ KIẾP THẤT ĐIỆP DỤ

Tích hữu nhị nhân vi bạn cộng hành khoáng dã, nhất nhân bị nhất lĩnh điệp, trung lộ vi tặc sở bóc, nhất nhân đào tỵ tẩu nhập thảo trung.

Kỳ thất điệp giả tiên ư điệp đầu khỏa nhất kim tiền, tiện ngũ tặc ngôn: “Thử y thích khả trực nhất mai kim tiền, ngã kim cầu dĩ nhất mai kim tiền nhi dụng thực chi”.

Tặc ngôn: “Kim tiền kim tại hà xứ?”

Tức tiện điệp đầu giải thủ kỳ chi, nhi ngữ tặc ngôn: “Thủ thị chân kim, nhược bất tín ngã ngữ, kim thủ thảo trung hữu hảo kim sư, khả vãng vấn chi”.

Tặc ký kiến chi, phục thủ kỳ y. Như thị ngu nhân điệp dữ kim tiền nhất thiết đô thất, tự thất kỳ lợi phục sử bỉ thất.

Phàm phu chi nhân điệp phục như thị, tu hành đạo phẩm tác chư công đức, vi phiền não tặc chi sở kiếp lược, thất kỳ thiện pháp táng chư công đức, bất dẫn tự thất kỳ lợi, phục sử dư nhân thất kỳ đạo nghiệp, thân hoại mệnh chung, đọa tam ác đạo, như bỉ ngu nhân bỉ thủ câu thất.

Dịch nghĩa

Xưa có hai người làm bạn với nhau cùng đi vào nơi hẻo lánh. Một người khoác tấm thảm lông, giữa đường bị giặc cướp mất, một người trốn chạy vào rừng cỏ.

Người mất thảm, trước đã giấu vào đầu tấm thảm một đồng tiền vàng. Bảo với giặc: “Áo này đáng giá một đồng tiền vàng, tôi tìm một đồng tiền vàng xin chuộc”.

Giặc hỏi: “Tiền vàng đâu?”

“Ở đầu tấm thảm, nếu không tin tôi, ở trong cỏ rậm kia có thợ vàng đến mà hỏi?”

Giặc thấy rồi, lại mất cả áo, thế là mình đã mất của, khiến cho người kia cũng mất.

Kẻ phàm phu cũng thế, đạo phẩm tu trì được bao công đức, bị giặc phiền não cướp hết, chết rồi đọa ba đường ác, như kẻ ngu kia cả hai cùng hại.

Trẻ con được rùa lớn

Chính văn

小兒得大龜喻

昔有一小兒，陸地遊戲得一大龜，意欲殺之不知方便，而問人言：「云何得殺？」

有人語言：「汝但擲置水中即時可殺。」

爾時小兒信其語故即擲水中，龜得水已即便走去。

凡夫之人亦復如是，欲守護六根修諸功德不解方便，而問人言：「作何因緣而得解脫？」

邪見外道天魔波旬，及惡知識而語之言：「汝但極意六塵恣情五欲，如我語者必得解脫。」

如是愚人不諦思惟，便用其語身壞命終墮三惡道，如彼小兒擲龜水中。

Phiên âm

TIỂU NHI ĐẮC ĐẠI QUY DỤ

Tích hữu nhất tiểu nhi, lục địa du hý đắc nhất đại quy, ý dục sát chi bất tri phương tiện, nhi vấn nhân ngôn: “Vân hà đắc sát?”

Hữu nhân ngữ ngôn: “Nhữ dẫn trịch trí thủy trung tức thời khả sát”.

Nhĩ thời tiểu nhi tín kỳ ngữ cố tức trịch thủy trung, quy đắc thủy dĩ tức tiện tẩu khứ.

Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, dục thủ hộ lục căn tu chư công đức bất giải phương tiện, nhi vấn nhân ngôn: “Tác hà nhân

duyên nhi đắc giải thoát?”

Tà kiến ngoại đạo thiên ma Ba tuần, cặp ác tri thức nhi ngũ chi ngôn: “Nhữ dẫn cực ý lục trần tứ tình ngũ dục, như ngã ngũ giả tất đắc giải thoát”.

Như thị ngu nhân bất để tư duy, tiện dụng kỳ ngũ thân hoại mệnh chung đọa tam ác đạo, như bử tiểu nhi trịch quy thủy trung.

Dịch nghĩa

Xưa có đứa trẻ chơi trên bờ, nó được con rùa to, muốn giết mà không biết làm cách nào, mới đi hỏi người ta bảo cách cho. Họ bảo cứ ném rùa xuống nước rùa sẽ chết chìm, đứa trẻ làm theo, rùa được nước bơi đi.

Kẻ phàm phu cũng như vậy, muốn giữ sáu căn làm các công đức, mình không biết phương tiện, hỏi người chỉ bảo nhân duyên giải thoát.

Bọn ngoại đạo tà kiến, thiên ma Ba tuần và ác tri thức, chúng bảo cứ sống buông thả tâm ý, chạy theo lục trần ngũ dục, như lối ta bảo thì được giải thoát.

Kẻ ngu như thế không suy nghĩ kỹ liền nghe theo chúng, chết rồi đọa vào ác đạo, như đứa trẻ kia ném rùa xuống nước.

Tổng luận

Chính văn

此論我所造，
合和喜笑語，
多損正實說，
觀義應不應。
如似苦毒藥，
和合於石蜜，
藥為破壞病，
此論亦如是。
正法中戲笑，
譬如彼狂藥，
佛正法寂定，
明照於世間。
如服吐下藥，
以酥潤體中，
我今以此義，
顯發於寂定。
如阿伽陀藥，
樹葉而裹之，

取藥塗毒竟，
樹葉還棄之。
戲笑如葉裏，
實義在其中，
智者取正義，
戲笑便應棄。

Phiên âm

Thủ luận ngã sở tạo,
Hợp hòa hỷ tiểu ngũ,
Đa tổn chính thực thuyết,
Quán nghĩa ứng bất ứng.
Như tự khổ độc được,
Hòa hợp ư thạch mật,
Dược vi phá hoại bệnh,
Thủ luận diệc như thị.
Chính pháp trung hỷ tiểu,
Thí như bỉ cuồng dược,
Phật chính pháp tịch định,
Minh chiếu ư thế gian.
Như phục thổ hạ dược,
Dĩ tô nhuận thể trung,
Ngã kim dĩ thủ nghĩa,
Hiển phát ư tịch định.
Như A già đà dược,

Thụ điệp nhi khỏa chi,
Thủ được đồ độc cánh,
Thụ điệp hoàn khí chi.
Hý tiểu như điệp khỏa,
Thực nghĩa tại kỳ trung,
Trí giả thủ chính nghĩa,
Hý tiểu tiện ưng khí.

Dịch nghĩa

*Ta tạo ra luận này
Hòa hợp lời vui cười
Tổn nhiều lời chính thực
Quán nghĩa hợp hay không.
Cũng như thuốc độc đắng
Trộn lẫn với đường phèn
Thuốc vì chữa khỏi bệnh
Luận này cũng như thế.
Đùa cười trong chính pháp
Ví như thuốc trị điên
Chính pháp Phật định tuệ
Soi sáng ở thế gian.
Như uống thuốc thổ hạ
Dùng tô bổ cơ thể
Nay tôi vì nghĩa này
Làm sáng tỏ định tuệ.*

Như thuốc A già đà

Dùng lá cây bọc lại

Lấy thuốc bôi độc rồi

Lá cây lại bỏ đi.

Đùa cười như lá bọc

Nghĩa thật ở bên trong

Người khôn lấy nghĩa chính

Đùa cười thì nên bỏ.

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ dịch

驢兒三脚

LƯ NHI TAM CƯỚC

DỰ LỬA BA CHÂN

(Xuất Khóa hư lục)

四山峭壁萬青叢

悟了都無萬物空

喜得驢兒三腳在

驀騎打趁上高峰。

Tứ sơn tiểu bích vạn thanh tùng

Ngộ liễu đô vô vạn vật không

Hỷ đắc lư nhi tam cước tại

Mịch kỵ đả sấn thương cao phong.

Tạm dịch:

Bốn bề vây bủa núi cùng thông

Đã rõ nhân gian vạn vật không

Đẳng, Diệu, Viên minh, ngôi cứu cánh

Lừa ba chân giúp tới thành công.

(Dụ này ngụ cả đạo, đời, sự, lý).

Đời đã có chuyện: Người ta đem con ngựa đực giao phối với con lừa cái, sinh ra con lai, do đã bị lai tạp thì không đẻ được nữa (vô sinh).

Nội điển dụ *Vô minh* tham ái là cha, mẹ, *Nghiệp thức* thân trung ấm là tình và khí (nhu cầu sự sống) của “tình thế gian” (động vật). Người Tam thừa nhờ ba quán Không, Giả, Trung làm phương tiện tu hành chuyển được Vô minh thành Viên minh “Cứu kính giác”, ngôi Phật vô thượng chính biến giác.

Tổ Vĩnh Gia dạy: Tính thật Vô minh là tính Phật, thân huyền (ảo) hóa từ không sinh thành pháp thân, vì quán thấy các pháp ở thế gian, vạn pháp từ tâm linh đến vật thể không có pháp nào riêng, đơn vị độc lập nên gọi là “*Không tính*” đều gá hợp nhau mà có sự, có tướng, có tên gọi nên gọi là “*Không quán*”. Vậy *hợp là duyên sinh, ly là duyên diệt, không lại hoàn không* nên gọi là “*Không quán*”. Nên các pháp (Tâm pháp, Sắc pháp) đều từ duyên sinh (*chúng duyên sinh*).

Tổ Duyên Kỳ đáp khách hỏi: “Thế nào là Phật?” Đáp: “Lừa ba chân chạy tung tăng (tức ba kiếp A tăng kỳ, tam cước lưu tử lộng để hành) tức chuyển phàm thành thánh”.

Nghĩa là người Tam thừa tu hành dùng những phương tiện thực hành *tự lợi, lợi tha, trí Bát nhã quán chiếu* mà “*đoạn hoặc chứng chân*” phá hoặc nghiệp phiền não như kiến tư, trần sa, vô minh, mà chứng chân lý đạo quả. Từng cấp bậc hiền thánh, Phật thì những *phương tiện thực hành* là cha, *trí Bát nhã quán chiếu* là mẹ, *Bồ đề thánh thai* là Phật tử.

Kinh Lăng già (Hán bộ quyển 2) Phật nêu lên ba tướng thánh trí cho Bồ tát thừa quán tưởng mà thực hành tiến tu.

1. *Tướng Vô sở hữu* (tức *Không quán*), các pháp do duyên sinh không có pháp nào đơn độc. Bồ tát ngôi thứ bảy trong thập địa, nếu ham thích ở trong định này, hưởng phần tự lợi, không gây

công hành lợi tha thì Phật bảo là hạng trí tuệ lừa què, Phật lại khuyên xuất định mà tiến tu, nếu cứ an trụ trong định này thì cũng như Thanh văn Tiểu thừa tiêu cực, ích kỷ, hẹp hòi. Hạng giống đã cháy mầm chột.

2. *Tướng Thánh trí* được sinh từ tự giác, tự nguyện trang nghiêm Phật độ thành tựu chúng sinh, như chư Phật trước đã tu nhờ phép Giả quán coi các pháp đều là chân thường, không phải hư huyền nên loài nào, nơi nào cũng phải được tế độ, không bỏ được sự nghiệp độ sinh.

Trong *Kinh Pháp hoa*, Phật dạy: “Ta vốn lập thế nguyên khiến cho tất cả chúng sinh đều được như ta không kém”. Như thế thì biết nhân địa của Bồ tát tu hành cộng với trí Bát nhã mà thành Thánh thai Bồ đề chúng tử nối nối sự nghiệp của Phật khiến dòng dõi được thịnh truyền không mất, thế là từ Bồ tát ngôi thứ tám của hàng thập địa là Đẳng giác, là ngôi Pháp vân có nghĩa là vận mây mưa giáo pháp khiến cho thượng sinh mọi loài thấp, cao, lớn, nhỏ đều được thấm nhuần mà sinh trưởng.

3. *Tu tướng Phật trí Cửu kính*: Tâm vốn thanh thản không hề mơ tưởng đến chúng đặc mức nào với những pháp “Chính thụ” như huyền này, ý nói quán chiếu thấu suốt ba cõi không như nhau, không khác nhau, hướng tới trí Phật rốt ráo cao vô thượng viên dung vô ngại, đã đoạn hết vi tế vô minh, mà thông qua ngôi Đẳng giác, Diệu giác, tới ngôi Viên giác, Cửu kính mãn giác.

Tóm lại: Người Tam thừa tu hành theo những phương tiện tự lợi, lợi tha, thông qua ba pháp quán các pháp thế gian, đều do *duyên sinh, vô ngã*, vì tập nhiều duyên mà có khổ quả, sinh, già, ốm, chết.

1. Thế là phá đoạn phiền não kiến, tư, mê sự, mê lý, *chứng được trí đạo chủng*, thành được đức giải thoát, tự lợi do *phép Không quán* thứ nhất.

2. Nhờ *phép Giả quán*, nhờ thực hành lợi tha mà phá tan hết những phiền não như cát bụi và thô tướng vô minh, *chứng được trí nhất thiết*, thành được đức Bát nhã với những phương tiện cho vui, cứu khổ, thành trưởng dưỡng Thánh thai Bồ đề chúng tử.

3. *Phép quán Trung đạo*, quán tất cả các pháp với tâm bình đẳng ở cả ba cõi không như nhau, không khác nhau dù phép đúng hay sai đều không chấp thủ nhất hướng lên trí Phật, *được phép chính định như huyền*, chứng nhất thiết chủng trí, thành đức Pháp thân.

Thế là “*ba quán phá ba hoặc, chứng ba trí, thành ba đức*”.

Hẳn các vua nhà Trần dụng phương tiện tu hành ba phép quán này mà thành tựu được công đức phá giấc phiền não, độ chúng sinh dân, củng cố và xây dựng Tổ quốc thành trì chính giác, ảnh hưởng rõ nét đại hùng, đại lực, đại từ bi của Phật Thích Ca mà lập nên dòng thiền Yên Tử Việt Nam.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BAN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ TÚGHPGVN

TRUNG TÂM BIÊN PHIÊN DỊCH TƯ LIỆU PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

BAN CHUYÊN MÔN:

Chủ tịch hội đồng khoa học:

Thượng tọa Thích Đức Thiện

Giám đốc trung tâm:

Thượng tọa Thích Thanh Phong

Phó giám đốc điều hành:

Đại đức Thích Quảng Lâm

Phó giám đốc chuyên môn:

Đại đức Thích Quảng Đại, Đại đức Thích Quang Định,

Đại đức Thích Bốn Huân, Đại đức Thích Đồng Lực,

Đại đức Thích Nguyên Tú, Đại đức Thích Vạn Lợi,

Tiến sĩ Phạm Văn Tuấn.